

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3864625 - 0510.3862946 - 0510.3862367

Fax: 05103.861.779 - Email: ttqlbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net



CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Nguyễn Chí Trung

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Trần Văn An

BIÊN TẬP

Đỗ Thị Ngọc Uyển

Võ Hồng Việt

Trần Thị Lệ Xuân

TRÌNH BÀY

Võ Hồng Việt

Trần Thị Lệ Xuân

LƯU HÀNH NỘI BỘ

BẢN TIN

Số 03 (23) - 2013

(Số chuyên đề về kiến trúc)

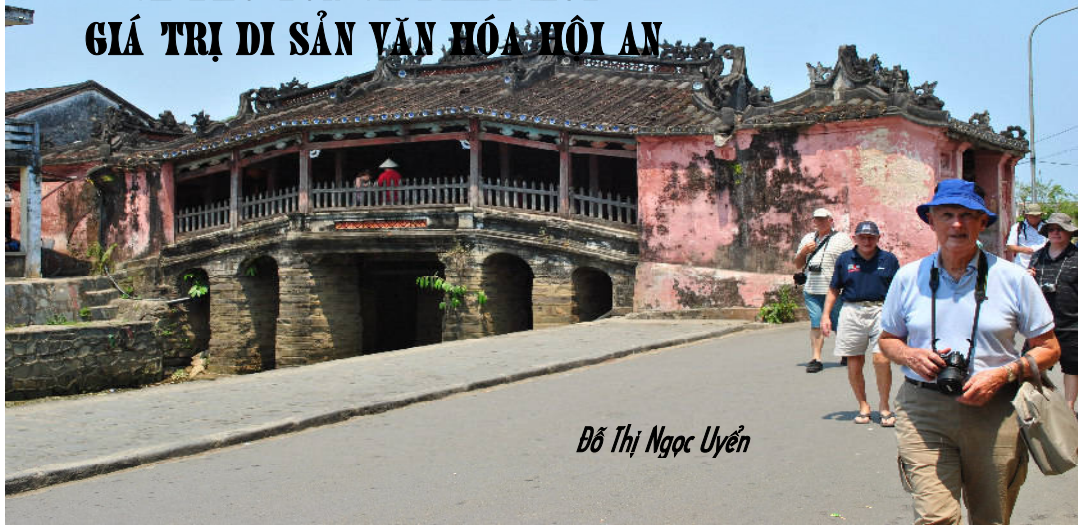
Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ:

- Đỗ Thị Ngọc Uyển - Một số quan điểm về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An..... 2
- Võ Duy Trung - Bảo tồn kiến trúc, cảnh quan khu phố cổ Hội An - Một vài quan điểm tiếp cận trong bối cảnh hiện nay..... 9
- Trương Hoàng Vinh - Di sản kiến trúc truyền thống của người Việt ở Hội An..... 13
- Trần Văn An - Đôi điều trao đổi về kiến trúc nhà tại Hội An..... 17
- Võ Hồng Việt - Vài nét về kiến trúc đình làng ở Hội An..... 23
- Trần Thanh Hoàng Phúc - So sánh nhà truyền thống Hàn Quốc và nhà cửa hiệu Hội An (tiếp theo)..... 33
- Nguyễn Bạt Tụy - Nhàng nhà xưa ở Quảng Nam..... 41
- Ngô Đức Chí - Quản lý xây dựng ở Hội An dưới thời Pháp thuộc qua một vài văn bản..... 50
- Nguyễn Chí Trung - Đài kỷ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam..... 52
- Nguyễn Thị Thanh Lương - Đình Đại Càn Tân Hiệp..... 54
- Trần Thị Lệ Xuân - Nghệ chế biến sợi Cao Lầu ở Hội An..... 56
- Nguyễn Cường - Nghệ cào kén ở Cẩm Nam..... 58
- Lê Thị Ngọc Hương - Phương tiện du lịch thân thiện..... 62
- Phạm Việt Tâm - Năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tu bổ di tích..... 63

Tin tức - Sự kiện

Bạn cần biết

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN



Có nhiều khái niệm, định nghĩa về thuật ngữ “bảo tồn” và “phát huy” nhưng để làm rõ hơn khái niệm về *bảo tồn* và *phát huy* di sản văn hóa, ta có thể hiểu như sau: Bảo tồn di sản (*heritage preservation*) được hiểu như là các nỗ lực nhằm bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có của nó. Phát huy di sản (*heritage promotion*) có nghĩa là những hành động nhằm đưa di sản văn hóa vào trong thực tiễn xã hội, coi đó như là nguồn nội lực, tiềm năng góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội, mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho con người, thể hiện tính mục tiêu của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội.

Về quan điểm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá cũng có nhiều quan điểm khác nhau. Nhưng trên thế giới vẫn tựu trung 2 quan điểm như sau: Bảo tồn nguyên vẹn và bảo tồn trên cơ sở kế thừa.

Quan điểm bảo tồn nguyên vẹn, theo Gregory J.Ashworth, thì được phát triển đầu tiên từ những năm 50 của thế kỷ XIX. Quan điểm bảo tồn nguyên vẹn này được khá nhiều học giả ủng hộ, đặc biệt các nhà bảo tồn, bảo tàng trong lĩnh vực di sản văn hóa. Những người theo quan điểm *Bảo tồn nguyên vẹn* cho rằng, những sản phẩm của quá khứ, nên được bảo vệ một cách nguyên vẹn, như nó vốn có, cố gắng phục hồi nguyên gốc các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể cũng như cố gắng cách ly di sản khỏi môi trường xã hội đương đại. Họ cho rằng, mỗi di sản chứa đựng những giá trị văn hóa - xã hội nhất định mà không phải lúc nào thể hệ hiện tại có hiểu biết một cách cụ thể để có thể phát huy những giá trị ấy một cách thích hợp. Hơn nữa, những giá trị văn hóa ấy luôn biến đổi theo thời gian do những tác động của xã hội hiện tại và sẽ tạo nên những lớp văn hóa khác không trùng nghĩa với lớp văn hóa mà thế hệ trước chuyển

giao cho thế hệ sau, vì thế, có thể làm cho các thế hệ sau nữa không thể truy nguyên được những giá trị di sản đang tồn tại. Chính vì như vậy, những người theo quan điểm này cho rằng, do chúng ta chưa có đủ thông tin, trình độ hiểu biết để có thể lý giải giá trị của các di sản văn hóa, chúng ta nên giữ nguyên trạng những di sản này để khi có điều kiện, các thế hệ tiếp nối có thể xử lý, giải thích và tìm cách kế thừa, phát huy di sản một cách tốt hơn.

Với quan điểm bảo tồn trên cơ sở kế thừa thì được các học giả nước ngoài hiện nay quan tâm nhiều hơn và là một xu thế khá phổ biến khi bàn đến di sản. Có thể kể đến như Alfrey, Putnam, Ashworth và P.J. Larkham xem di sản như một ngành công nghiệp và cần phải có cách thức quản lý di sản tương tự với cách thức quản lý của một ngành công nghiệp văn hóa với những logic quản lý đặc biệt, phù hợp với tính đặc thù của các di sản. Hoặc các nhà nghiên cứu Anh, Mỹ như Boniface, Fowler, Prentice,... thì cho rằng không thể không đề cập đến phát triển du lịch trong vấn đề bảo tồn và phát huy di sản. Cách tiếp cận của các nhà khoa học này sống động hơn, quan tâm di sản văn hóa để phát triển du lịch, để khẳng định tính đa dạng trong sáng tạo của con người. Còn các tác giả như Corner và Harvey cũng cho rằng việc quản lý di sản cần đặt dưới một cách tiếp cận toàn cầu hóa. Ngoài ra, các tác giả như Moore và Caulton cũng cho rằng cần quan tâm làm thế nào lưu giữ được các di sản văn hóa thông qua cách tiếp cận mới và phương tiện kỹ thuật mới. Nhìn chung, quan điểm lý thuyết này dựa trên cơ sở

mỗi di sản cần phải được thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình ở một thời gian và không gian cụ thể. Khi di sản ấy tồn tại ở thời gian và không gian hiện tại, di sản ấy cần phát huy giá trị văn hóa - xã hội phù hợp với xã hội hiện nay và phải loại bỏ đi những gì không phù hợp với xã hội ấy.

Với quan điểm thứ nhất là đóng gói các sản phẩm văn hóa cần được bảo vệ trong môi trường khép kín để tránh mọi tác động bên ngoài làm phương hại đến chúng. Khuynh hướng này mang lại một số kết quả rất đáng quan tâm. Nhờ các hoạt động bảo tồn đó, trong nhiều năm qua, chúng ta đã lưu giữ được nhiều sắc thái văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, văn hóa nói chung trong đó có văn hóa phi vật thể luôn gắn bó với đời sống, con người, với môi trường xã hội. Do đó, nó luôn biến đổi để phù hợp với mọi thay đổi của cuộc sống. Bởi vậy, bảo tồn theo khuynh hướng này bộc lộ hạn chế là làm khô cứng các sản phẩm văn hóa.

Với quan điểm thứ hai là quan điểm thả nổi. Sản phẩm văn hóa nào có sức sống mãnh liệt, có giá trị, có nền tảng vững chắc do được chất lọc, chưng cất, được thử thách qua nhiều bước thăng trầm của lịch sử sẽ có nhiều cơ hội và lợi thế tự khẳng định mình nhiều hơn. Điều đó phụ thuộc vào các tiêu chí và hệ giá trị. Bởi vậy, khi chúng ta sử dụng hệ giá trị hôm nay làm thước đo sự thay đổi các sản phẩm văn hóa truyền thống, khuynh hướng thả nổi sẽ đẩy nhanh quá trình làm biến dạng các tiêu chí và chuẩn mực vốn đã được định hình từ lâu. Những sản phẩm văn hóa truyền thống tuy mang đậm nét đặc thù nhưng khi

đặt trong hệ quy chiếu mới nếu không được điều chỉnh sẽ khó có cơ hội tồn tại lâu dài.

Rõ ràng là cả hai quan điểm trên đều xuất phát từ cách hiểu máy móc, siêu hình, thiếu cái nhìn biện chứng về khái niệm bảo tồn. Chỉ có thể hiểu một cách đầy đủ và đúng nghĩa khi đặt hoạt động bảo tồn trong mối quan hệ với phát huy. Ngoài việc lưu giữ để không mất đi các giá trị văn hóa, bảo tồn còn phải biết lựa chọn trong các hiện tượng đang có nguy cơ bị mất đi, những yếu tố, những khả năng tiềm ẩn để làm cho chúng tồn tại cùng với sự phát triển đi lên của cuộc sống. Mục đích sâu xa của bảo tồn là đưa di sản văn hóa vào cuộc sống để phát huy giá trị của chúng. Quan điểm trên cần phải được nhìn nhận một cách linh hoạt. Nói tóm lại là bảo tồn di sản văn hóa cần phải đi kèm với khai thác, phát huy giá trị của nó trong đời sống. Mặt khác, việc bảo tồn cần phải quan tâm đến những đặc điểm xã hội trong từng thời điểm cụ thể, tức là phải lựa chọn để bảo tồn những gì phù hợp với thời đại. Chỉ có như vậy, hoạt động bảo tồn mới có ý

nghĩa và có tính khả thi mà không trở thành lực cản đối với sự phát triển của xã hội.

Trên cơ sở tiếp thu những quan điểm về bảo tồn và phát huy giá trị di sản của các nước trên thế giới; qua thực tiễn bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An, theo tôi một số quan điểm cụ thể về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An được rút ra như sau:

Quan điểm về bảo tồn di sản văn hóa ở Hội An

- *Bảo tồn di sản văn hóa là bảo tồn nguyên dạng giá trị gốc của di sản văn hóa:* Một số quan điểm cho rằng, bảo tồn di sản văn hóa cần phải bảo tồn nguyên vẹn các yếu tố gốc của từng loại hình văn hóa bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Với những di sản “chết” như Cố đô Huế hoặc Thánh địa Mỹ Sơn thì quan điểm này phù hợp, bởi vì những di sản này không có cư dân sinh sống trong lòng di sản. Việc bảo tồn các di sản này là làm thế nào để gìn giữ tính nguyên gốc của di sản, không được tác động đến di sản với những yếu tố hiện đại, mà chỉ chống đỡ hoặc gia cố nếu xuống cấp khi nào thật sự cần thiết. Còn di sản văn hóa Hội An là di sản mà nơi con người đang sống trong từng di tích, trong lòng khu phố cổ và họ đang từng ngày, từng giờ tiếp nhận những lối sống mới, nhu cầu mới trong thời đại mới thì quan



điểm bảo tồn của Hội An phải được hiểu như là những nỗ lực nhằm *bảo tồn nguyên dạng giá trị gốc của di sản* hay “*gìn giữ sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có của nó*”. Bảo tồn nguyên dạng giá trị gốc có nghĩa là chỉ cố gắng giữ lại những yếu tố gốc khi có thể và có thể thay thế nó bằng những yếu tố mới khi cần thiết nhưng không đánh mất đi giá trị của nó, hài hòa giữa cũ và mới và đáp ứng được nhu cầu sống của người dân đương đại.

- *Bảo tồn di sản văn hóa là phải gắn kết giữa bảo tồn văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể*: Không ai có thể phủ nhận được sự phức tạp trong việc phân chia ranh giới giữa di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Giữa di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể luôn có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau, đôi lúc khó phân biệt một cách rạch ròi. Việc phân chia văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể chỉ mang ý nghĩa tương đối. Ví dụ, một ngôi nhà cổ ở Hội An là di sản văn hóa vật thể nhưng những chi tiết kiến trúc, kỹ năng sáng tạo, nghệ thuật trang trí, chạm khắc trong ngôi nhà và cả nếp sống của một gia đình sống trong ngôi nhà đó với những phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng, giáo dục,... lại là di sản văn hóa phi vật thể. Chính quan điểm gắn kết giữa bảo tồn di sản văn hóa vật thể với bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể mà Hội An đã thành công trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị di sản.

- *Bảo tồn di sản văn hóa gắn với công tác nghiên cứu khoa học và giáo dục cộng đồng*: Công tác bảo tồn di sản văn hóa không thể tách rời công

tác nghiên cứu khoa học và giáo dục cộng đồng. Nếu bảo tồn di sản văn hóa mà không có những công trình nghiên cứu đi trước làm cơ sở khoa học thì việc bảo tồn sẽ đi chệch hướng, dễ dàng đánh mất tính chân xác của di sản. Nếu bảo tồn di sản văn hóa mà không giáo dục cộng đồng để cộng đồng không nhận diện được giá trị của di sản thì chính cộng đồng sẽ là người đánh mất di sản. Vì vậy, hai vấn đề này đều gắn kết hữu cơ với nhau.

- *Bảo tồn di sản văn hóa trước hết phải chú ý đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng*: Bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với sự nỗ lực chung của cả cộng đồng về mọi mặt bao gồm ý thức, tài lực, vật lực,... Từng chủ di tích phải biết bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích, không được phép thờ ơ, vô trách nhiệm hoặc ỷ lại, dựa dẫm vào nhà nước, tập thể thì công tác bảo vệ và gìn giữ di sản của cha ông để lại mới thành công. Nhưng để thực hiện được điều này thì công tác bảo tồn di sản văn hóa phải quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu bao gồm nhu cầu vật chất và tinh thần cho cộng đồng và cộng đồng phải được hưởng lợi từ di sản. Sự thành công hay thất bại trong công tác bảo tồn kể cả bảo tồn những di sản đơn lẻ hay quần thể di sản như Hội An đều liên quan đến vấn đề này. Đó là quan điểm bảo tồn di sản văn hóa đáp ứng nhu cầu vật chất của cộng đồng. Còn quan điểm bảo tồn di sản văn hóa đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng cũng quan trọng không kém, đặc biệt với khu “*di sản sống*” như Hội An. Những sinh hoạt văn hóa, phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng của cộng đồng cũng phải được đầu tư,

quan tâm và gắn kết thật sự với cộng đồng để cộng đồng cảm thụ được những giá trị văn hóa, sống cùng với những giá trị văn hóa đó. Từ đó họ thấy thêm yêu di sản của mình và ra sức chung tay bảo tồn di sản văn hóa.

Vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đã khó nhưng còn khó khăn hơn vạn lần nếu đó là một “*di sản sống*”, bởi nó gắn liền với cuộc sống hàng ngày của cộng đồng dân cư, của làng xã và có mối quan hệ qua lại giữa một bên là người chủ di sản, và một bên là các di sản và cơ quan quản lý. Phở cổ Hội An là một “*di sản sống*” và thực sự “*sống*” được khi kết hợp hài hòa lợi ích của cộng đồng dân cư vào vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Những thành quả của Hội An hôm nay là biết gắn liền giữa bảo tồn di sản và đáp ứng nhu cầu cho cộng đồng. Ở đâu có thể “*sống*” thực sự với danh hiệu di sản, ở đâu có sự đồng thuận cao giữa cộng đồng đối với các chính sách quản lý, bảo tồn di sản thì ở đó di sản mới tồn tại với thời gian.

Quan điểm về phát huy giá trị di sản văn hóa ở Hội An

Bảo tồn di sản văn hóa không chỉ là cất giữ cho khỏi mất tài sản, để giữ gìn bản sắc dân tộc một cách hình thức hoặc tự ca ngợi mình mà ý nghĩa hơn thế rất nhiều, bảo tồn là để phát triển, khai thác các giá trị văn hoá truyền thống là làm cho nó có thể sống lại, làm cho các giá trị đó tồn tại trong đời sống thực, năng động hoá các hình thức tồn tại của di sản văn hoá trên cơ sở thu hút sự quan tâm của các tầng lớp xã hội, nhờ đó mà các giá trị được vận hành, thâm nhập vào cuộc sống

hiện tại. Và ngược lại, phát huy các giá trị di sản là để đưa giá trị văn hóa đến với cộng đồng, giúp cộng đồng phát triển kinh tế và đáp ứng cho công tác bảo tồn di sản văn hóa hoàn thiện hơn.

- Phát huy các giá trị di sản văn hóa phải biết kế thừa có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của đời trước để lại, làm cho các giá trị của di sản văn hóa thấm sâu, lan tỏa vào đời sống cộng đồng xã hội

Xét về bản chất, mỗi di tích hay mọi sinh hoạt nghệ thuật, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán, lối sống nếp sống, hoặc các tri thức dân gian về ngành nghề thủ công, y học, ẩm thực,... tất cả đều là những giá trị tồn tại dưới những dạng cái vật chất cụ thể ẩn chứa phía sau những hoạt động hoặc kết quả của các hoạt động tinh thần của con người trong mọi mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội và với chính bản thân mình. Những giá trị ấy chính là cái “*hồn*”, một nơi thể hiện rõ nhất những thành tựu, trình độ và bản sắc văn hóa của một cộng đồng tại một không gian và ở một thời gian nhất định. Tích lũy trong quá khứ, qua trường kỳ lịch sử các giá trị đó có thể trở thành một bộ phận quan trọng hợp thành vốn di sản văn hóa quý báu của dân tộc và có thể cũng là của cả nhân loại. Vì vậy, phát huy các giá trị di sản văn hóa phải biết kế thừa có chọn lọc phần “*hồn*” ấy, sáng tạo thêm, làm cho nó đó thấm sâu, lan tỏa vào đời sống cộng đồng để cộng đồng nhận diện được giá trị, biết trân trọng những giá trị ấy và tránh có cái nhìn phiến diện. Từ đó mà khơi lòng tự hào để chung tay vào bảo tồn di sản văn hóa của địa

phương, của dân tộc và của cả nhân loại.

Phát huy giá trị di sản văn hóa là để phát triển kinh tế, nhưng phát huy là phải biết kế thừa những tinh hoa của đời trước để lại. Những giá trị đó chính là sự đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn, nếu chúng phù hợp với thời đại mới thì cần được phát huy, đồng thời phải biết sáng tạo thêm những cái mới trên nền tảng những cái truyền thống để vừa làm giàu thêm bản sắc văn hóa, góp phần đáp ứng nhu cầu hướng thụ văn hóa của cư dân đương đại đồng thời cũng là cơ hội để tạo ra thêm nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng giúp phát triển kinh tế bền vững cho địa phương.

- Phát huy các giá trị di sản văn hóa phải biết mở rộng giao lưu văn hóa để làm giàu thêm bản sắc văn hóa và làm thăng hoa giá trị văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa

Từ xưa đến nay không có nền văn hóa nào tự thân phát triển bằng sự “đóng kín” mà muốn phát triển phải luôn được bồi đắp bởi nhiều nền văn

hóa khác. Vì vậy, việc giao lưu, mở rộng văn hóa để làm giàu thêm bản sắc văn hóa, đồng thời làm thăng hoa và lan tỏa văn hóa của mình đến khắp nơi luôn là khuynh hướng của mọi cộng đồng, mọi dân tộc, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Tuy nhiên, giao lưu, tiếp nhận những luồng văn hóa khác là cần thiết nhưng tiếp nhận những cái gì và biến đổi như thế nào để không đánh mất đi giá trị văn hóa của địa phương là việc không đơn giản.

Trong truyền thống ở Hội An luôn có sự giao lưu, tiếp biến văn hóa được thể hiện rất rõ nét. Các nền văn hóa Nhật Bản, Trung Hoa, Champa, phương Tây đã từng hội tụ tại Hội An, nhưng chúng không áp đặt đến văn hóa truyền thống của người Việt, nó được biến đổi và hòa cùng vào văn hóa của người Việt, tạo thành một văn hóa đặc trưng riêng có cho Hội An. Như nhà văn Nguyên Ngọc thường nói: “*Văn hóa Hội An nuốt các nền văn hóa khác*”. Tuy nhiên, trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá



Hội An cần phải làm cho văn hoá Hội An thăng hoa hơn nữa trong nền văn hoá dân tộc và lan toả ra thế giới.

- *Phát huy các giá trị di sản văn hóa nhằm mục tiêu phát triển du lịch bền vững, phục vụ tích cực cho công tác bảo tồn di sản văn hóa*

Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể là tài sản vô giá của một địa phương, của một dân tộc. Chúng phản ánh sâu sắc nhất về đặc trưng văn hóa, về cội nguồn văn hóa của địa phương đó, dân tộc đó. Với những giá trị vô giá ấy mà di sản văn hóa trở thành một bộ phận đặc biệt trong cơ cấu “*tài nguyên du lịch*”. Việc phát huy các giá trị di sản văn hóa ấy sẽ thu hút mạnh mẽ khách du lịch trong và ngoài nước đến với di sản, giúp cho ngành du lịch phát triển bền vững, giúp cho nền kinh tế của địa phương ổn định. Và điều tất nhiên, để du lịch phát triển bền vững thì những giá trị văn hóa phải được nuôi dưỡng, bồi đắp, luôn được tỏa sáng thật sự. Và muốn làm được điều đó thì mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy luôn được gắn kết với nhau. Bảo tồn phải giữ gìn được giá trị của di sản và khai thác, phát huy phải đáp ứng lại việc bảo tồn theo một quy trình *bảo tồn → phát huy → bảo tồn*. Việc khai thác quá mức tài nguyên du lịch này sẽ dẫn đến cạn kiệt và đánh mất giá trị di sản và điều đó sẽ dẫn đến sự phát triển không bền vững. Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy luôn đặt ra trong tiến trình này.

Di sản văn hóa có vai trò to lớn đối với sự phát triển lành mạnh và bền vững của cuộc sống đương đại. Vì vậy bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn

hóa là nền tảng, là nguồn động lực cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển của địa phương, của đất nước, là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người và của cả cộng đồng. Di sản văn hóa Hội An là một không gian văn hóa đặc sắc có sự kết tinh của các nền văn hóa khác nhau qua các giai đoạn. Những giá trị văn hóa đó đã từng được tỏa sáng trong quá khứ và càng tỏa sáng hơn kể từ khi được công nhận là di sản văn hóa thế giới. Sự tỏa sáng các giá trị văn hóa của Hội An là nhờ quan điểm, đường lối, chính sách đúng đắn của nhà nước, sự quan tâm, trân trọng và gìn giữ di sản của cộng đồng địa phương trong việc thực hiện mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Tuy còn nhiều quan điểm khác trong việc bảo tồn - phát huy giá trị di sản văn hóa, nhưng với sự thành công của Hội An trong lĩnh vực này thì một số quan điểm được rút ra như trên là những quan điểm cơ bản để giúp cho việc bảo tồn - phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa Hội An nói riêng thành công. Nó có thể sử dụng làm bài học cho các khu di sản mà có cộng đồng đang sinh sống như Hội An trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa♥

*** Tài liệu tham khảo:**

- Nguyễn Chí Bền (*chủ biên, 2010*), Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể ở Thăng Long - Hà Nội, Nxb Hà Nội.

- Võ Quang Trọng (*chủ biên, 2010*), Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội, Nxb Hà Nội.

BẢO TỒN KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN KHU PHỐ CỔ HỘI AN MỘT VÀI QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Võ Duy Trung

Di sản kiến trúc là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa, đồng thời là một thành tố có vai trò lớn trong việc minh chứng quá trình lịch sử và bản sắc riêng của mỗi đô thị di sản. Sự tồn tại của di sản kiến trúc sẽ chịu nhiều tác động của sự phát triển đô thị là điều tất yếu. Trong bối cảnh xã hội hiện nay, cùng với công cuộc đổi mới để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của đô thị thì việc bảo vệ và phát huy bộ phận di sản kiến trúc là công việc hết sức cần thiết. Để những giá trị vốn có của nó được lưu giữ và truyền đạt cho thế hệ mai sau một cách toàn vẹn, đòi hỏi phải có những phương pháp tiếp cận và can thiệp một cách thích hợp, đây là công việc khó khăn và thách thức.

Với đô thị cổ Hội An, trong nhiều năm, cùng với những chính sách phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội trên toàn địa bàn thành phố, công cuộc bảo tồn di sản luôn được quan tâm hàng đầu và có thể nói là chìa khóa cho những hoạch định phát triển đô thị của địa phương. Công tác quản lý, bảo tồn khu phố cổ được quan tâm từ nhiều năm trước, đặc biệt là sau khi được công nhận là di sản văn hóa thế giới cho đến nay, bên cạnh sự tập trung lớn về nguồn tài chính, thì việc đầu tư cho nguồn nhân lực chuyên

môn cũng được quan tâm và đã gặt hái được nhiều thành quả đáng kể. Nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển của một đô thị di sản trong những thời điểm khác nhau, đặc biệt là trong thời điểm quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, công tác quản lý cũng phải có những quan điểm tiếp cận phù hợp. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề xuất một vài quan điểm tiếp cận về công tác bảo tồn kiến trúc, cảnh quan khu phố cổ Hội An trong bối cảnh hiện nay.

Bảo tồn kiến trúc, cảnh quan khu phố cổ là bảo tồn bản sắc và những yếu tố làm nên bản sắc đó, vì vậy việc cần thiết và duy nhất làm tiền đề cho mọi hành động của công tác bảo tồn là làm rõ những bản sắc đặc trưng của nó.

Khu phố cổ Hội An nằm bên dòng sông Thu Bồn, được biết đến như một thương cảng cổ được hình thành từ những năm của thế kỷ XVI, với hơn 1.400 di tích thuộc nhiều thể loại khác nhau, cùng với diện mạo kiến trúc đa dạng, chịu nhiều ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa khác nhau, đã tạo cho khu phố cổ có những bản sắc đặc trưng riêng biệt và độc đáo về cảnh quan, kiến trúc đô thị và được thể hiện ở:

Hình thái đô thị khu phố cổ là một thương cảng, mà phần đô và phần

thị ngày càng phát triển mở rộng. khu phố được xác định bởi hệ thống giao thông theo kiểu bàn cờ, cùng với những đường kiệt nhỏ quanh co, uốn lượn tạo nên các không gian phố vừa mang tính hiện đại, vừa mang tính truyền thống, các đơn vị ở là những lô đất chia lô được hình thành ngay từ sơ khai và được kế thừa trong suốt quá trình mở rộng đô thị, mạng lưới đô thị là những tuyến phố đan xen với nhau,

các khoảng không gian trống của đô thị được tạo lập một cách ngẫu nhiên, mang nhiều đặc tính thú vị, đó là sự cộng hưởng giữa các không gian công cộng

và khoảng trống bên trong di tích, là khoảng sân trời, sân trong hết sức đa dạng và phong phú. Sự đa dạng về thể loại di tích được phân bố một cách hợp lý, có hệ thống và được xây dựng san sát, đan xen với nhau với khoảng lùi, chiều cao, số tầng được kiến tạo độc đáo tạo thành những nhịp điệu với sắc thái riêng biệt. Không gian cảnh quan với khoảng mở duy nhất là dòng sông thu bồn chạy dọc theo chiều dài của khu phố, tạo cảm giác êm đềm và thơ mộng. Tất cả các yếu tố trên đã tạo cho khu phố cổ Hội An có hình thái đô thị đặc trưng, riêng biệt và trở thành một đô thị điển hình của Đông Nam Á trong lịch sử.

Hình dáng và sắc thái di tích là yếu tố tạo nên những nét đặc trưng cơ bản của bản sắc khu phố cổ. Với hơn 1.400 di tích gồm nhiều loại hình khác

nhau, trong đó 1.268 di tích kiến trúc nghệ thuật thuộc các công trình dân dụng (*nhà ở, cầu, giếng, chợ*), công trình tín ngưỡng (*đình, chùa, lăng-miếu, hội quán, nhà thờ tộc*) và mộ, mỗi loại hình di tích kiến trúc trong khu phố cổ đều có những đặc điểm, sắc thái riêng. Sự tổng hòa nhiều phong cách kiến trúc của các nền văn hóa khác nhau, cùng những nét đặc trưng cơ bản về kích thước, tỉ lệ,

phong cách, vật liệu, màu sắc và cách tổ chức không gian bên trong di tích là những yếu tố tạo nên hình dáng và sắc thái riêng biệt cho khu phố cổ.



Mối quan hệ và sự kết nối giữa khu phố cổ với môi trường, cảnh quan bao gồm những yếu tố mang tính hiện hữu hoặc kết quả từ sự can thiệp của con người cũng là những nét chính làm nên bản sắc này. Khu phố cổ Hội An có vị trí nằm bên dòng sông Thu Bồn là khoảng mở chính yếu về không gian cho sự kết nối giữa khu phố cổ với môi trường tự nhiên xung quanh, là đặc điểm cơ bản liên quan đến khía cạnh môi trường, cảnh quan đô thị, một trong số tiền đề cho sự phát triển, yếu tố này góp phần vào những đánh giá tích cực và tạo nên sức lôi cuốn, là cánh cửa mang lại cái nhìn toàn cảnh và hình ảnh đặc trưng đối với khu phố cổ.

Sự cần thiết cho công tác bảo tồn kiến trúc, cảnh quan khu phố cổ là phải đưa ra được những nguyên tắc

đặc thù cho mỗi hình thức can thiệp, nhằm giữ gìn và làm tăng thêm giá trị những bản sắc đặc trưng vốn có của nó. Áp dụng cho trường hợp khu phố cổ Hội An có thể là:

Trùng tu: thực hiện trên các nguyên tắc tuân thủ theo thứ tự ưu tiên, can thiệp tối thiểu, sử dụng kỹ thuật truyền thống. Sự cần thiết trong công tác trùng tu là phải duy trì tính xác thực của lịch sử, tôn trọng đúng mức về các giá trị thẩm mỹ và tính toàn vẹn của hình thể kiến trúc di tích. Phải tạo mọi điều kiện cho công tác lưu giữ lâu dài và chuyển giao tới đa các yếu tố nguyên gốc cũng như tính chân xác của di tích cho thế hệ tương lai. Thực hiện việc can thiệp vào di tích phải dựa vào những nghiên cứu và đánh giá mang tính khoa học trên cơ sở làm rõ những yếu tố gốc. Các cấu kiện, vật liệu mang yếu tố gốc đang tồn tại phải được giữ lại đến mức tối đa nếu có thể, công tác trùng tu phải tính đến tính xác thực về vật liệu, kể cả các vật liệu mang tính kết dính và bao phủ bề mặt.

Bổ sung và mở rộng: mọi bổ sung phải tôn trọng cách tổ chức không gian truyền thống của khu phố, hạng mục được bổ sung và mở rộng phải làm tăng giá trị của tổng thể bản thân di tích, trên nguyên tắc đảm bảo sự hài hòa và tương hợp đối với công trình hiện có và cảnh quan xung quanh về bố cục, tỉ lệ, kết cấu xây dựng và hình dáng kiến trúc. Đặc biệt cần chú ý đến nhịp điệu, sự sắp đặt các không gian chức năng truyền thống và tỉ lệ các khoảng mở (*sân trước, sân trời, sân sau*) trong khối tích coi nói. Bảo đảm duy trì chức năng sử dụng của di

tích là một trong những yếu tố bản sắc chính tạo nên di tích.

Phục hồi, cải tạo, xây mới: mỗi công trình được phục hồi, cải tạo hoặc xây mới có thể góp phần làm tăng giá trị của tổng thể khu phố, cũng có thể làm tổn hại đến giá trị vốn có của nó. Sự tích tụ của những công trình xây dựng mới không thích hợp sẽ dẫn đến sự mất bản sắc riêng của khu phố cổ. Vì vậy, việc phục hồi, cải tạo hay xây mới một công trình trong khu phố cổ cần phải được cân nhắc kỹ về nhiều khả năng, vì những hậu quả xấu về cảnh quan là tiềm ẩn. Do đó, bên cạnh những nguyên tắc được nêu trong trường hợp “*Bổ sung và mở rộng*” đối với trường hợp này, khi thực hiện cần quan niệm công trình như một bộ phận của khu phố, phải được đánh giá, xem xét, dự báo những khả năng về sự đóng góp tích cực của chúng đối với không gian và cảnh quan khu phố cổ, thông qua các mối quan hệ giữa công trình mới - di tích hiện hữu, công trình mới - cảnh quan hiện hữu, công trình mới - không gian công cộng, thông qua các yếu tố về chiều cao, phong cách kiến trúc, tỉ lệ kiến trúc, vật liệu... Một công trình phục hồi, cải tạo hay xây mới được đánh giá là tốt khi bản thân nó tạo được sự kết nối với lịch sử và phù hợp với cảnh quan hiện tại. Công trình được phục hồi, cải tạo, xây mới phải đạt được mục đích tăng chất lượng cảnh quan và khả năng nhận biết đặc trưng của cảnh quan kiến trúc khu vực hơn là sự thể hiện bản chất của mình trong tổng thể, cần thiết phải xét đến yếu tố tương hợp hơn là yếu tố phù hợp với cảnh quan đô thị. Tính tương hợp không đơn giản là việc lặp

lại hình dáng của di tích có sẵn, hay lập lại hệ thống các thành phần kiến trúc của các công trình lân cận mà phải được xem xét dựa trên mối quan hệ của bản thân nó với những ký ức của khu phố thông qua tư liệu để xác định các yếu tố cần được ưu tiên về chức năng, vị trí, khoảng lùi, cũng như nhịp điệu và tỉ lệ bố cục kiến trúc công trình.

Cảnh quan: Giá trị của một khu vực đô thị lịch sử không những phụ thuộc bản thân các di tích, mà phần lớn là kết quả của sự kết hợp nhiều yếu tố trong đó không gian, khoảng trống đóng vai trò hết sức quan trọng để tạo nên một quần thể có giá trị bảo tồn. Với cách nhìn nhận như vậy, nội dung bảo tồn khu phố cổ Hội An không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn bản thân từng di tích hay tổ hợp các di tích, mà còn phải gìn giữ trạng thái nổi kết của quần thể di tích khu phố cổ với cảnh quan xung quanh, đặc biệt cảnh quan các khu ở mới đang được hình thành tại những khoảng trống có ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan khu phố cổ.

Việc khơi thông dòng sông Thu Bồn chạy dọc theo khu phố cổ về phía Tây đã tạo cho đô thị cổ có thêm nhiều điểm nhìn đẹp và thơ mộng. Công viên, mặt nước, các mảng cây xanh được bổ sung, cảnh quan xung quanh khu phố cổ được cải thiện đáng kể, nhưng kèm theo đó, nhiều loại hình công trình khác nhau được xây dựng ngày một nhiều nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của thành phố, điều này có những ảnh hưởng nhất định đến cảnh quan khu vực. Vì vậy, quan trọng là xác định phạm vi gây ảnh hưởng của các công trình bao

quanh đối với khu phố cổ để tạo nên một môi trường không gian phù hợp, phải tạo được những điểm nhìn có lợi cho di sản với nhiều hướng tiếp cận khác nhau, trong đó kiến trúc cảnh quan phải được chuyển hóa dần từ không gian di tích đến không gian đương đại. Cần thiết phải có những quy hoạch cụ thể trong việc phát triển cảnh quan khu vực này, đặc biệt là hạn chế các công trình có khối tích và chiều cao lớn nhằm đảm bảo không phá vỡ không gian vốn có của nó đồng thời phải để lại những điểm nhìn thú vị làm tăng thêm vẻ đẹp của khu vực.

Bảo tồn kiến trúc, cảnh quan khu phố cổ phải được hoạch định trên những quan điểm cụ thể và mang tính chiến lược, dự báo lâu dài phù hợp với từng bối cảnh. Một vài quan điểm đối với khu phố cổ Hội An có thể là:

- Quá trình bảo tồn đô thị cổ là quá trình lâu dài, đòi hỏi phải có tầm chiến lược, ngay cả khi chưa có khả năng thực hiện cũng cần có những ứng xử thích hợp.

- Bảo tồn đô thị phải hạn chế đến mức tối đa sự chịu tác động sức ép của phát triển kinh tế và phát triển đô thị. Vì vậy, phải xây dựng những tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ ảnh hưởng



của khu di sản tại các thời điểm khác nhau trong quá trình phát triển đô thị để điều chỉnh phù hợp.

- Việc giáo dục nhận thức trong cộng đồng là yếu tố quyết định nhất đối với công tác quản lý, bảo tồn di sản, đây là công việc phải làm trước nhất, mang tính liên tục và lâu dài.

- Bảo tồn di sản kiến trúc đô thị không phải là bảo tồn những công trình - di tích có giá trị trong một khu vực lịch sử mà công tác bảo tồn phải vượt ra cả không gian, cảnh quan bên ngoài bao gồm những khu vực có thể làm cho di sản ấy chịu ảnh hưởng trực tiếp.

- Công tác bảo tồn khu Di sản là công việc đòi hỏi có sự tham gia của cơ quan ở trên nhiều phương diện, nhiều lĩnh vực, do đó cần phải có một kế hoạch tổng thể, trong đó công tác bảo tồn khu vực lịch sử phải được dự báo trong sự phát triển chung của thành phố.

- Công tác bảo tồn phải được thực hiện trên cơ sở khoa học và phải có đánh giá, kiểm chứng để điều chỉnh cho phù hợp trong từng thời điểm khác nhau, không áp đặt những ý nghĩ chủ quan cho công tác bảo tồn.

Dung hòa giữa bảo tồn và phát triển là việc làm hết sức cần thiết trong bối cảnh xã hội ngày một phát triển như hiện nay. Giá trị của di sản là mong manh, luôn bị đe dọa và không thể tái tạo. Vì vậy, việc khai thác sử dụng, hay đặt những vấn đề về công tác bảo tồn ở mọi thời điểm đòi hỏi chúng ta phải hết sức cân nhắc và có những hướng tiếp cận phù hợp♥

DI SẢN KIẾN TRÚC TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở HỘI AN

Trương Hoàng Vinh

Biểu hiện vật thể nổi bật của di sản văn hoá Hội An là di sản kiến trúc nghệ thuật của Khu phố cổ, của vùng ven đô thị Hội An. Trong đó, Khu phố cổ Hội An được công nhận là di sản văn hóa thế giới với 2 tiêu chí II và V. Tiêu chí II: Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng. Thật vậy, di sản kiến trúc ở Hội An thể hiện sự giao lưu kiến trúc của Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, Pháp, Champa... Trong sách *Kiến trúc cổ Việt Nam*, tác giả Vũ Tam Lang phân kiến trúc cổ Việt Nam gồm có 5 loại hình: Kiến trúc quân sự - quốc phòng; Kiến trúc cung điện - dinh thự; Kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng (chùa, đền, văn miếu, lăng/mộ, đình làng, tháp Chăm); Kiến trúc dân gian (nhà ở dân gian, kiến trúc công cộng dân gian: cầu, cổng làng, quán điểm); Kiến trúc vườn cảnh⁽¹⁾.

Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập đến một số đặc điểm nổi bật của di sản kiến trúc truyền thống của người Việt ở Hội An.

1. Một số đặc điểm kiểu dáng kiến trúc truyền thống Việt Nam ở Hội An

Ở Hội An có 1412 di tích trong đó có 1153 di tích kiến trúc nghệ thuật thuộc khu phố cổ và 259 di tích ở vùng

ven Khu phố cổ. Các di tích ở Hội An thuộc nhiều loại hình nhưng di tích là Kiến trúc quân sự quốc phòng, cung điện, dinh thự, tháp Chăm, quán điểm thì không có hoặc chỉ chiếm tỷ lệ không đáng kể. Trong các công trình kiến trúc còn lại dù ở loại hình này hay loại hình khác thì đều là những công trình kiến trúc được xây dựng, chủ yếu là nhà gỗ tường xây hoặc nhà tranh.

Về nhà gỗ tường xây:

Theo thống kê ban đầu của chúng tôi, ở Hội An hiện có 17 đình làng ấp, 5 chùa làng, ngoài ra còn có nhiều lăng miếu, giếng⁽²⁾. Đây là những công trình thuộc kiến trúc dân gian theo như phân loại trong Kiến trúc cổ Việt Nam. Về bố cục của các công trình kiến trúc truyền thống ở Hội An cũng như các công trình kiến trúc truyền thống người Việt ở Quảng Nam gồm các: dạng chữ Nhất (一) với một dãy nhà ngang thường thì một gian hai chái, ba gian hai chái, năm gian hai chái (*trường hợp nhà thờ tộc Trần Thanh, lăng Tiền hiền Cù Lao Chàm...*); Dạng chữ Đinh (丁) thường thấy ở các lăng miếu, đình với tiền đường là dãy nhà ngang lớn và một phần tẩm nhô ra, vuông góc ở chính giữa của phía sau nhà ngang để làm không gian thờ tự các chính thần (*trường hợp đình ấp An Bang, đình tiền hiền Kim Bồng...*); Dạng chữ

Quốc (國)⁽³⁾ thường thấy ở một số đình làng, lăng/miếu có qui mô lớn với hai dãy nhà tả vu và hữu vu tiền đường ở phía trước như trường hợp ở Minh Hương Tuy Tiên đường, đình Ông Voi...

Về không gian chiều sâu thì thường một gian của các công trình được chia làm hai lòng hoặc ba lòng.



Nên nhìn chung những công trình kiến trúc gỗ truyền thống ở Hội An không có chiều sâu nhưng rộng về chiều ngang.

Một điểm thể hiện sự sáng tạo của người xưa trong xây dựng nhà gỗ là ở hệ vì kèo. Vì kèo nhà Việt truyền thống ở Hội An chủ yếu là cột trốn kẻ chuyền (*nhà ông Lê Độ - Cẩm Kim, nhà ông Lê Bàn - Thanh Hà, nhà ông Huỳnh Tãi - Cẩm Châu, đình Xuân Lâm...*) hoặc trính chồng trụ đội đối với nhà một nếp. Hoặc có sự kết hợp giữa hai hệ vì kèo trính chồng trụ đội ở nếp trước và cột trốn kẻ chuyền ở nếp sau (*trường hợp 142 Trần Phú, 131 Trần Phú, 20 Lê Lợi, đình Thanh*

Hà,...). Cũng có nhà hai nếp vẫn có hai hệ vì kèo cột tròn kẻ chuyền (*Nhà 85 Nguyễn Thái Học*). Vì vò cua mà dân gian Hội An gọi là “vỏ ca” thường được xử lý ở hệ mái hiên hoặc phân giao giữa nếp nhà một và nếp nhà hai. Về kết cấu vì kèo cơ bản là như vậy nhưng sự thể hiện trong mỗi loại vì kèo là rất phong phú theo nhiều hình dạng vật thể, đồ án trang trí văn hóa Việt Nam, văn hóa Trung Hoa khác nhau qua bàn tay chạm trổ tài hoa của người thợ mộc.

Về kiểu dáng hệ mái, phổ biến là hai mái, đối với một số công trình có hai chái, hè thì bốn mái. Trong một số công trình có một hệ mái, một bờ nóc, nhưng cũng một số công trình một bờ nóc chính và lại thêm một bờ nóc giả như di tích Đình Xuân Mỹ để tạo nên không gian trang trí hệ con giống trên bờ nóc. Có một số công trình có hai bờ nóc có kết cấu tiền đường hậu tẩm thì không gian bờ nóc được đắp cần trang trí các đồ án rất sinh động.

Cũng có một số di tích có diện tích nhỏ hoặc do phân bố ở vùng ven biển hoặc biển đảo mà được xây theo gạch đỡ mái vòm mà không có hệ khung gỗ. Đây là trường hợp thường thấy ở các di tích tại Cù Lao Chàm (lăng Ông Ngự, lăng Cô Hồn), lăng Ông An Bàng - Cẩm An...

Về nhà tranh, tre: Là loại hình nhà ở phổ biến ở nông thôn Hội An trong thời gian từ 1975 trở về trước. Đây là loại có qui mô nhỏ hơn nhà gỗ, tổng thể có một gian chính hai gian hồi hoặc một gian chính cộng với một nhà phụ vuông góc với nhà chính theo hình chữ L. Nhà có mái lợp lá dừa nước (ở

Cẩm Thanh, trước đây ở Cẩm Châu, Cẩm Kim, Cẩm Hà cũng có) hoặc tranh (ở *Bộc Thủy - Thanh Hà trước đây có trồng*). Hệ khung của nhà bằng tre, liên kết bằng mộng, chốt tre, hoặc dây mây, tre, cước gồm vì kèo, trính, xuyên, cột. Kèo được kết cấu theo kiểu kèo giao nguyên, kèo con tiền cái hậu... Vách nhà chủ yếu là phen cọng dừa nước/tranh hoặc tấm lá dừa nước/tranh. Nền nhà thường là đất nện hoặc lát gạch. Đặc điểm của nhà tranh là hệ cửa kể cả cửa đi và cửa sổ đều là cửa chống. Kiểu cửa này là một cách xử lý kiến trúc linh động, chống lên hứng gió, lấy sáng vào mùa khô, nắng, sập xuống che kín gió, giữ ấm vào mùa đông, mưa. Hiện nay thì nhà tranh tre dừa theo kiểu truyền thống vẫn còn được thấy ở Cẩm Thanh.

2. Một số kiểu dáng kiến trúc nhà Việt truyền thống có sự giao lưu, tiếp biến

Kiến trúc nhà ở Hội An là loại hình có sự thể hiện tiếp biến giữa văn hoá Việt và Pháp rõ nét nhất trong các công trình. Theo thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi thì ở Hội An có 4 biệt thự, nhà vườn (37 đường *Duy Tân*, nhà số 158 Nguyễn Duy Hiệu, nhà số 2, 129 Phan Chu Trinh), công sở hiện còn có nhà 149 Trần Phú - Sở bưu điện, nhà số 6 - Trần Hưng Đạo - tòa Công sứ (*Tòa công sứ đầu tiên được xây dựng vào khoảng từ 1882 đến 1889*) và các nhà phố. Trong khu vực I của phố cổ có ít nhất 37 nhà phố 1 tầng mặt đứng kiểu châu Âu, 34 nhà phố 2 tầng mặt đứng kiểu châu Âu. Nhà phố tập trung chủ yếu các đường Trần Phú, Nguyễn Thái Học, Phan Bội Châu, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Diệu,

Lê Lợi, Nguyễn Huệ. Trong đó có một số nhà có niên đại xây dựng cụ thể, nhà 47 Nguyễn Thái Học xây năm 1920, nhà 108 Nguyễn Thái Học xây năm 1919... Điểm đặc trưng nhất của những ngôi nhà này là mái lợp ngói âm dương truyền thống, bờ hồi luôn thẳng, không có trường hợp nào uốn cong hoặc giật cấp, hiên được đỡ bằng cột, có hệ cột chịu lực chia hiên nhà làm ba gian, 20/34 trường hợp là không gian hiên hình vòm, ngoài ra còn có hình chữ nhật. Các cột được trang trí theo kiểu thức Gothic có áp gờ chỉ nổi cắt ngang, giật cấp vuông góc, một cột được trang trí theo kiểu Romantic. Phần trên, bên ngoài của mảng tường hiên được đắp nổi các đồ án hình thoi, hình chữ nhật, hình vuông... nằm trong các ô học. Tường nhà, cột tô bằng vữa vôi, xi măng hoặc cột gỗ. Hệ cửa thường thấy là cửa pa nô, lá sách bằng gỗ hoặc cửa khung gỗ hình vòm hoặc bát (*box*) cửa hình vòm, cửa hình chữ nhật. Cũng có nhiều nhà xây dựng theo kiểu thức châu Âu nhưng nội thất có khung lực bằng các cột gỗ liên kết với hệ vì kèo chông rường (*có 5 nhà*) hoặc kèo suốt (*có 14 nhà*)⁽⁴⁾. Về không gian ngôi nhà và hệ khung chịu lực ngôi nhà là vì kèo thì không có sự khác biệt lớn đối với nhà Việt Nam truyền thống. Điểm qua loại hình kiến trúc này để nhận thấy sự xử lý sáng tạo trong kết hợp kiến trúc truyền thống Việt Nam và kiến trúc Pháp hay là kiến trúc phương



Tây. Đó là kiến trúc truyền thống 3 gian hai chái, mái lợp ngói âm dương truyền thống của Việt Nam được người Hội An áp dụng vào những ngôi nhà công sở kiểu Pháp để biến thành 3 gian hai phòng lõi làm tầng không gian sử dụng mà vẫn đảm bảo mỹ thuật ở hệ mái (*Nhà số 2 Phan Châu Trinh*). Trong những công trình nhà phố, vẫn phân bố không gian nhà theo kiểu truyền thống và sử dụng bộ vì kèo chông rường nhưng được nâng lên về chiều cao để làm hệ chịu lực chính cho những ngôi nhà hai tầng mặt tiền kiểu Pháp để tạo thêm diện tích sinh hoạt (*nhà 151 Trần Phú; 23, 85, 106 Nguyễn Thái Học*). Dưới góc độ tiện nghi sử dụng thì điều này ưu việt hơn so với những ngôi nhà cổ truyền thống có không gian chật chội, ẩm thấp. Bởi kiến trúc nhà phố Hội An vào thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX lại có đặc điểm chung là: nhà một tầng, mái ngói âm dương, đầu hồi uốn lượn, giật cấp, mặt tiền có mái hiên được đỡ bằng hệ cột, bẩy, vại gỗ, cửa gỗ ván xàng, panô, thượng song hạ bản. Nhà thường chia làm 3 đến 5 gian, hệ thống chịu

lực của nội thất là vách tường xây bằng vữa hợp chất vôi ghè vỏ hên trộn nhót thực vật hoặc vách gỗ. Vì kèo kiểu cột trốn kẻ chèo hay trính chống trụ đội và liên kết với các xuyên đà gỗ. Nhà được chia làm gian đầu tiên để buôn bán, kế tiếp là nhà cầu và sân trời, tiếp theo là các gian phòng ở, phía sau là bếp, khu vệ sinh.

Điêm qua một số đặc điểm của các công trình kiến trúc truyền thống ở Việt Nam để thấy rằng kiến trúc truyền thống Việt Nam ở Hội An có sự kế thừa kiểu dáng kiến trúc truyền thống của dân tộc bên cạnh đó có sự kết hợp giao thoa. Đồng thời, do phụ thuộc vào không gian bố trí mà trong kết cấu kiểu dáng kiến trúc có sự linh động chuyển hoá cho phù hợp. Qua bài viết này, chúng tôi nghĩ rằng vấn đề nhà tranh ở nông thôn của Hội An cần được quan tâm và chọn ra một số ngôi nhà điển hình để bảo tồn nhất là đối với những nhà nằm ở vùng nông thôn có gắn kết với du lịch.

* Tài liệu tham khảo

- (1) Vũ Tam Lang (1991), Kiến trúc cổ Việt Nam, Nhà xuất bản xây dựng và Nhà xuất bản Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội
- (2) Võ Hồng Việt (2012): Di sản kiến trúc làng xã ở Hội An trong bối cảnh đô thị hóa - Kỳ yếu Hội thảo: Văn hóa làng xã Hội An trong bối cảnh đô thị hóa, tr 39
- (3) Thân Văn Bình (2008): Bộ cục không gian nhà ở cổ truyền Quảng Nam - Kỳ yếu Nhà ở cổ truyền người Việt tại Quảng Nam, tr 42, 43
- (4) Viện nghiên cứu Văn hóa Quốc tế - Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (2003): Kiến trúc phố cổ Hội An - Việt Nam, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội

ĐÔI ĐIỀU TRAO ĐỔI VỀ KIẾN TRÚC NHÀ TẠI HỘI AN

Trần Văn An

Theo thống kê năm 2000 của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An), loại hình kiến trúc nhà ở chiếm 78,5% trong tổng số các di tích, danh thắng trên địa bàn thành phố. Con số này chưa kể các di tích nhà ở có giá trị tại các vùng ven, vùng nông thôn của thành phố do chưa được chú ý khảo sát, xác định. Tuy nhiên với con số 78,5% chúng ta cũng có thể thấy được vai trò quan trọng của các di tích kiến trúc nhà ở trong tổng thể di sản văn hoá Hội An nói chung, quần thể di tích kiến trúc Khu phố cổ Hội An nói riêng.

Với tính chất là một đô thị - thương cảng trung cận đại tại Hội An từ khá sớm đã hình thành hai khu vực cư trú mang một số đặc điểm riêng là nông thôn và phố thị. Khu vực phố thị nằm ở trung tâm nơi diễn ra các hoạt động buôn bán, dịch vụ và khu vực

nông thôn gồm nhiều làng xã nằm ở xung quanh như các vệ tinh bao quanh hạt nhân. Sự phân biệt giữa hai khu vực này tuy không rõ ràng và không quá cách biệt nhưng không phải là “*bất phân*” như một số người nhận xét. Chỉ riêng về kiến trúc nhà ở thì trong hai khu vực này vẫn có nhiều điểm không giống nhau.

Do đặc điểm về địa bàn cư trú, môi trường sinh hoạt và tập quán dân cư nên những ngôi nhà ở nông thôn mang những nét khác với ngôi nhà của tầng lớp thị dân nơi phố thị. Qua khảo sát chúng tôi thấy ở vùng nông thôn Hội An phổ biến có hai kiểu nhà: nhà tranh tre và nhà ngói gỗ. Đặc điểm của kiểu nhà tranh tre là có kèo chữ đỉnh, không có chái. Bộ khung được làm chủ yếu bằng tre, lợp bằng tranh rạ, tranh sắn, hoặc lá dừa nước. Phên che bằng cọt hoặc tấm lá dừa nước chứ không làm bằng đất sét nhồi rơm như nhiều địa phương khác, có lẽ do sợ lụt, vì lụt thì đất sét sẽ rã hoặc khi nước lớn, những vách đất này không thể tháo rời để thoát hiểm như phên cọt, dừa. Nhà thường được làm thấp để tránh gió bão và có khu dũ ở đầu hồi để thoát hiểm khi lụt lớn.

Kiểu nhà thứ hai là nhà rường với bộ khung gỗ kiểu cột trốn kẻ chuyền, có chái, lợp chủ yếu bằng ngói và có tường vôi gạch bao quanh. Dân địa phương gọi

đây là kiểu nhà “*tam gian nhị hạ*” (*ba gian hai chái*) hoặc về sau còn được gọi là nhà ngói để phân biệt với nhà tranh.

Kiểu nhà thứ nhất là kiểu nhà phổ biến ở nông thôn gắn với cuộc sống của tầng lớp bình dân, của những người nông dân, ngư dân, thợ thủ công có đời sống không mấy dư dả. Kiểu nhà thứ hai là kiểu nhà của những gia đình phú nông hoặc của những người có của ăn của để. Ở vùng nông thôn, vào thời thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ chiếm đóng cũng đã xuất hiện một số nhà ngói mang phong cách kiến trúc thuộc địa. Đó là những ngôi nhà của một số gia đình khá giả hoặc của những công chức, quan lại thời Pháp thuộc. Các ngôi nhà này có sự kết hợp giữa kiến trúc bản địa với kiến trúc kiểu Pháp. Trước năm 1975, tại nhiều vùng nông thôn ở Hội An cũng đã xuất hiện kiểu nhà ngói với một hoặc hai phòng lùi kết hợp với hàng hiên phía trước. Đây là kiểu nhà ngói chịu ảnh hưởng của phong cách kiến trúc ngoại nhập thời Mỹ chiếm đóng. Những ngôi nhà này hiện nay còn lại không nhiều do vậy đang cần sự quan

tâm khảo sát, nghiên cứu để có cách ứng xử phù hợp, nếu không, đến một lúc nào đó chúng sẽ biến mất khỏi tầm mắt của chúng ta.

Ở khu vực phố thị cũng có nhiều kiểu



nhà, phổ biến là kiểu nhà phố, nhà rường và nhà ngói mang phong cách kiến trúc thuộc địa hoặc kiến trúc Pháp. Ngoài ra cũng có một số nhà ngói hoặc bê tông ảnh hưởng kiến trúc thời Mỹ chiếm đóng. Trong các kiểu nhà này thì nhà phố là kiểu nhà điển hình về kiến trúc ở khu phố cổ Hội An.

Thuật ngữ nhà phố được nhà dân tộc học Nguyễn Bạt Tụy đưa ra vào năm 1961 khi ông khảo cứu về những ngôi nhà xưa ở Quảng Nam, trong đó có các ngôi nhà ở phố Hội An. Đây là công trình khảo cứu khá tỉ mỉ, chứa đựng nhiều thông tin liên quan đến kiểu nhà phố Hội An và một số kiểu nhà khác ở Quảng Nam được đăng trên Văn Hoá nguyệt san năm 1961. Thuật ngữ này có tính hợp lý khi dùng để phân biệt kiểu nhà của tầng lớp thị dân ở Hội An với các kiểu nhà khác như nhà rường, nhà vườn Huế, nhà mái lá Bình Định.vv...

Gần đây một số nhà nghiên cứu kiến trúc Nhật Bản dùng từ “*shop house*” để chỉ các ngôi nhà phố Hội An và được dịch là “*nhà cửa hiệu*”. Trong trường hợp này chúng tôi thấy sử dụng từ “*nhà phố*” thì chính xác và phù hợp hơn.

Đặc điểm của kiểu nhà phố đã được nhiều nhà nghiên cứu văn hoá - kiến trúc đề cập trong nhiều bài viết, công trình nghiên cứu, ấn phẩm. Các nhà nghiên cứu kiến trúc của trường đại học nữ Chiêu Hòa (*Nhật Bản*) cũng đã loại hình hoá quá trình phát triển của các ngôi nhà phố ở Hội An. Điều cần nói thêm là những ngôi nhà kiểu hình ống này không phải chỉ có mặt ở Hội An mà nó cũng đã có mặt ở phố

cổ Hà Nội, ở một số khu phố của người Hoa như Lộc Cảng (*Đài Loan*), PêNang (*Malaixia*)... Tuy nhiên, do ra đời và phát triển tại vùng đất cửa sông ven biển và thường xuyên chịu tác động của mưa gió bão lụt như Hội An nên những ngôi nhà kiểu này được làm bằng vật liệu kiên cố, mái ngói lợp âm dương, có gác lửng, gác xép cũng như ô kéo hàng để bảo quản hàng hoá lúc lũ lụt. Việc thông hai mặt đường hoặc một mặt giáp sông một mặt giáp đường phố cũng là một biện pháp để thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hoá từ tàu thuyền lên nhà và cũng để đối phó với lụt. Mặt khác, đây là những ngôi nhà đa chức năng chứ không phải đơn thuần để ở hoặc buôn bán. Các chức năng này như che mưa nắng, sinh hoạt gia đình hàng ngày, buôn bán, dịch vụ, nấu nướng thức ăn, cất trữ hàng hoá, thờ tự, cho thuê, tổ chức vui chơi giải trí .vv... được kết hợp một cách thường xuyên trong từng ngôi nhà, từ đó hình thành nên những không gian phù hợp với từng chức năng. Các không gian này có thể đa dạng về quy mô, cách bài trí nhưng rất thống nhất về vị trí, kiểu thức kiến trúc, tạo nên đặc điểm riêng cho các ngôi nhà phố Hội An.

Cũng cần nói rằng kiểu thức này được hoàn thiện dần từ khá sớm trong lịch sử thông qua con đường giao lưu - tiếp biến văn hoá mang tính đô thị - thương nghiệp đã diễn ra mạnh mẽ trước đây ở Hội An. Năm 1999, trong đề tài nghiên cứu về xã Minh Hương tôi đã thử thống kê sự mô tả nhà ở của người xã này qua một số khế ước mua bán nhà cửa và thu được kết quả khá thú vị:

TT	Địa chỉ lưu giữ tư liệu	Địa chỉ nhà ghi trong khế ước	Niên đại	Nguyên văn nội dung bằng chữ Hán	Nội dung dịch tiếng Việt
1	127 Trần Phú	Xứ Hồ Bì xã Hội An	1804	Ngõa gia nhất tòa, tam gian song hạ	Nhà ngói một toà ba gian hai chái
2	02 Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Lang Châu	1821	Ngõa gia nhất tòa tam gian nhị hạ hữu chuyên tường tứ hướng	Nhà ngói một toà ba gian hai chái bốn phía có tường gạch
3	02 Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Cẩm Phô	1842	Ngõa gia nhất tòa tam gian nhị hạ, cập hữu chuyên tường tứ hướng	Nhà ngói một toà ba gian hai chái bốn phía có tường gạch
4	23 Trần Phú	ấp Hương Định xã Minh Hương	1808	Ngõa gia nhất tòa tam gian cập trừ gia nhất tòa	Nhà ngói một toà ba gian cùng nhà bếp một toà
5	132 Trần Phú	ấp Hương Thắng xã Minh Hương	1812	Ngõa gia nhất tòa tam vị nhị gian cập trừ gia nhất tòa	Nhà ngói một toà ba vì hai gian cùng nhà bếp một toà
6	102 Trần Phú	ấp Hương Thắng xã Minh Hương	1812	Ngõa gia nhất tòa nhị gian trừ gia nhất tòa	Nhà ngói một toà hai gian, nhà bếp một toà
7	29 Trần Phú	ấp Hương Định xã Minh Hương	1815	Ngõa gia nhất tòa tam gian	Nhà ngói một toà ba gian
8	132 Trần Phú	ấp Hương Thắng xã Minh Hương	1823	Ngõa ốc nhất sở tiền hậu nhị tòa tứ diện chuyên tường cụ túc	Nhà ngói một cỡ trước sau hai tòa bốn phía có tường gạch
9	42 Trần Phú	ấp Hương Định xã Minh Hương	1824	Ngõa gia nhất tòa tứ vị tam	Nhà ngói một toà bốn vì ba

				gian tính thảo bạc cấp trừ gia đăng	gian cùng thảo bạc và nhà bếp
10	145 Trần Phú	ấp Hương Thắng xã Minh Hương	1838	Ngõa gia nhất ốc cấp thảo bạc gia, hoành gia nhất tòa	Nhà ngói một nếp cùng thảo bạc, nhà ngang một tòa
11	29 Trần Phú	ấp Hương Định xã Minh Hương	1881	Ngõa gia nhất ốc tính bình kiều gia nhất ốc	Nhà ngói một nếp, nhà cầu không có lầu một nếp
12	55 Trần Phú	ấp Hương Định xã Minh Hương	1922	Ngõa gia nhất ốc tam gian kiều lầu nhất ốc trừ gia nhất ốc cộng tam ốc song khai môn bản thượng hạ cụ túc	Nhà ngói một nếp ba gian, nhà cầu có lầu một nếp, nhà bếp một nếp, tổng cộng ba nếp, trên dưới cửa bản song khai đầy đủ.

Qua bảng thống kê ta có thể xác định một số vấn đề. Thứ nhất, về kiến trúc trong bảng thống kê ta thấy có hai kiểu nhà chủ yếu, đó là kiểu nhà ngói “tam gian nhị hạ” (từ số 1 đến số 3) và kiểu nhà ngói kết hợp với nhà bếp và sau này thêm nhà cầu, thảo bạc (từ số 4 đến số 12). Loại nhà tam gian nhị hạ với đặc điểm luôn có hai chái. Đây chính là ngôi nhà rường truyền thống của người Việt, kiểu thức của nó ổn định qua thời gian. Năm 1804, nó được mô tả là “ngõa gia thất tòa tam gian song hạ” đến năm 1842 nó vẫn được mô tả tương tự. Trong khi đó kiểu nhà thứ hai, luôn luôn không có chái, càng về sau càng có sự mở rộng thêm nhiều hạng mục. Năm 1808, nó được mô tả “ngõa gia nhất tòa tam

gian cấp trừ gia nhất tòa”, năm 1838 là “ngõa gia nhất ốc cấp thảo bạc gia, hoành gia nhất tòa”, đến năm 1922 là “ngõa gia nhất ốc tam gian kiều lầu nhất ốc, trừ gia gia nhất ốc, cộng tam ốc song khai môn bản thượng hạ cụ túc”. Đây cũng chính là diện mạo đầy đủ về kiến trúc của các ngôi nhà phố Hội An hiện tồn, chúng gồm nhiều nếp, hẹp về chiều ngang, dài về chiều sâu gồm các hạng mục nhà chính, thảo bạc (gian nhà nối với nhà chính về phía sau có vì chông rường mà dân địa phương gọi là trính Nhật Bốn), nhà cầu, nhà bếp,...

Sự hoàn thiện dần qua các năm thể hiện ở bảng kê cho phép chúng ta hình dung về một quá trình giao lưu - tiếp biến văn hoá kiến trúc đã diễn ra giữa các thành phần cư dân Việt, Hoa, Nhật



Bản, Phương Tây tại Hội An và những bước đi của các ngôi nhà phố Hội An. Thứ hai, cũng theo bản kê chúng ta thấy rằng địa bàn phân bố của nhà rường là các xã Hội An, Cẩm Phô, Lang Châu. Trong khi đó các nhà phố chỉ xuất hiện tại các ấp Hương Định, Hương Thắng của xã Minh Hương, là các ấp nằm tại trung tâm phố thị. Điều này phù hợp với khảo sát thực tế cho phép xác định các ngôi nhà phố tuyệt nhiên không có mặt tại các vùng nông thôn.

Như vậy, chúng ta thấy rằng những ngôi nhà Hội An, kể cả ở nông thôn và phố thị đã có sự phát triển, hoàn thiện dần qua thời gian theo hướng ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của cư dân địa phương. Qua quá trình này, tại Hội An đã định hình nên kiểu nhà phố - nhà của tầng lớp thị dân mang những nét riêng có về kiến trúc, về giao lưu - tiếp biến văn hoá trong lĩnh vực kiến trúc. Đây chính là kiểu kiến trúc điển hình của loại hình nhà ở Hội An, tạo nên giá trị nổi bật của di sản văn hoá Hội An nói chung, di sản văn hoá kiến trúc Hội An nói riêng.

Trong những năm qua chúng ta đã tập trung khảo sát, tìm hiểu về các di tích nhà ở trong khu phố cổ Hội An và đạt được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên còn nhiều vấn đề vẫn ở trong tình trạng cảm nhận, cảm tính như vấn đề xác định giá trị của các ngôi nhà cổ ở Hội An, kể cả vùng nông thôn và phố thị, đặc trưng kiến trúc của chúng và những vấn đề liên quan đến văn hoá gia đình, đời sống tâm linh cùng các hình thức văn hóa phi vật thể khác kết tinh trong những ngôi nhà này. Sự đối chiếu so sánh giữa nhà phố Hội An với các kiểu nhà phố tại các nước trong khu vực, với nhà phố tại các khu phố cổ ở Nhật Bản, Trung Quốc... để tìm ra những giá trị riêng có, mang tính địa phương liên quan đến ngôi nhà của tầng lớp thị dân Hội An vẫn chưa được tiến hành. Các kiểu nhà khác của địa phương như nhà tranh tre, nhà rường, nhà kiểu Pháp hoặc nhà điển hình cho kiến trúc thời Mỹ chiếm đóng vẫn chưa được khảo sát, lập hồ sơ, chưa có những khảo cứu để xác định số lượng, giá trị bước đầu. Thậm chí, tên gọi các chi tiết kiến trúc, các hạng mục trong những ngôi nhà Hội An vẫn chưa được sưu tầm, tập hợp để thống nhất trong sử dụng, nghiên cứu dẫn đến một số nhầm lẫn kéo dài chưa được đính chính.

Chúng ta thường hay nói về những vấn đề bao quát, khái quát nhưng khi đi vào chi tiết, cụ thể thì lại rất lúng túng và hoang mang do thiếu cơ sở dữ liệu và kiến thức chính xác. Đối với sự hiểu biết về các ngôi nhà ở - kiến trúc nhà tại Hội An cho đến nay cũng ở trong tình trạng như vậy♥



Trong tiến trình lịch sử dân tộc, từ khi vua Lê Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành thành công và lập đạo Thừa tuyên Quảng Nam (năm 1471), quá trình di dân từ khu vực Bắc bộ, Bắc Trung bộ vào khai phá vùng đất mới Nam Trung bộ diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Nhiều làng/xã ở xứ Quảng nói chung, khu vực Hội An nói riêng dần dần được hình thành. Tại Hội An, bia mộ tổ tộc Trần Văn ở thôn Vĩng Nhi - xã Cẩm Thanh cho biết vào năm Cảnh Thống Mậu Ngọ (năm 1498), làng Vĩng Nhi đã được lập. Đây là làng được lập sớm nhất ở Hội An hiện nay được biết đến với niên đại rõ ràng. Ngoài ra, căn cứ gia phả tộc Nguyễn Viết ở làng Thanh Hà và tộc Huỳnh ở làng Cẩm Phô có thể suy đoán 2 làng Thanh Hà và Cẩm Phô được thành lập khoảng cuối thế kỷ XV. Trong “*Ô Châu cận lục*” của Dương Văn An viết năm 1553 đề cập đến 2 làng ở Hội An

là Cẩm Phô và Hoài Phô¹. Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa và đến năm 1570 kiêm lãnh trấn Quảng Nam là sự kiện chính trị trọng đại dẫn đến sự mở rộng phạm vi làng xã và hình thành thêm nhiều làng xã khác ở Hội An vào cuối thế kỷ XVI, XVII như làng Thanh Châu, Đê Vĩng, Hoa Phô, Hội An, Xuân Mỹ, Kim Bồng... Bia Phổ Đà Sơn Linh Trung Phật ở động Hoa Nghiêm - Non Nước (quận Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng) niên đại năm 1640 có đề cập đến một số làng xã ở Hội An như làng Cẩm Phô, Hội An,... Theo thống kê, trên mảnh đất Hội An có khoảng hơn 20 làng xã² được thành lập từ cuối thế kỷ XV đến

¹ Dương Văn An (1997), *Ô Châu cận lục*, Nxb KHXH, Hà Nội, trang 43.

² Làng Vĩng Nhi, Hoài Phô, Cẩm Phô, Thanh Hà, Hội An, Cỏ Trai, Thanh Châu, Xuân Mỹ, Kim Bồng, Đê Vĩng, Hoa Phô, An Mỹ, Tân Hiệp, Minh Hương, Hòa Yên, Phước Trạch, Đại An/An Bàng, An Thọ, Đại An, Phong Niên, Mậu Tài, Tân Hòa/An Phong

thế kỷ XIX. Cũng trong thời gian này đến đầu thế kỷ XX, một số làng xã ở Hội An sát nhập thành làng lớn hơn hoặc chia tách thành những làng nhỏ hơn, một số khác thì thay đổi tên gọi³.

Với vai trò là trung tâm chính trị, văn hóa, tín ngưỡng của làng, đình là thành phần quan trọng hàng đầu không thể thiếu trong các công trình kiến trúc thuộc thiết chế văn hóa làng xã cổ truyền, là hình ảnh thân quen với rất nhiều người gắn với bao kỷ niệm vui buồn của cuộc sống. Về thời gian hình thành, đình làng ở Hội An xuất hiện muộn hơn so với khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ, gắn liền với quá trình thành lập các làng xã ở Hội An. Hiện nay chưa có tư liệu để xác định niên đại hình thành cụ thể của từng ngôi đình. Tuy nhiên, theo lẽ thường, mỗi khi có xã hiệu chắc hẳn sẽ có đình làng dù đó là ngôi đình được làm tạm bợ bằng tranh tre. Do nằm trong môi trường địa lý bất lợi, đặc biệt là sự tàn phá của hai cuộc chiến tranh và ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nên nhiều đình làng ở Hội An bị sụp đổ hoàn toàn, nay chỉ còn lại nền móng cũ như đình Thanh Đông, đình Thanh Nhất ở Cẩm Thanh,... hay được nhân dân làm lại trên nền móng cũ với kiểu kiến trúc hiện đại như đình Thanh Tây,... hoặc phải chuyển dời vị trí đến nơi khác như đình Xuyên Châu Trung, đình Minh Hương (*Minh Hương tỵ tiên đường*),... Theo một số nhà nghiên

cứu, đình ở Hội An là tên gọi chung cho 2 thiết chế văn hóa làng/xã, đình thờ thần và từ đường thờ các bậc tiền hiền, hậu hiền của làng. Và, dù lịch sử hình thành làng/xã ở Hội An lâu đời nhưng kiến trúc đình làng được hoàn chỉnh vào cuối thế kỷ XIX, đầu XX⁴.

Qua khảo sát, tại một số làng/xã ở Hội An, ngoài ngôi đình chung của làng còn có đình ấp. Hiện nay, nhiều đình làng, ấp ở Hội An vẫn bảo tồn được gần như nguyên vẹn các giá trị nguyên gốc. Dưới đây là danh mục các đình làng, ấp tiêu biểu hiện nay ở Hội An.

TT	Tên đình	Địa chỉ hiện nay	Làng xã cũ
I	Đình làng		
1	Đình Xuân Mỹ	Nam Diêu - Thanh Hà	Phường Xuân Mỹ
2	Đình Thanh Hà	Hậu Xá - Thanh Hà	Làng Thanh Hà
3	Đình Cẩm Phô	Hoài Phô - Cẩm Phô	Làng Cẩm Phô
4	Đình ông Voi	An Thắng - Minh An	Làng Hội An
5	Hội An tiên tự	An Thái - Minh An	Làng Hội An
6	Đình Minh	An Định -	Làng

³ An Thọ, Đại An, Phong Niên, Mậu Tài sát nhập thành làng Sơn Phòng; làng Thanh Châu chia nhỏ thành làng Thanh Đông, Thanh Tây, Thanh Nam, Thanh Nhứt, Thanh Nhì, Thanh Tam; Hoa Phô đổi thành Sơn Phô, Đại An đổi thành An Bằng, Tân Hòa đổi thành An Phong

⁴ Nguyễn Chí Trung (2005), Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử, Trung tâm QLBT Di tích Hội An xuất bản năm 2005, trang 306.

	Hương (Tuy tiền đường Minh Hương)	Minh An	Minh Hương
7	Đình Sơn Phong	Phong Niên - Sơn Phong	Làng Sơn Phong
8	Đình Sơn Phô	Sơn Phô II - Cẩm Châu	Làng Sơn Phô
9	Đình An Mỹ	An Mỹ - Cẩm Châu	Làng An Mỹ
10	Đình Đễ Võng	Sơn Phô1 - Cẩm Châu	Làng Đễ Võng
11	Đình tiên hiền Kim Bồng	Trung Châu - Cẩm Kim	Làng Kim Bồng
12	Đình tiên hiền Tân Hiệp	Bãi Làng - Tân Hiệp	Phường Tân Hiệp
II	Đình ấp		
1	Đình ấp An Bang	An Bang - Thanh Hà	Ấp An Bang - làng Thanh Hà
2	Đình ấp Bộc Thủy	Nam Diêu - Thanh Hà	Ấp Bộc Thủy - làng Thanh Hà
3	Đình ấp Tu Lễ	Hoài Phô - Cẩm Phô	Ấp Tu Lễ - làng Cẩm Phô

4	Đình ấp Xuân Lâm	Xuân Lâm - Cẩm Phô	Ấp Xuân Lâm - làng Cẩm Phô
---	---------------------	--------------------------	---

Theo văn bia, xà cò tại di tích và các nguồn tư liệu lịch sử khác, dưới thời phong kiến, nhiều ngôi đình làng, ấp ở Hội An đã được tu bổ, sửa chữa nhiều lần. Đình Ông Voi được tu bổ vào năm Gia Long 17 (1818) và Thành Thái 19 (1907); Đình Cẩm Phô (*Cẩm Phô Hương Hiền*) được tu bổ vào năm Gia Long 17 (1818) và Thành Thái 15 (1903); Đình Tiên Hiền Kim Bồng được kiến tạo năm Tự Đức 6 (1853) và tu bổ năm Bảo Đại 16 (1941); Đình Sơn Phô lập năm Thành Thái 2 (1890) và tu bổ năm Duy Tân 8 (1915);...

Về vị trí, đình làng, ấp cũng như nhiều công trình kiến trúc thuộc thiết chế văn hóa làng xã cổ truyền khác ở Hội An thường được xây dựng ở nơi đắc địa nhất của làng theo thuật phong thủy, nằm trên gò đất cao ở trung tâm của làng hoặc vị trí thuận lợi về giao thông, có phong cảnh hữu tình, nhìn ra sông. Đình làng Hội An - đình Ông Voi tọa lạc trên gò đất cao ở trung tâm phố Hội An, ngay trục giao thông chính, tả hữu nối liền điểm đầu và cuối



của khu phố là thượng chùa Cầu, hạ Âm Bôn, mặt nhìn ra sông tập nập tàu thuyền buôn bán và xa xa là núi Trà Kiệu làm bình phong⁵. Cặp câu đối: “Phước chỉ thanh linh tề tả hữu, Kiệu sơn chính khí trấn Tây Nam” khắc ở trụ đá trước đình đã phản ánh rõ nét vị trí phong thủy của đình. Đình Cẩm Phô, đình Xuân Mỹ, đình Sơn Phong,... đều trên gò đất cao, mặt nhìn ra sông, ngay vị trí thuận lợi nhất về giao thông của làng.

Về phương hướng, hầu hết đình làng, ấp ở Hội An có mặt tiền nhìn về hướng Nam, Tây Nam như đình Xuân Mỹ, đình Thanh Hà, đình Cẩm Phô, đình Ông Voi, đình Minh Hương, đình Sơn Phô, đình Sơn Phong, đình tiền hiền Kim Bồng, đình ấp Xuân Lâm, đình ấp An Bang. Một số trường hợp mặt tiền nhìn về hướng Tây, Bắc hoặc Đông như đình ấp Bộc Thủy xoay hướng Bắc; đình ấp Tu Lễ, Hội An tiền tự xoay hướng Tây, đình An Mỹ xoay hướng Đông⁶.

Đình làng, ấp ở Hội An có bố cục mặt bằng tổng thể truyền thống gồm phía trước là tam quan, tiếp đến là bình phong, khoảng sân rộng, chánh điện, hậu tẩm, hai bên là nhà Đông và nhà Tây. Tuy nhiên, do điều kiện về diện tích đất, kinh tế,... và theo quan niệm của mỗi làng mà trong bố cục tổng thể

có thể có thêm tiền đình (*nhà tiền vãng*), phương đình (*bái đình*), nhà hội hương hoặc không có tam quan, bình phong, nhà Đông và nhà Tây. Trường hợp đặc biệt chỉ có chánh điện và hậu tẩm. Theo tư liệu điều tra năm 1943 về làng xã ở Hội An, bố cục tổng thể của một số ngôi đình như sau:

- Đình Ông Voi: Cổng tam quan - hai trụ cờ, cặp voi, miếu thờ Ba Bà (*Bô Bô, Bạch Thố, Phiếm Ái*), Thành Hoàng, Ngũ Hành⁷ - tiền đình - chánh điện - hậu tẩm (2 tầng) - nhà Đông, nhà Tây. Ngoài ra còn có 2 giếng nước ở phía sau nhà Đông.

- Đình Cẩm Phô: Cổng (*hai trụ đá*) - bình phong (*kiểu chiếc đỉnh và 2 độc bình lớn*) - phương đình (*bái đình*) - chánh điện - hậu tẩm⁸ - nhà Đông, nhà Tây.

- Đình Minh Hương: Cổng - nhà hội hương (*hai bên sân đình*) - tiền đình - chánh điện - nhà Đông, nhà Tây. Phía sau nhà Tây là bếp, phía trước nhà Tây có lối dẫn qua Minh Hương Phật tự và Quan Công miếu⁹.

- Đình Đễ Vững: Bình phong (*bên phải là con rùa bằng đá, bên trái là con lân bằng vôi gạch*) - tiền đường - chánh điện - hậu tẩm¹⁰.

- Đình Sơn Phô: Cổng (*hai trụ vôi gạch*) - bình phong - chánh điện - hậu tẩm - nhà Đông, nhà Tây¹¹.

⁵ Trần Văn An (2013), Đình làng Hội An - Đôi điều suy nghĩ, tập san Văn hóa Hội An xuân Quý Tỵ, Phòng Văn hóa – Thông tin Hội An xuất bản năm 2013, trang 109-111.

⁶ Trước lần tu bổ gần đây nhất, đình xoay hướng Tây Nam. Khi tu bổ, theo đề xuất của các vị cao tuổi trong làng cũng như phù với cảnh quan chung, thuận tiện về giao thông và căn cứ vào giá trị lịch sử của đình nên đã thống nhất chuyển đổi mặt tiền nhìn về hướng Đông.

⁷ Hiện nay hai trụ cờ, miếu thờ Ba Bà, Thành Hoàng và Ngũ Hành không còn

⁸ Hiện nay không còn hậu tẩm

⁹ Hiện nay lối đi không còn, nhà bếp dời sang phía sau nhà Đông.

¹⁰ Hiện nay có thêm tam quan.

¹¹ Hiện nay làm thêm tam quan, không còn nhà Đông, nhà Tây.



- Đình An Mỹ: Hai trụ vôi và bình phong - chánh điện - hậu tẩm¹².

- Đình Thanh Nam: Bình phong - chánh điện - hậu tẩm - nhà Đông, nhà Tây¹³.

- Đình Thanh Đông: Bình phong - chánh điện - hậu tẩm¹⁴.

Theo kết quả khảo sát hiện nay, bố cục tổng thể của một số đình như sau:

- Đình Xuân Mỹ: Nhà bia làm bình phong - chánh điện - hậu tẩm. Phía trái cách nhà bia một khoảng là miếu thờ Lục vị tiên nương.

- Đình Thanh Hà: Cổng tam quan - bình phong - chánh điện.

- Đình Sơn Phong: Cổng - bình phong - tiền đình - chánh điện - hậu tẩm - nhà Đông.

- Đình tiền hiền Tân Hiệp: Cổng - bình phong - chánh điện.

- Đình tiền hiền Kim Bồng: Tam quan - bình phong - chánh điện - hậu tẩm.

- Đình tiền hiền Hội An: Tam quan - tiền đình - chánh điện - nhà Đông.

- Đình ấp Tu Lễ: Tam quan - chánh điện.

- Đình ấp Bộc Thủy: Cổng và bình phong - chánh điện - nhà Tây.

- Đình ấp Xuân Lâm: Cổng - bình phong - chánh điện - hậu tẩm.

- Đình ấp An Bang: Cổng - bình phong - tiền đình - chánh điện - hậu tẩm.

- Đình Xuyên Châu Trung: Cổng - bình phong - chánh điện.

Tam quan xây bằng gạch, vữa vôi, trụ hình tròn kê chỉ hoặc hình vuông¹⁵. Bình phong là hạng mục quan trọng trong tổng thể kiến trúc đình làng, ấp ở Hội An. Bình phong thường cách tiền đình hoặc chánh điện (*nếu không có tiền đình*) qua sân rộng và hình thức lẫn đề tài trang trí cũng hết sức đa dạng. Tại một số ngôi đình, liền kề với mặt trong của bình phong là bàn cúng âm linh dùng để cúng âm linh vào những dịp lễ tế như đình ấp Xuân Lâm, đình làng An Mỹ,... Hầu hết các bình phong của đình làng, ấp đều làm theo kiểu cuốn thư. Tuy nhiên, tại một số đình kiểu bình phong hết sức độc đáo với bên trên cuốn thư xây dựng khám thờ nhỏ như đình ấp Bộc Thủy, hoặc xây một đình to với hai bên là hai độc bình lớn làm thành bình phong thay thế cho cuốn thư như đình Cẩm Phô. Đề tài trang trí trên bình phong chủ yếu sử dụng hình thức đắp nổi vẽ màu hoặc đắp nổi cần mảnh sành sứ kết hợp với vẽ màu. Riêng bình phong

¹² Đình này bị sụp đổ, gần đây đã được tu bổ lại và xoay hướng đình.

¹³ Đình này đã bị sụp đổ hoàn toàn.

¹⁴ Đình nay nay chỉ còn nền móng.

¹⁵ Tam quan trụ hình vuông: Đình Thanh Hà, đình Đê Vỹ, đình Minh Hương, đình tiền hiền Hội An, đình tiền hiền Kim Bồng, đình Cẩm Phô. Tam quan trụ hình tròn kê chỉ: Đình ấp Tu Lễ, đình Sơn Phô.

đình ấp An Bang không có đề tài trang trí mà chỉ quét vôi nhiều màu kết hợp với câu đối Hán Nôm. Đề tài, chi tiết

trang trí ở bình phong hình cuốn thư được thể hiện ở hai mặt trước và sau của bình phong tại nhiều ngôi đình.

TT	Tên đình	Kiểu bình phong	Trang trí mặt trước	Trang trí mặt sau	Bàn cúng âm linh
1	Đình ấp Bộc Thủy	Kiểu cuốn thư với bên trên có khám thờ	Đề tài “Long mã phụ hà đồ” theo hình thức đắp nổi kết hợp với căn mảnh và vẽ màu. Đầu long mã hướng về bên trái	Đề tài “Lý ngư vọng nguyệt” theo hình thức đắp nổi kết hợp với vẽ màu	
2	Đình làng Thanh Hà	Kiểu cuốn thư với bên trên gắn trang trí hình con dơi căn mảnh. Đỉnh hai bên của cuốn thư trang trí hoa sen	Chính giữa là đề tài Sư tử mẹ và sư tử con, hai bên là rồng dây và câu đối Hán Nôm, bên dưới là hai quả Phật thủ		
3	Đình ấp Xuân Lâm	Kiểu cuốn thư. Đỉnh hai bên của cuốn thư trang trí búp sen	Chính giữa là đề tài “Long mã phụ hà đồ”, bên trái là đề tài mai điều và chum lựu, bên phải là đề tài tùng lộc và chùm đào	Chính giữa là đề tài tùng lộc, hai bên là đề tài hoa điều, quả lựu	Quần bàn đắp nổi oản quả
4	Đình ấp Xuân Mỹ	Kiểu cuốn thư	Trang trí con hổ trên núi	Trang trí chim đại bàng trên biển	
5	Đình Sơn Phong	Kiểu cuốn thư	Chính giữa là đề tài Long mã phụ hà đồ, hai bên là mai lan cúc trúc và câu đối Hán Nôm, bên dưới là chùm lựu	Trang trí đề tài tùng lộc	
6	Đình Xuyên Châu Trung	Kiểu cuốn thư	Chính giữa là đề tài “Long mã phụ hà đồ”, hai bên là chữ Thọ và Phúc		

7	Đình làng Sơn Phô	Kiểu cuốn thư	Chính giữa là đề tài “Long mã phụ hà đồ”, hai bên là mai lan cúc trúc		Quần bàn vẽ nhành hoa
8	Đình làng An Mỹ	Kiểu cuốn thư. Đình hai bên của cuốn thư trang trí búp sen	Chính giữa là đề tài “Long mã phụ hà đồ”, hai bên là mai lan cúc trúc	Chính giữa là chữ Phúc lớn, hai bên là quy, hạc	
9	Đình làng Đẽ Vông	Kiểu cuốn thư kết hợp hai bên là tượng rùa và lân	Trang trí chim phượng	Trang trí rồng	
10	Đình Tiền hiền Kim Bồng	Kiểu cuốn thư	Chính giữa là đề tài “Long mã phụ hà đồ”, hai bên là hoa điều.	Chính giữa là lư hương, bút, sách. Hai bên là bình hoa và oản quả.	Quần bàn vẽ chân quỳ.

Các hạng mục như tiền đình, chính điện, hậu tẩm, nhà Đông và nhà Tây có hệ khung chịu lực bằng gỗ với cột gỗ tròn hoặc vuông, vì kèo kiểu kẻ chuyền và kiểu trính chồng trụ đội; mái lợp ngói âm dương, có mái kết cấu kiểu hai tầng với cổ diềm được trang trí nhiều đề tài sinh động như mái đình ấp Bộc Thủy; tường bao xây gạch vữa vôi; hệ cửa mặt tiền thường làm theo kiểu thượng song hạ bản; nền lát xi măng hoặc lát gạch đất nung. Hầu hết các hạng mục như nhà Đông, nhà Tây, tiền đình có bố cục kiểu ba gian; hậu tẩm có bố cục một gian. Riêng chánh điện có bố cục kiểu ba gian hoặc ba gian hai chái. Duy nhất đình làng Xuân Mỹ có bố cục kiểu một gian hai chái. Một số ngôi đình có hậu tẩm vươn lên cao so với chính điện như ở đình ấp An Bang. Đặc biệt, hậu tẩm đình Ông Voi được xây dựng với kết cấu hai tầng. Đây là kiểu hậu tẩm duy nhất ở Hội An và hiếm gặp ở nơi khác, tạo

cho đình Ông Voi mang nét độc đáo riêng về nghệ thuật kiến trúc. Một trường hợp đặc biệt khác trong kiến trúc đình làng ở Hội An là đình Cẩm Phô với sự hiện diện của phương đình ở phía trước giống như nhiều hội quán của người Hoa ở Hội An. Kết quả khảo sát cho thấy, trong bố cục tổng thể và kết cấu, kiến trúc một số ngôi đình làng, ấp ở Hội An có ảnh hưởng bởi lối kiến trúc tín ngưỡng của người Hoa tại Hội An.

Theo kết quả khảo sát, ngoài công năng che nắng, che mưa, gìn giữ những cấu kiện gỗ bên dưới và các thành phần vật chất nằm bên trong nội thất, mái đình ở Hội An còn là nơi thể hiện, phô diễn nhiều giá trị nghệ thuật thông qua các đề tài, chi tiết trang trí cầu kỳ, độc đáo bằng hình thức đắp nổi kết hợp cấn sành sứ và vẽ màu, đặc biệt là ở mái chánh điện và hậu tẩm. Ngoài ra, diềm mái và bờ chảy phía trước của một số ngôi đình có gắn các

đĩa sứ nhằm làm tăng thêm vẻ uy nghiêm, cổ kính và bề thế của ngôi đình. Các đề tài, chi tiết trang trí trên bờ nóc, bờ chảy của đình làng ở Hội An chủ yếu là đề tài “*Lưỡng long vọng nguyệt*”, “*Lưỡng long tranh châu*”, các con vật trong tứ linh, đĩa sứ, hình con cá, hoa điều, hoa quả,... Thông thường

trên mái chánh điện được trang trí nhiều đề tài khác nhau, trong khi đó trên mái hậu tẩm chủ yếu trang trí đề tài “*Lưỡng long vọng nguyệt*” hoặc “*Lưỡng long tranh châu*”. Các đề tài, chi tiết trang trí trên mái của một số ngôi đình ở Hội An cụ thể như sau:

TT	Di tích	Chánh điện	Hậu tẩm	Ghi chú
1	Đình làng Xuân Mỹ	Diềm mái trước trang trí đĩa tráng men. Bờ nóc trang trí đề tài “ <i>Lưỡng long tranh châu</i> ”. Bờ chảy trang trí hình con lân, quy, đao lá và đĩa sứ.	Bờ nóc trang trí hai bên là hai con cá, chính giữa là bình hồ lô.	Bờ đắp ngang giữa mái trước trang trí chim phượng ở hai bên, tiếp đến bên trái là đề tài tùng lộc, cành hoa và chùm đào, bên phải là đề tài mai điều, cành hoa, chùm lựu. Chính giữa bên dưới là con dơi, bên trên là bụi hoa sen.
2	Đình ấp An Bang		Diềm mái trang trí đĩa sứ. Bờ nóc trang trí đề tài “ <i>Lưỡng long vọng nguyệt</i> ”. Bờ chảy trang trí đao lá.	
3	Đình ấp Bộc Thủy	Bờ nóc trang trí đề tài “ <i>Lưỡng long tranh châu</i> ”. Long cách điệu kiểu rồng dây. Bờ chảy trang trí đao lá.		
4	Đình làng Thanh Hà	Diềm mái trang trí đĩa tráng men. Bờ nóc trang trí đề tài “ <i>Lưỡng long vọng nguyệt</i> ”. Bờ chảy trang trí đao lá		
5	Đình làng Cẩm	Đắp bờ ngang ở diềm mái trang trí các đề tài hoa điều, tùng lộc trong		Mái phượng đình giắt thành hai cấp, trang trí chim

	Phô	tùng ô. Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long tranh châu” bên trên, bên dưới trang trí các đề tài hoa điều, tùng lộc trong từng ô.		phượng (9 con).
6	Đính áp Tu Lễ	Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long tranh châu”. Long cách điệu kiểu rồng dây. Bờ chày trang trí dao lá.		
7	Đình áp Xuân Lâm	Diềm mái trang trí đĩa tráng men. Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long tranh châu” ở bên trên, bên dưới trang trí hoa điều trong từng ô. Bờ chày trang trí lân, quy, phụng.	Bờ nóc trang trí hình Lưỡng nghi. Bờ chày trang trí dao lá.	
8	Hội An tiên tự	Bờ nóc trang trí rồng ở hai bên, chính giữa là bình hồ lô.		Diềm mái trang trí đĩa tráng men. Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long vọng nguyệt”. Long cách điệu kiểu rồng dây.
9	Đình ông Voi	Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long vọng nguyệt”. Long cách điệu kiểu rồng dây. Bờ chày trang trí dao lá.		
10	Minh Hương tụy tiên đường	Diềm mái trang trí đĩa tráng men. Bờ nóc trang trí đề tài Lưỡng long vọng nguyệt. Long cách điệu kiểu rồng dây. Bờ chày trang trí hình con lân.		
11	Đình Sơn Phong	Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long tranh châu”. Bờ chày trang trí	Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long vọng nguyệt”. Long cách điệu	

		dao lá, lân.	kiểu rồng dây.	
12	Đình Sơn Phô	Diềm mái trang trí đĩa trắng men. Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long vọng nguyệt”. Long cách điệu kiểu rồng dây. Bờ chày trang trí dao lá.		
13	Đình An Mỹ	Diềm mái trang trí đĩa trắng men. Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long vọng nguyệt” ở bên trên, bên dưới trang trí nhành hoa theo từng ô. Bờ chày trang trí dao lá.	Bờ chày trang trí dao lá.	
14	Đình Đễ Vĩng	Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long vọng nguyệt”. Long cách điệu kiểu rồng dây.		
15	Đình Tiên hiền Kim Bồng	Diềm mái trang trí đĩa trắng men. Bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long tranh châu” ở bên trên, bên dưới trang trí cảnh hoa ở giữa, bên phải là chùm lựu, bên trái là chùm đào. Bờ chày trang trí con lân.		Bờ đắp ngang giữa mái trước trang trí chim phượng và quy.



Các đề tài trang trí trên mái (các con vật trong bộ tứ linh, dao lá) được thực hiện theo kiểu đắp tạo hình (đối với con lân) hoặc đúc sau đó căn mảnh và vẽ màu (long, quy, phượng, dao lá). Toàn bộ được thực hiện riêng sau đó mới được gắn lên mái. Phần lớn các con vật như rồng, phượng, rùa được đắp căn mảnh một mặt (mặt trước). Riêng đối với

đình An Mỹ, rồng được đắp cấn mảnh cả hai mặt trước và sau. Các đề tài trang trí như chùm quả, nhành hoa, từng lộc được đắp và cấn trực tiếp trên mái.

Đình làng ở Hội An là một trong những thành phần cơ bản của thiết chế văn hóa làng xã cổ truyền, là trung tâm văn hóa - tín ngưỡng của cộng đồng và là biểu tượng văn hóa của mỗi làng xã. Chính vì thế, đình làng ở Hội An được xây dựng không chỉ hướng đến sự bền vững lâu dài với việc sử dụng những vật liệu tốt mà còn phải khẳng định những giá trị thẩm mỹ về kỹ thuật kiến trúc lẫn các hình thức, chi tiết trang trí trên công trình kiến trúc từ bố cục tổng thể đến các thành phần chi tiết. Bên cạnh đó, những yếu tố phong thủy của ngôi đình cũng được đặc biệt xem trọng nhằm cầu mong sự bình an, phát triển của làng xã. Trải qua quá trình lịch sử, đình làng ở Hội An có những thay đổi nhất định theo hướng ngày càng hoàn thiện hóa, quy chuẩn hóa. Do một số điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi làng xã mà quy mô kiến trúc lẫn hình thức trang trí mỹ thuật của đình làng có sự khác nhau. Hiện nay, đình làng ở Hội An trở thành một bộ phận quan trọng trong di sản kiến trúc làng xã được cộng đồng cư dân gìn giữ, bảo tồn chu đáo♥



SO SÁNH NHÀ TRUYỀN THỐNG HÀN QUỐC (HANOAK) VÀ NHÀ CỬA HIỆU HỘI AN (SHOPHOUSE)

(tiếp theo số 02(22)-2013)

Trần Thanh Hoàng Phúc

2. Những điểm khác biệt cụ thể giữa hanoak và nhà cửa hiệu:

Sau đây, tôi sẽ trình bày cụ thể hơn một vài sự khác biệt giữa các chi tiết kiến trúc của hanoak (*nhà ở truyền thống Hàn Quốc*) và nhà cửa hiệu (*phố cổ Hội An*).

2.1. Bố cục:

Do đặc thù khí hậu, công năng sử dụng của công trình, điều kiện thực tế của hai nơi khác nhau, vì vậy, khi cần coi nói, tăng diện tích sử dụng, với hanoak, việc xây dựng phát triển theo chiều ngang (*trên mặt bằng*), do đó rất hiếm thấy nhà 2 tầng; trong khi đó, với nhà cửa hiệu, diện tích đất hạn chế, nên việc xây dựng phát triển theo chiều cao, do đó có nhiều nhà 2 tầng trong khu phố cổ, thậm chí có cả nhà 3 tầng (*với nhà xây tường gạch*).

Nhà cửa hiệu và hanoak đều có trục thị giác, tuy nhiên, nhà cửa hiệu ở Hội An có sự đối xứng trên cả mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt; còn hanoak thường thì không đối xứng như vậy.

Không gian trong hanoak có một trục thị giác mạnh mẽ, các trục có thể theo chiều dọc hoặc ngang. Trong trường hợp không gian hình chữ nhật,

trực thị giác xuất hiện dọc theo cạnh dài. Cửa sổ hoặc cửa ra vào đặt ở hai bên của trực này sẽ kết nối trực quan bên trong với bên ngoài.

Nhà cửa hiệu Hội An cũng có trực thị giác mạnh mẽ, lối đi từ trước ra sau thường nằm chính giữa nhà, do đó, vào ban ngày, người đi đường có thể nhìn xuyên suốt theo chiều dọc ngôi nhà. Do có sự đối xứng trên mặt bằng, mặt đứng và cả mặt cắt, điều đó làm cho ngôi nhà có dáng vẻ cân đối, hài hòa (*tính đối xứng cũng là đặc trưng chung của kiến trúc truyền thống Việt Nam*).

2.2 Hệ khung gỗ:

Trong nhà cửa hiệu bằng gỗ, phần quan trọng nhất của cả nhà trước và nhà sau đều được tạo thành từ một không gian gồm 3 gian chiều ngang và 3 gian chiều sâu. Trên cơ sở đó, nhà được mở rộng thêm hiên, một nếp mái độc lập khác nằm ngay sau 3 gian nhà chính, gọi là nhà phụ. Lối vào chính nằm giữa nhà, hiên trước.

Cấu trúc 3 gian x 3 gian này có thể tìm thấy trong các sảnh đường (*chùa, dinh thự...*) của kiến trúc gỗ truyền thống Hàn Quốc. Dựa theo

cuốn sách TAmA 2002: "*cấu trúc 3 x 3 gian là loại phổ biến nhất trong số công trình kiến trúc gỗ truyền thống Hàn Quốc hiện có... Do đó nó có thể là đơn vị cơ bản trong việc thiết kế mặt bằng của nhiều loại công trình*". Tuy nhiên, trong hanoak, chiều sâu của ngôi nhà thường không lớn hơn một *kan* (*kan là khoảng không gian nằm giữa bốn cây cột*), trải dài trên mặt bằng.

Hình dạng của hệ kết cấu đỡ mái của hanoak và nhà cửa hiệu cơ bản có phần giống nhau, tuy nhiên cách lợp mái và hệ thống chịu lực có đôi chút khác biệt:

- Hanoak: ngói - rui - đòn tay - trính - cột - nền đất.

- Nhà cửa hiệu: ngói - rui - đòn tay - kèo + trính - cột - nền đất.

Như vậy, có thể thấy được hệ mái của nhà cửa hiệu có phần phức tạp hơn. Kết cấu gỗ trong hanoak không có chạm khắc, trong khi đó, kết cấu gỗ trong nhà cửa hiệu không ít thì nhiều, đều được chạm khắc.

2.3 Hình thức cột:

Người Hàn Quốc xưa có quan niệm "*trời tròn đất vuông*", hình tròn tượng trưng cho trời, cõi niết bàn, hình vuông tượng trưng cho đất. Vì thế, cột tròn được sử dụng cho các lăng tẩm, đền miếu, trường học Nho giáo... mang tính hướng thượng, những người dân thường không được phép dùng hình thức cột tròn này. Bởi vậy, với



nhà ở truyền thống của người Hàn Quốc, cho dù của giai cấp trung lưu hay của giai cấp bình dân, ta chỉ thấy họ dùng cột vuông.

Người Việt Nam cũng có một truyền thuyết thể hiện quan niệm “trời tròn đất vuông” này, về một loại bánh truyền thống dùng trong ngày Tết (*bánh chưng, bánh dày*), tuy nhiên, áp dụng quan niệm này vào kiến trúc truyền thống Việt Nam (*cụ thể là hình thức cột*), với tôi có phần lạ lẫm. Ở Hội An, Chùa Cầu dùng cột vuông; các hội quán (*Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam...*) dùng cả cột tròn lẫn cột vuông (*thông thường, hệ khung chính dùng cột tròn, các vị trí hiên, hoặc tiền đình.. dùng cột vuông*); với nhà cửa hiệu, có nhà dùng cột tròn, có nhà dùng cột vuông, có nhà sử dụng cả 2 hình thức cột nói trên. Nói chung, đến nay chưa có nghiên cứu nào cụ thể để tìm ra quy luật sử dụng cột tròn hay vuông trong kiến trúc Hội An cả.

Với tôi, việc áp dụng quan niệm “trời tròn đất vuông” vào kiến trúc truyền thống Hàn Quốc (*hình thức cột*) là một điều hết sức mới mẻ và thú vị.

2.4. Hình thức cửa:

Để đối phó với mùa hè nóng bức, cả hanoak lẫn nhà cửa hiệu đều tạo nhiều cửa đi và cửa sổ nhằm tạo sự thông thoáng cho ngôi nhà. Với hanoak, vào ban ngày, cửa được xếp lại, treo gọn lên trần nhà, tạo không gian sử dụng linh hoạt và thông thoáng tối đa; ban đêm, cửa được hạ xuống, trở thành vách ngăn phòng, tạo ra những không gian riêng tư. Điều này thể hiện sự thông minh và tinh tế của người Hàn Quốc. Với nhà cửa hiệu ở

Hội An, việc mở nhiều cửa, ngoài tác dụng tạo sự thông thoáng, còn giúp người đi ngoài đường có thể dễ dàng nhìn thấy hàng hóa trưng bày bên trong nhà (*vì chức năng chính của ngôi nhà là nơi buôn bán*). Tuy nhiên, do có khác biệt về thời tiết, hình thức cửa được sử dụng có sự khác biệt, nhằm thích nghi với thời tiết khu vực đó.

+ Hàn Quốc có mùa đông rất lạnh và kéo dài, cho nên việc giữ hơi ấm cho ngôi nhà rất quan trọng, vì vậy, cửa đi và cửa sổ đều được dán giấy gạo (*một loại giấy truyền thống*). Việc sử dụng giấy gạo rất hợp lý, vừa có thể giữ được hơi ấm không thất thoát ra ngoài, vừa giúp nhận được ánh sáng tự nhiên một cách tốt nhất. Hình thức cửa hầu hết không cầu kỳ, bên dưới là panô gỗ, bên trên là các song gỗ ngang và đứng kết hợp với nhau, tạo nên hiệu quả thẩm mỹ nhất định - cái đẹp trong cái đơn giản.

+ Mùa đông ở Hội An - Việt Nam lạnh, tuy nhiên không quá lạnh như mùa đông ở Hàn Quốc, vì vậy việc dán kín cửa không thật sự cần thiết. Hình thức cửa đơn giản, bên dưới là panô gỗ, bên trên là các song gỗ đứng (*cửa thượng song hạ bản*) hoặc song ngang (*cửa lá sách*).

2.5. Ngói lợp:

Tuy cách gọi tên ngói lợp có khác nhau (*ngói âm - dương hay ngói đàn ông - đàn bà*), nhưng chúng cùng mang một ý nghĩa, dựa trên nguyên lý lợp mái giống nhau: một viên sắp - một viên ngửa. Tuy nhiên cũng có khác biệt.

- Hanoak: ngôi lợp gọi là Giwa, ngôi đàn ông (+) khác với ngôi đàn bà (-) về hình dáng, kích thước. Bề mặt ngôi còn được phủ một lớp men màu nâu sậm. Vào mùa đông, màu của mái ngôi tương phản với màu trắng của tuyết, tạo nên dáng vẻ nổi bật cho ngôi nhà.

- Nhà cửa hiệu: chỉ sử dụng một loại ngôi, tùy theo vị trí của viên ngôi lợp mà nó sẽ có tên gọi khác nhau (*viên nằm sấp là dương, viên nằm ngửa là âm*). Người Hội An thích sử dụng màu nâu đỏ tự nhiên của ngôi, trong mùa mưa, ngôi xuất hiện rêu phong, mang lại vẻ đẹp cổ kính cho ngôi nhà. Ở Hội An cũng có sử dụng loại ngôi tương tự như Giwa, nhưng chỉ thấy ở một số ngôi chùa và hội quán của người Hoa.

Cách lợp mái cũng rất khác nhau. Với hanoak, ngôi được lợp từ dưới lên, trong khi đó, với nhà cửa hiệu, ngôi lại được lợp từ trên xuống. Hệ kết cấu đỡ mái cũng rất khác nhau.

2.6. Màu sắc và họa tiết trang trí:

Trong hanoak hay nhà cửa hiệu, người ta thường sử dụng màu tự nhiên của các kết cấu gỗ, không sơn phết, hoặc chỉ đơn giản bao phủ một lớp dầu bên ngoài để bảo vệ khỏi côn trùng xâm hại. Điều này thể hiện quan niệm sống hài hòa, tôn trọng thiên nhiên của cả 2 dân tộc.

Với Hàn Quốc, trong các công trình lớn như đền đài, miếu mạo, các cấu kiện gỗ có nhiều họa tiết chạm trổ cầu kỳ, được sơn phết nhiều màu sắc. Với loại hình nhà ở, các cấu kiện gỗ, tường, trần, sàn thường đơn giản,

không chạm khắc, không sơn phết, thậm chí một số thanh rui cong vênh vẫn được sử dụng, như một sự tôn trọng với thiên nhiên. Tuy nhiên, các chi tiết chạm khắc, trang trí cầu kỳ hơn có thể dễ dàng tìm thấy trong các vật dụng nội thất.

Ở Hội An, không chỉ các công trình lớn mới có các chi tiết chạm khắc trên cấu kiện gỗ, trong những ngôi nhà cửa hiệu, dễ dàng nhìn thấy các hoa văn chạm trổ trên vách gỗ, trên hệ vì kèo và cả trong vật dụng nội thất, trang trí phù điêu trên bức tường ở sân trời... tất cả đều mang ý nghĩa cầu chúc tốt đẹp. Với nhà cửa người bình dân, không ít thì nhiều, ở một số bộ phận của bộ kết cấu khung, có thể dễ dàng tìm thấy những điều khắc đơn giản, thô mộc.

Có thể hiểu sự khác biệt này như sau: với Hàn Quốc, có sự tương đồng giữa các giai cấp, tầng lớp quý tộc hay bình dân, đều có mong muốn sống hòa hợp với thiên nhiên, sống khiêm tốn theo giáo lý Phật giáo và Nho giáo. Do đó, không gian nội thất của hanoak thường đơn giản, không cầu kỳ. Với Hội An, có lẽ vì nơi đây đã từng là thương cảng, nơi lưu trú của nhiều thương gia, việc chạm trổ cầu kỳ phần nào thể hiện sự thịnh vượng của gia chủ (*đây chỉ là ý kiến chủ quan của người viết*). Vì vậy, trong một số ngôi nhà cổ, không gian nội thất có nhiều chi tiết trang trí tinh xảo.

Ví dụ, trong một số nhà cửa hiệu, ở nếp nhà phụ (*gắn liền với nếp nhà chính*), hệ vì kèo (*trính chồng trụ đội*) được chạm trổ cầu kỳ, vì đây là khu

vực tiếp khách, thể hiện tính thẩm mỹ và sự giàu có của chủ nhà.

2.7. Ảnh hưởng của tôn giáo:

Cả 2 dân tộc đều chịu ảnh hưởng của Phật giáo và Nho giáo. Điều đó thể hiện trong văn hóa, kể cả kiến trúc: khiêm nhường, giản dị, coi trọng việc thờ cúng ông bà tổ tiên... Tuy nhiên, sự biểu hiện có phần khác nhau.

a) Phật giáo:

Với Hanoak, ảnh hưởng của Phật giáo không thật sự đậm nét như Nho giáo. Theo cuốn sách “*Hanoak - Traditional Korean homes*”, Phật giáo cùng với Nho giáo tạo nên những đặc tính riêng của không gian nhà truyền thống: sự giản dị, không giả tạo và đáng vẻ trầm mặc. Mặc dù Phật giáo góp phần quan trọng tạo nên tính cách của người Hàn Quốc và cả đặc trưng kiến trúc, nhưng khu vực thờ cúng chỉ có bàn thờ ông bà tổ tiên chứ không hề có bàn thờ Phật. Theo ý kiến chủ quan của tôi, thật khó để nhận biết đâu là ảnh hưởng của Phật giáo, đâu là ảnh hưởng của Nho giáo trong hanoak.

Với nhà cửa hiệu, ảnh hưởng của Phật giáo có phần dễ nhận biết hơn. Đa số nhà cửa hiệu có bàn thờ Phật, họ đặt tượng Phật ở nơi trang trọng trong ngôi nhà, việc thờ cúng diễn ra vào ngày mùng 1 và rằm hàng tháng. Theo quan niệm Phật giáo, đời người phải trải qua 4 giai đoạn: sinh, lão, bệnh, tử, vì vậy, người Hội An rất chú ý đến số lượng đòn tay trên mỗi hệ mái, người

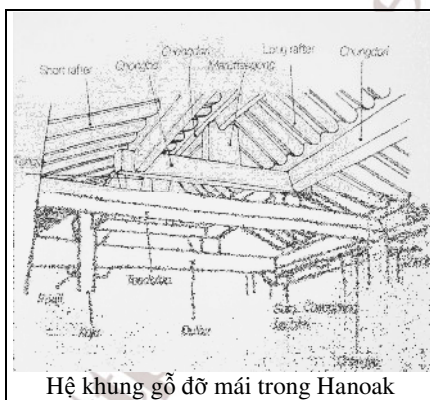
ta đếm số lượng đòn tay sao cho rơi vào chữ “sinh” hoặc “lão”, tránh chữ “bệnh” hoặc “tử”, với niềm tin nó sẽ mang lại những điều tốt lành.

b) Nho giáo:

Có thể nói rằng, Nho giáo tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội cũng như kiến trúc nhà ở truyền thống Hàn Quốc. Nho giáo quan niệm “*nam nữ thụ thụ bất thân*”, do đó, việc bố trí không gian sống có sự phân định rạch ròi giữa nam và nữ, giai cấp và độ tuổi. Như đã đề cập ở trên, Nho giáo cùng với các tôn giáo khác đã tạo nên những đặc trưng rất riêng của nhà truyền thống Hàn Quốc.

Do ảnh hưởng của Nho giáo, ngay cả tầng lớp trí thức, kinh tế khá giả, những người có đủ khả năng có nhà ở và nội thất sang trọng, rất dễ thấy họ vẫn thực hiện sự kiềm chế và cố gắng

giảm thiểu các nhu cầu tiêu dùng xa hoa. Việc tang lễ và thờ cúng tổ tiên được coi là vô cùng quan trọng trong một xã hội Nho giáo. Vì vậy, *sadang* (nhà dành riêng cho việc thờ tự) được xây dựng ở vị trí cao nhất, phía sau an-ch'ae hoặc sarang-ch'ae.



Ở Hội An, nếp sống và việc bố trí không gian sống trong nhà cửa hiệu cũng chịu ảnh hưởng của Nho giáo, tuy nhiên, nó không quá rạch ròi như trong hanoak. Chẳng hạn, nếp nhà trước thường chỉ dành riêng cho việc thờ cúng, buôn bán, tiếp khách... trong nếp nhà này thường chỉ dành riêng cho

chủ nhà và những người đàn ông lớn tuổi, có bộ bàn tiếp khách, có nhà thì có thêm bộ phản gỗ chỉ dành riêng cho đàn ông ngồi, hạn chế phụ nữ, trẻ con sinh hoạt trong khu vực này. Phụ nữ thì có các phòng riêng ở nếp nhà sau hoặc các chái phụ. Việc thờ cúng ông bà tổ tiên rất được coi trọng, do đó, bàn thờ thường đặt ở vị trí trang trọng trong ngôi nhà. Do diện tích của nhà cửa hiệu nhỏ hẹp, bàn thờ Phật, ông bà được đặt bên trong nhà, chứ không có một ngôi nhà riêng biệt chỉ dành cho việc thờ tự giống như sadang ở hanoak. Tuy nhiên, ở Hội An lại có loại hình nhà thờ tộc, điều này không hề thấy trong kiến trúc truyền thống Hàn Quốc.

III. So sánh nhà cửa hiệu Hàn Quốc và Hội An:

Do tài liệu về nhà cửa hiệu Hàn Quốc rất hạn chế, vì vậy việc so sánh giữa nhà cửa hiệu Hàn Quốc và Hội An khá khó khăn. Dựa trên tài liệu được cung cấp, tôi có một số nhận định sau:

- Nhà cửa hiệu Hàn Quốc được xây dựng vào thời kỳ Nhật đô hộ (1910-1945), khoảng thời gian này bắt đầu xuất hiện nhà phố 2 tầng (*nếp nhà trước*), khá muộn so với Hội An (*xuất hiện từ cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII*). Về cơ bản, các yếu tố cấu thành nhà cửa hiệu Hàn Quốc (*hệ khung chịu lực, tường bao che, vật liệu, kết cấu mái...*) khá giống với hanoak, tầng 2 được xây dựng dựa trên hệ khung cột - dầm tầng 1. Do đó, tôi sẽ không so sánh yếu tố này trong nhà cửa hiệu ở Hội An và Hàn Quốc.

* So sánh:

1. Giống nhau: (*tính phổ biến của nhà phố*)

- Sự tiếp nối liền kề của các ngôi nhà là bản chất chung của nhà ở thành phố.

- Sự phân bố các không gian chức năng khá giống nhau: nếp nhà trước tiếp xúc với mặt đường dùng cho việc buôn bán, sân trời nằm giữa nhà, nếp nhà sau là không gian sinh hoạt.

- Trong trường hợp nhà cửa hiệu 2 tầng, tầng 2 cũng được dùng làm kho và văn phòng.

- Mặt tiền nhà cửa hiệu có nhiều cửa để thuận tiện cho việc kinh doanh.

- Hệ khung gỗ chịu lực chính, tường chỉ có chức năng bao che.

2. Khác nhau:

- Nhà cửa hiệu Hàn Quốc không có hiên, trong khi đó, hầu hết các nhà cửa hiệu ở Hội An đều có hiên. Theo tôi, hiên là không gian giao lưu rất quan trọng giữa không gian công cộng ngoài đường phố và không gian riêng bên trong nhà, một khoảng không gian đệm, rất thuận tiện cho việc kinh doanh, buôn bán.

- Do quá trình đô thị hóa, thửa đất ngày càng bị nhỏ hẹp, hàng rào bao quanh đã tĩnh tiến dần, kết nối với tường bao che ngôi nhà, hanoak dần chuyển thành nhà cửa hiệu. Dầu vậy, thửa đất của nhà cửa hiệu Hàn Quốc khá lớn so với nhà cửa hiệu Hội An. Mặt bằng nhà cửa hiệu Hàn Quốc có bố cục hình chữ “*khẩu*”, điều này không hề bắt gặp ở nhà cửa hiệu Hội An.



- Trong nhà cửa hiệu Hội An, lối đi từ trước ra sau nằm ở chính giữa nhà, tạo nên trục đối xứng; các không gian chức năng có sự liên kết với nhau, vách ngăn giữa nếp nhà trước (*kinh doanh*) và nếp nhà sau (*ở*) có nhiều cửa, đóng mở linh hoạt, cửa sẽ đóng lại khi cần sự riêng tư. Còn ở nhà cửa hiệu Hàn Quốc, lối đi chính nằm lệch hẳn về một bên, do đó, mặt đứng của ngôi nhà không có tính đối xứng. Hơn nữa, không gian của nếp nhà trước (*kể cả hệ khung gỗ*) hoàn toàn độc lập, tách biệt với không gian sống phía sau. Nói cách khác, lối vào nếp nhà kinh doanh và nếp nhà ở, sinh hoạt là hoàn toàn khác nhau, dù cả hai nếp nhà đều cùng được xây dựng trên một thửa đất. Sự tách biệt này giúp không gian riêng tư tránh được sự ảnh hưởng của không gian chung (*khu vực buôn bán*) một cách triệt để, tuy nhiên lại gây bất tiện trong sinh hoạt (*trong trường hợp chủ cửa hiệu cũng là chủ nhà, có sự bất tiện khi di chuyển từ khu cửa hiệu sang khu ở*).

Như vậy, cả nhà cửa hiệu Hàn Quốc và Việt Nam đều biểu hiện đặc tính riêng của từng địa phương, tuy

nhiên về sự cấu thành cơ bản thì chúng rất giống nhau.

IV. Kết luận:

Từ việc khảo sát, so sánh những điểm tương đồng và dị biệt trong kiến trúc truyền thống của 2 dân tộc Việt - Hàn, tôi có một số nhận xét sau:

1. Điều kiện tự nhiên của 2 nước Việt Nam và Hàn Quốc vừa có những nét tương đồng vừa có những điểm khác biệt. Điều kiện tự nhiên có lẽ là nguyên nhân quan trọng nhất trong việc tạo ra những điểm tương đồng và dị biệt trong kiến trúc truyền thống của 2 dân tộc.

2. Với Hội An, ngày xưa các cư dân gốc Hoa được xem là thành viên chủ chốt trong xã hội (*cuối triều Minh (triều Minh 1368-1644), do biến động chính trị, nhiều người Hoa sang Hội An sinh sống, lập nên làng Minh Hương*), phần lớn những ngôi nhà nơi đây được họ xây nên, họ trực tiếp sinh sống, mua bán trong những ngôi nhà này. Mặc dầu Hội An tiếp nhận cả tư tưởng (*Nho giáo*) lẫn hình thức kiến trúc Trung Quốc và dung hòa nó với văn hóa, kiến trúc địa phương để tạo nên bản sắc riêng của Hội An, tuy nhiên, dấu ấn của văn hóa Trung Quốc vẫn thể hiện khá rõ nét.

Hàn Quốc cũng chịu tác động của văn hóa Trung Quốc, Nhật Bản, tuy nhiên, sự ảnh hưởng đó thể hiện về mặt “*tư tưởng*” nhiều hơn là trong “*kiến trúc*”. Chẳng hạn, người Hàn Quốc rất coi trọng Nho giáo (*văn hóa*

Trung Quốc), áp dụng tư tưởng Nho giáo vào việc phân chia không gian sử dụng trong nhà truyền thống một cách nghiêm ngặt; sử dụng các họa tiết trang trí Trung Quốc (*Hán tự, các con vật tượng tượng như rồng, phượng hoàng...*), tuy nhiên, hình thức kiến trúc lại ít tương đồng với kiến trúc Trung Quốc, vẫn có những nét đặc trưng rất riêng của Hàn Quốc.

3. Nhà cửa hiệu Hội An được sử dụng cho mục đích kinh doanh và ở, trong khi đó, hanoak chỉ được sử dụng cho mục đích ở. Đó là lý do tại sao cách tổ chức mặt bằng, phân chia không gian chức năng trong hanoak và nhà cửa hiệu khác nhau.

4. Phật giáo ăn sâu, bám rễ vào Việt Nam từ rất sớm. Trong các triều đại nhà Đinh, Lê, Lý, Phật giáo đã được Nhà nước công nhận là quốc giáo, ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong đời sống xã hội. Điều này tiếp tục vào triều đại nhà Trần, Phật giáo phát triển cùng với Nho giáo. Phật giáo suy thoái trong thời nhà Hậu Lê và được phục hưng dưới triều đại nhà Nguyễn. Dẫu có suy thoái hay cực thịnh, Phật giáo và Nho giáo vẫn cùng song song tồn tại, tác động đến văn hóa Việt Nam, đến tận mỗi làng xã. Nhiều ngôi chùa được xây dựng trong làng, xen kẽ với nhà dân, do đó, Phật giáo gắn liền với đời sống người dân một cách chặt chẽ. Tại Hội An (*và Việt Nam nói chung*), bàn thờ Phật là hình ảnh quen thuộc trong mỗi gia đình, nó được đặt bên cạnh bàn thờ tổ tiên, tại vị trí trang trọng trong ngôi nhà. Phật giáo và Nho giáo tác động đến kiến trúc nhà cửa hiệu ở một mức độ nhất định, dễ nhận biết.

Phật giáo đến Hàn Quốc thông qua Trung Quốc trong thời kỳ Tam quốc (57 BC - 688 AD) và phát triển mạnh mẽ, tuy nhiên, những ngôi chùa được xây dựng khá xa làng, cách biệt với khu vực sinh sống (*theo ý kiến của tôi*), điều đó gây nên những bất tiện trong việc thực hành tôn giáo. Vì Phật giáo gây nhiều tệ tham nhũng trong thời Silla và Goryeo, dưới triều đại Joseon nên đã gặp sự đàn áp của chính quyền, việc xây dựng các ngôi chùa Phật đã bị tạm dừng, trong khi đó, việc xây dựng Văn miếu, trường học Nho giáo tại mỗi địa phương và đền thờ Khổng Tử lại được thúc đẩy. Nho giáo tác động đến mọi mặt đời sống xã hội. Coi trọng việc thờ cúng tổ tiên ăn sâu vào ý thức đạo đức của mọi người dân. Đó là lý do tại sao ta không thấy có bàn thờ Phật trong hanoak, trong khi có hẳn một gian nhà riêng để thờ cúng ông bà. Do một số điểm tương đồng giữa Phật giáo và Nho giáo về ý niệm: đơn giản, khiêm nhường... ảnh hưởng của Phật giáo đến kiến trúc hanoak vẫn có thể nhận thấy, dẫu không thật sự rõ nét như Nho giáo.

Do hạn chế về thời gian nghiên cứu cũng như kiến thức hạn hẹp của tôi, ngoài những điểm tương đồng và dị biệt đã kể trên, chắc chắn còn nhiều điều tương đồng và khác biệt thú vị khác chưa được đề cập đến trong bài nghiên cứu này♥

Tài liệu tham khảo

*** Tài liệu Anh ngữ:**

- Hanoak - Traditional Korean Homes. 2010. Nhiều tác giả. Nxb Hollym International Corp.

- Bukchon, a traditional Korean village of Historic and Cultural City, Seoul. Xuất bản bởi Bukchon Division, Seoul Metropolitan Government.

- TAmA 2002 - Traditional Architecture in modern Asia, October 17-19, 2002. Tổ chức tại Seoul National University, Seoul, KOREA.

- Traditional landscape architecture of Korea.

- Report on Hoi An Former International Port Town Conservation Cooperation Project - Cultural Properties Department, Agency for Cultural Affairs, Japan - March 2003.

- www.wikipedia.org and www.google.com với các từ khóa: Korea, Korean traditional architecture, traditional Korean homes, hanoak, hanok...

* Tài liệu Việt ngữ:

- Kiến trúc phố cổ Hội An, Việt Nam (2003) Viện nghiên cứu văn hóa quốc tế Trường ĐH Nữ Chiêu Hòa, Nxb Thế Giới, Hà Nội, Việt Nam.

- Cẩm nang bảo tồn dành cho chủ du tích - Khu di sản thế giới Hội An, Việt Nam(2008), xuất bản bởi UNESCO Bangkok và UNESCO Hà Nội.

- TÁC ĐỘNG - Những ảnh hưởng của du lịch đối với Văn hóa và Môi trường ở Châu Á - Thái Bình Dương: Du lịch văn hóa và quản lý di sản ở Di sản Thế giới Hội An, Việt Nam (2008), Chịu trách nhiệm xuất bản: Trung tâm QLBT DSVH Hội An.

- So sánh văn hóa dân gian giữa dân tộc Việt và dân tộc Hàn. 2009. Đại học Đà Lạt (tài liệu tham khảo trên internet).

NHỮNG NHÀ XƯA Ở QUẢNG NAM

Nguyễn Bạt Tụy

“Những nhà xưa ở Quảng Nam”
là một khảo cứu khá công phu về kiến trúc ở Quảng Nam trong đó có các ngôi nhà phố Hội An của tác giả Nguyễn Bạt Tụy được đăng trên Văn hóa nguyệt san xuất bản ở miền Nam trước năm 1975. Trong số này, Ban biên tập bản tin xin được giới thiệu phần đầu của bài khảo cứu in trong Văn hóa nguyệt san số 59, từ trang 231 - 242 để bạn đọc tham khảo.

Những ai trong chúng ta đã từng qua Tuy Hoà, tỉnh lỵ của Phú Yên, thấy, ngoài cái ga chỉ còn trơ bốn bức tường, biết bao nhiêu căn nhà cũ đổ nát quanh chân cái tháp Chàm, đều không khỏi bùi ngùi nghĩ đến cảnh tàn phá của chiến tranh mà liên tưởng tới tình trạng bấp bênh của những vật kiến trúc xưa, nay còn đó mà chưa biết chừng mai kia đã mất.

Rồi quá bước tới Qui Nhơn, trung tâm của Bình Định, ta lại để ý đến nhiều căn nhà xây cất theo lối hơi xưa, nhất là ở hai bên con đường Gia Long, với một thể thức đặc biệt, và ta cũng cảm thấy áy náy trong lòng, không biết

rồi đây cái chương trình kiến thiết rộng lớn của thành phố đầy tương lai này có xâm phạm tới những di tích, dấu không còn hợp thời, nhưng cũng đáng ghi nhận đó không.

Nhưng phải đến Quảng Nam, từ hai quận Tam Kỳ và Hậu Đức ở cực nam lên đến hai quận Hoà Vang và Hiếu Đức ở cực bắc, qua cái thành phố xưa là Hội An, thường được nhắc nhở đến trong lịch sử cận đại, ta mới nhận thức được giá trị tiêu biểu của những cái gì còn lại của một thời xa xưa và ý niệm được vai trò mà nó đóng trong quá trình văn hoá của dân tộc.

Thấy tất cả những cái đó, ta nghĩ ngay đến sự bảo tồn - bảo tồn cổ tích, như người ta vẫn nói những cuộc dâu bể có chừa ai đâu! Những cảnh đổi thay đã thấy ở Tuy



Hoà và chắc chắn sẽ thấy ở Quy Nhơn chỉ là kết quả tự nhiên của những biến thiên lịch sử, trong đó, dầu muốn dầu không, con người không mấy khi thực sự giữ được vai trò hoàn toàn chủ động. Bởi vậy hai tiếng “bảo tồn” không nên chỉ có nghĩa chật hẹp là “giữ cho vật còn đó”, nên hiểu rộng ra là “giữ cho ý niệm về vật khỏi mai một”.

Muốn vậy, tu bổ một cổ tích chưa đủ, chụp ảnh để ghi giữ hình tích nó chưa xong, vì sau này, dầu may ra cổ

tích ấy còn mà những thể hệ mới không làm những vật giống thế nữa, thì chỉ một thời gian là các bộ phận nó không còn ai biết tên là gì và nó sẽ thành một ngày một khó hiểu hơn.

Giá trị văn hoá của một vật kiến trúc không phải chỉ ở phương diện mỹ thuật như người ta vẫn thường tưởng, mà còn ở phương diện ngôn ngữ, với những cách diễn tả các ý niệm mỹ thuật. Quan niệm này không phải chỉ ứng dụng riêng cho các vật kiến trúc, mà cho bất cứ sự vật nào trong hội sống, như tôi đã có vài dịp trình bày¹. Ở đây tôi thử làm thêm một việc mà có

lẽ những cơ quan văn hóa của chánh phủ đã làm mà chưa công bố, hay đã công bố mà tôi chưa có cái may gặp để đọc, vì nhiều cổ tích đã được Viện Khảo cổ kiểm tra và liệt

hạng. Nhưng tôi thấy cần thưa trước rằng, không phải là một chuyên viên khảo cổ mà chỉ đứng về mặt ngôn ngữ để quan sát, chắc chắn tôi không sao tránh được lỗi lầm, nên rất mong các bậc cao minh lượng thứ và chỉ giáo cho nếu có gì sơ sót.

Ngoài ra, tôi xin nhấn mạnh vào điểm rằng tôi đã hạn chế cuộc khảo sát

¹ X. “Nghề chài lưới trong ngôn ngữ”, Bách khoa số 87 và 89; “Tên cá trong ngữ Việt”, Bách khoa số 92.

của tôi trong phạm vi các nhà ở Quảng Nam, với những tiếng dùng ở miền này mà, nếu có thể tôi sẽ đối chiếu với những tiếng ở các vùng khác. Hơn nữa, khỏi phải nói rõ, chắc chúng ta đều biết rằng các nhà cổ thường có nhiều cột gỗ, có vách tường hay vách ván, mái ngói hay mái lá, và tiếng *nhà cổ* có thể hiểu là “nhà làm từ xưa” hay “nhà theo kiểu xưa”. Và bây giờ ta có thể lần lượt xét đến ba loại nhà, từ cổ ít đến cổ nhiều: nhà vườn, nhà phố, và đình chùa.

A. Nhà vườn

Nhà vườn là nhà làm ở quê, thường ở giữa vườn, và chia ra hai loại chính: nhà rội và nhà rường.

Nhà rội là loại nhà nay ít ai làm, có một hàng cột cái chống thẳng lên nóc và có thêm hai hàng cột phía trước, hai hàng cột phía sau, vị chỉ là 5 hàng cột. Nó thường có ba gian hai chái, và tiếng *rội* này được dùng cho đến Quảng Bình Hà Tĩnh mà thôi.

Nhà rường là loại nhà thông dụng hơn nhiều, có hai hàng cột cái ở hai bên nóc, đôi khi thêm hai hàng cột phía trước, hai hàng cột phía sau để đỡ các kèo, vị chỉ là 6 hàng cột. Nó cũng thường có ba gian hai chái và tiếng *rường* này cũng chỉ thấy dùng đến vùng Nghệ - Tĩnh - Bình thôi.

Vì loại nhà rội không đáng chú ý mà cũng không khác loại nhà rường là bao, ta sẽ lấy nhà rường làm đối tượng và sẽ nói về những bộ phận của nhà rường và những kiểu nhà rường.

I. Những bộ phận của nhà rường Quảng Nam

Các bộ phận của bất cứ căn nhà nào cũng có thể chia ra làm ba hạng: những bộ phận che trên, những bộ phận vây quanh và những bộ phận phụ thuộc.

1. Những bộ phận che trên của căn nhà Quảng Nam, cũng như ở Bắc hay ở Nam, gồm có hai *mái* chính, một mái trước, một mái sau gặp nhau ở nóc, và hai mái bên nếu nhà có hai *chái*. Các mái được chống đỡ bằng cột và sườn mái lập thành bởi những *kèo* đỡ dốc xuống hai bên nóc, trên có những *hoành tử* nằm ngang và trên nữa có những *rui* nằm dọc theo chiều kèo. Ngoài những tên ấy ta thấy vài cách gọi các bộ phận hơi khác.

a. Cây gỗ dài nằm ngang trên chỗ các đầu kèo giáp nhau để đỡ nóc không gọi là giép nóc (Hà Đông) như ở Bắc, mà gọi là *đòn đông*. Tiếng này phát âm là *đòn đông* từ Bình Định trở vào, là *đòn đông* ở Tĩnh - Bình - Trị - Thiên, và có lý do của nó. Khác cái “giép nóc” ở Bắc thường xẻ vuông vắn, ở những nhà năm gian sáu vì, muốn kỹ hơn thì “chém cạnh xoi lu” rồi “thắt cổ chày” hai đầu cho lọt vào hai cái chốt ở cái chốt ở cái chông rường, “đòn đông” ở đây chuốt tròn theo nguyên hình cây gỗ hạ ở rừng về, với một đầu “gốc” hơi lớn hơn đầu “ngọn” để dễ phân biệt khi chọn hướng đặt.

Theo mỗi tin tưởng cổ truyền thì cây đòn đỡ nóc là chủ chốt của căn nhà, nên đầu gốc phải để về một hướng nhất định là bên tả, đầu ngọn để về bên hữu. Lại theo một ước lệ thì, trong một căn nhà, bên tả gọi là “đông”, bên hữu gọi là “tây” (“đông vi tả, tây vi hữu”), nên cây đòn ấy phải có

gốc quay về bên đông, và nhân đó có luôn tên là *đòn đông*.

Như vậy tiếng *đông* ở đây để gọi hướng “nhà” chứ không phải hướng “trời”. Người ta còn kể lại rằng có người, vì ngoan cố hay vì hiểu lầm nghĩa tiếng *đông*, đã cho đòn *đông* quay về phía biển, tức phương đông, mà ngược với hướng nhà cổ truyền, thì chẳng bao lâu cũng xảy ra nhiều chuyện lục đục và phải xoay chiều đòn *đông* lại.

Nhân đó, về cây đòn *đông* có một giai thoại nho nhỏ, theo đó thì xưa kia có một ông nhà giàu đã suýt vì tính tình khắt nghiệt của ông mà bị hại trong một vụ cất nhà. Thoạt đầu ông quá chặt chẽ với người thợ rừng nên người này “chơi trác”, chuốt gốc cây nhỏ hơn ngọn để người thợ cả cứ đầu lớn mà để về bên “đông” và như thế là làm gốc về bên “tây”. Nhưng rồi ông lại quá khó tính với người thợ cả, nên người này lập tâm phản cho bỏ ghét mà để đầu nhỏ về bên “đông” thay vì đầu lớn, đỉnh ninh rằng đó là đầu ngọn. Ai ngờ rủi lại hoá may: chính đầu nhỏ ấy mới là đầu gốc và ông nhà giàu đã vô tình thoát hiểm, vì đầu gốc rút cục lại vẫn ở bên “đông”!

b. Các cột cũng có những tên khác nhau tùy vị trí của nó trong cái nhà. Nếu ta nhận xét một căn nhà rường thông thường có sáu hàng cột thì hai hàng cột ở liền hai bên nóc là *cột lòng nhất*, tức cột cái trước và cột cái sau ở Bắc hai hàng cột kế đó là *cột lòng nhì*,



tức cột đóng cửa và cột cửa vông ở Bắc; hai hàng cột trước nhất và sau cùng là *cột lòng ba*, tức cột hiên trước và cột hiên sau ở Bắc.

Cột nhà ở Quảng Nam thường sàn sàn như nhau, không mấy khi lớn, chứ ở Bắc phân biệt những nhà “tiểu khoa” có cột dưới 2 tấc, những nhà “trung khoa” có cột trên hai tấc, và những nhà “đại khoa” có cột tới 5 tấc. Ngoài ra, những cột ở hai bên chái cũng có những tên đặc biệt: *cột quyết* để chống, hai cây “quyết”, *cột đấm* để chống hai cây “đấm”. Hai tiếng này được dùng suốt lên tới Quảng Bình, Hà Tĩnh.

Cột những nhà khá giả thường đặt trên một tảng đá vuông chôn dưới đất và hơi lộ mặt lên, gọi là *đá tán*. Trên đá tán cũng có thể có thêm một hòn *đá giãm trống* hình tròn mà cạnh phình ra như cái tang trống. Hai hòn đá này đôi khi đục liền một khối ở ngoài Bắc mà gọi là *tảng cổ bông*, còn ở Thừa Thiên thì hòn đá tròn gọi là *trái bí* và có nhẽ cách đá tán bởi một cái lá đề đục cho xòe chân ra. Tiếng *giãm* này (có người còn gọi chệch là *diêm*) ứng với tiếng *tang* ở Bắc từ Thanh Hoá trở ra, và

tiếng *chang* ở Nghệ, Tĩnh, Bình. Tiếng *chang* thì còn thấy trong *chang oong*, tức “bụng oong”; tiếng *giảm* nghĩa là “một trong những mảnh gỗ mỏng ken lại với nhau để lập thành cái tang trống”. *Việt nam từ điển* Khai - trí tiền đức giảng tang là “sườn trống ghép bằng giảm gỗ” nhưng đến tiếng *giảm* lại viết là *dăm*². Xét ra tiếng *giảm* sát với phát âm hơn, dầu nó chỉ nghĩa vừa kể hay nghĩa “mảnh gỗ vụn loại ra do sự vật đổ” (*giảm cây*) và nghĩa “miếng gỗ mỏng để chèn cho chặt” (*giảm cối*).

c. Các kèo cũng bắt vào nhau ở chỗ *giao nguyên*, nghĩa là chỗ gặp nhau dưới đòn dông, bằng những chốt dài gọi là con sỏ như ở Bắc, nhưng ở Quảng Nam không phân biệt như ở Bắc: *kèo*, dài suốt từ nóc xuống chân mái với *kẻ*, có từng đoạn chồng lên nhau ở các đầu cột mà truyền đi. Bởi vậy ở đây không có những tên nhà *kèo*, là hạng nhà thường, *nhà kẻ*, là hạng nhà lớn có *kẻ truyền* chia ra *kẻ nóc*, *kẻ ngói*, *kẻ hiên*. Trái lại, theo mỗi khu



² Ông Lê Ngọc Trụ, trong *Việt ngữ chánh tả tư vị*, tr 115, cũng ghi *giảm* theo nghĩa “nhiều miếng kết” và *dăm* theo các nghĩa khác. Nhưng xét ra các nghĩa ấy đều chung một ý niệm “miếng, mỏng” và 1 tiếng *giảm* là đủ.

giữa các hàng cột, người ta chỉ gọi: *kèo lòng nhất*, từ đòn dông xuống cột lòng nhất, *kèo lòng nhì*, từ cột lòng nhất xuống cột lòng nhì, *kèo lòng ba*, từ cột lòng nhì xuống cột lòng ba.

Ngoài ra, ở những nhà làm kĩ, kèo thường có chân công xuống mà gọi là *kèo lặn*, và muốn đỡ đòn tay ở chân mái người ta phải đặt thêm một cái *mở dung*, đôi khi một cái *đuôi cá*. Các kèo ở chái nhà cũng có những tên riêng: hai *quyết* bắt chéo từ đầu hai cột lòng nhất xuống hai cột ở góc chái, gọi là *cột quyết*, hai đám bắc đỡ từ hai cột lòng nhất xuống hai cột khác ở khoảng giữa hông chái song song với hai cột kia, gọi là *cột đám*. Còn những kèo thẳng tường không có tên riêng, trong khi ở Thừa Thiên người ta gọi là *kèo tum* để đối với *kèo lặn* và có thêm một loại *kèo cù* bắc chồng lên kèo chính ở cột lòng nhì xuống cột lòng ba mà tận cùng ở phía cột bằng một cái đầu cù.

d. Các cây gỗ nối các cột với nhau có hai loại: trính và xuyên.

Trính nối cột trước với cột sau. Nó có thể là *trính đoạn* nếu chỉ ở giữa hai cột lòng nhất với hai đầu thò ra mà chặn bằng hai cái *chốt thắt*, hay là trính tường nếu chạy suốt từ tường trước đến tường sau mà không có cột chống ở giữa. Những trính này dầu là đoạn hay tường, thường đỡ một hay hai cột ngắn đứng trên để chống kèo: nếu một cái thì ăn thẳng vào giao nguyên, nếu hai cái thì gặp hai bên kèo ở lưng chừng. Đó là những *con đội* mà từ Bình Định trở vào người ta ưa gọi là *trụ lỏng*. Ở Thừa Thiên, cái trính gọi là *trén*, còn con đội lại là *trụ tiêu* đứng

trên trên hạ để đỡ trên thượng, hay *báp quả* (có người nói *áp quả*) đứng trên trên thượng để chống đòn đông.

Tôi còn nhớ, khi thăm vài ngôi chùa ở núi Non Nước, có hỏi chuyện vài thầy chùa trẻ tuổi về các bộ phận trong chùa. Khi hỏi về “con đội” thì không vị nào biết gọi là gì mà xác nhận là do việc tu hành nên không để ý đến những cái tí mĩ ấy. Sau cùng một vị đến bảo rằng đó là cái “trụ lỏng”, thì tôi không cần chú trọng đến giọng nói mà hỏi ngay: “Xin lỗi thầy, nếu tôi không lầm thầy là người Bình Định”. Nhà sư rất ngạc nhiên và chịu rằng tôi đã đoán trúng: đó cũng là một dịp để áp dụng những nhận xét về tiếng địa phương.

Riêng ở những nhà lớn, nhất là ở nhà phổ, thay vì một cây trính, người ta có thể *chồng dùi*, nghĩa là để hai ba cây trính chồng lên nhau bằng những con đội ngắn có tròn phình ra như hình trái bí mà gọi là *trụ trái bí*. Đó là trường hợp kiểu trính Nhật Bản. trong đó có trính nhất, trính nhì, trính ba, kê từ dưới lên, như lối *chồng rường* ngoài Bắc có ba cái *rường* chồng lên nhau bằng những đầu trên một cái *báng*, ở những kiểu nhà “đại khoa”.

Nhân đây cũng nên thêm rằng ở Trung, ngoài trính ra, không còn có cây gỗ dọc nào nối cột với nhau nữa, chớ ở Bắc, dưới báng còn có *xà dọc* chia ra *xà lòng* ở giữa hai cột cái và hai *xà nách* trước và sau. Ở các đình miếu hay các nhà quan, người ta thường bỏ *xà lòng* đi cho toà kiến trúc có vẻ nguy nga, nhưng ở nhà dân phải để, nếu không thì là “lộng hành”.

Xuyên nối các cột giữa với cột bên, tức là xà ngang ở Bắc, trám ở Hà Tĩnh. Ở những kiểu nhà “một gian hai chái” cố nhiên mỗi hàng cột chỉ có một xuyên nằm ngang, nhưng ở kiểu nhà “ba gian hai chái”, ngoài những đoạn xuyên nối các cột ở trước và sau, còn có hai trường hợp riêng về xuyên ở giữa. Trong các nhà rội, ở hàng cột cái có một *xuyên trung* ở giữa và hai *xuyên thứ* ở hai bên mà thấp hơn; đó là loại *xuyên tam son*. Trong các nhà rường thì nhiều khi hai hàng cột lòng nhất có hai xuyên trung song song theo chiều ngang và hai trính đoạn song song theo chiều dọc mà đỡ những tấm ván bắc ngang để lập thành cái khuôn cũi.

Ngoài ra cũng nên kể cây xà cò (có lẽ là xà co nói chệch thành), vì ở Thừa Thiên còn có tên xà rút, song song với đòn đông mà ở dưới một chút để nối hay “co”, hai đầu cột với nhau.

Các cây gỗ đặt ngang trên kèo để đỡ rui gọi là hoành tử ở Quảng Nam, cũng như hoành ở Bắc, và một số người còn gọi là đoàn tay, như người ta vẫn quen gọi ở vùng Nghệ Tĩnh. Nhưng đặc biệt có một điều là các hoành tử đặt đứng trên đầu cột thì gọi là *xà*, và cái “mè” ở Bắc thì gọi là *mèn*, và ở xã Kì Sanh, quận Tam Kì tôi còn thấy phân biệt *mèn* ở nhà ngói với *ron* ở nhà lá. Trái lại, ở Thừa Thiên, *xà* nối các đầu cột với nhau và trên nó vẫn có đòn tay để đỡ rui.

2. Những bộ phận vây quanh nhà gồm có ba mặt ván hay tường và một mặt cửa.

a. Về những tường quanh nhà, gọi là *thành rào* thì không có gì đáng nói,

trừ cách gọi tên quá lạ của nó, và hai lối đi chừa ra hai bên ngăn hai hàng cột bên với vách và gọi là *hè dục*, nghĩa là một thứ hè đã bít kín ở các nhà chỉ có 4 hàng cột và khi cất lên không trừ tính chái.

Hơn nữa, hai tấm vách hẹp ở mặt trước nổi hai đầu thành rào với hai cột bên cũng có một tên không kém lạ là *phên bắc* và tiếng *phên* này làm ta suy luận và ước đoán rằng xưa kia chắc có nhiều nhà có làm “phên” ở đó thay vì tường. Nhưng cũng phải nhận xét rằng ở đây trước nhà không thấy che phên, che đại hay che sáo. Riêng tiếng *sáo* phải lên đến Huế mới thấy nói đến, nhưng không phải thứ sáo bằng nan tre nhỏ ken khít, đứng trong nhìn ra thì thấy rõ, đứng ngoài nhìn vào thì tối om, mà là thứ sáo bằng nan tre to ken thưa chặn lên trên lớp “gót” (cót) ngoài cùng của cái mui “nóóc”, một thứ thuyền bằng mũi bằng lái thông dựng từ Thừa Thiên lên tới Hà Tĩnh.

b. Về cửa trước, có ba khuôn dựng trong phạm vi bốn cây cột lòng ba, thì có nhiều cái đáng kể hơn. Cửa các nhà thôn quê ở Bắc thường có một cái *khung* dựng trên một cây *ngạch* nằm

ngang sát đất. Phía dưới cây gỗ ngang của khung bao giờ cũng có một cây thứ hai gọi là *quang*, phía trên ngạch lại có một cây gỗ ngang khác gọi là *bạc*. Từ quang đến khung bằng từ bạc đến ngạch và mỗi khoảng cách ấy được bít bằng những tấm ván có những tên rất có ý nghĩa: *lá gió trên* và *lá gió dưới*.

Nhưng cửa các nhà ở Quảng Nam nói riêng và ở miền Trung nói chung chỉ có ngạch mà không có bạc, nghĩa là người ta có thể qua lại tự nhiên, khỏi phải “ngạch” cái chân mà bước từ hè vào nhà. Như vậy cái *khuôn nhận* phía trên cửa ở Quảng Nam tức là tấm lá gió trên ở Bắc. Còn ở Thừa Thiên thì nó lại có tên là liên ba cửa, vì cũng giống các liên ba tiền, hậu, thượng, hạ, ở phía trong nhà.

Cũng theo những sai biệt về tên gọi như thế, nếu những cửa bốn cánh ở Bắc có một loại đóng thành khuôn mà lùa ván mỏng, gọi là cửa *bức bàn*, và một loại đóng thẳng ván vào khuôn, gọi là cửa *cánh phố*, thì ở Quảng Nam thường chỉ có loại trên mà gọi là cửa *bàn khoa*. Những cánh cửa này cố nhiên không bắt vào khung bằng bản lè, mà mắc vào lỗ ở ngạch dưới và cây ngang trên bằng hai đầu thò ra, gọi là chân cộ ở Bắc, nhưng hình như không có tên ở Quảng Nam, vì nhiều người mà tôi hỏi đều không biết gọi nó là gì.

Một đàng khác, ở khung cửa, cũng như ở các cột lòng nhất thường



có những tấm gỗ dài ốp vào cho đẹp, gọi là *đố* mà chia ra *đố ngang* ở trên và hai *đố xuôi* ở hai bên. Khi có đố như thế thì, đứng trước trông vào, ta thấy hai cột giữa chia căn nhà ra làm ba gian, mỗi gian như có một cái khuôn riêng, gọi là *khuôn bông thành dạng*. Ở Thừa Thiên chỉ khung mới có đố, chớ ở trong nhà, người ta gọi là *thành vông* mà tô điểm thêm bằng những *nách*, nhất là loại *nách con bướm*.

3. Cuối cùng là vài bộ phận phụ thuộc mà ta có thể kể như sau:

a. Những khuôn nhận để trám vào các khoảng trống giữa xuyên ở dưới, xà ở trên và cột hai bên, đầu ở hàng cột lòng nhất hay lòng ba. Khuôn nhận này có thể là cả một tấm ván, là những tấm ván nhỏ lồng vào then ngang dọc, hay là những con tiện xinh xắn góp vẻ tinh vi vào những đường chạm trổ ở các đầu trính, đầu kèo.

b. Những *phên lựa* là những vách ván chạy vòng theo các cột bên và sau, thường thấy trong các kiểu nhà vườn chỉ có bốn hàng cột: hai hàng cột lòng nhất, cũng gọi là *cột cái*, hai hàng cột lòng nhì, cũng gọi là *cột con*. Phên lựa này chạy dọc nối hai cột cái liền và hậu ở hai bên, rồi chạy ngang nối hai cột cái hậu ở bên và giữa, để đến khoảng hai cột cái hậu giữa thì dựng thụt vào phía sau mà không ăn vào cột con hậu. Như vậy, hai gian thứ ở hai bên trông nông hơn gian trung ở giữa, vì gian này có thêm một chỗ ăn sâu vào để bày bàn thờ, và người ta có thể đi vòng từ hè dục này qua phía sau các phên lựa mà ra hè dục kia.

c. Hai *khu dĩ* là phần tam giác còn chừa lại phía trên chỗ mái chái nhà đỡ

từ hai đầu hồi xuống. Tiếng này thông dụng cho đến Quảng Bình, Hà Tĩnh, và câu tục ngữ “Ma trèo khu dĩ” là một bằng chứng rằng tiếng ấy có từ lâu ở miền Trung, mặc dầu không được nhĩ, trong khi ở miền Bắc, theo tầm hiểu biết của tôi, không ai nghĩ đến một tên cho phần nhà ấy.

II. Những kiểu nhà rường

Các kiểu nhà rường có thể phân biệt theo chiều ngang mà tính số gian hay theo chiều dọc mà tính số hàng cột.

1. Theo chiều ngang, có kiểu một gian hai chái và kiểu ba gian hay ba gian hai chái (h5). Còn kiểu “năm gian sáu vì”, thường hay thấy ở ngoài Bắc, không gặp ở đây, vì vào chỗ hai gian ở hai đầu nhà, người ta ưa làm hai chái.

2. Theo chiều-dọc, có:

a. Kiểu *nhà trính trường*, không có cột ở giữa mà có *trính trường* bắc từ đầu tường trước ra đầu tường sau, với những *trính con* ở ngoài biên.

b. Kiểu *nhà trính lãg*, có bốn hàng cột: hai hàng cột cái và hai hàng cột con, với hai cây xuyên ngang bao giờ cũng nằm cao hơn các cây trính đoán.

c. Kiểu *nhà con tiền cái hậu*, cũng chỉ có bốn hàng cột: một hàng *cột cái hậu* tức cột lòng nhất, và một hàng *cột con hậu*, tức cột lòng nhì, ở phần sau: một hàng *cột con tiền*, tức cột lòng nhì ở phần trước, và một hàng cột lòng ba ở hiên. Các trính thì bắc từ cột con tiền qua cột cái hậu mà đỡ một con đội thay cho cột cái tiền đã cho rộng nhà. Thứ con đội này ở Hà Tĩnh gọi là cột rọi.



d. Kiểu *nhà khuôn cũi*, thường có đủ sáu hàng cột, và các kèo cũng bố trí gần như lối “sáu kẻ rường chóp” ở ngoài Bắc. Cái *khuôn cũi*, như thấy trong hình 5, nằm ở phần giữa hai cột lòng nhất, gọi là *lòng trính*, còn các phần trước và sau gọi là *chữ tử trước* và *chữ tử sau*.

Những kiểu nhà này thường có một cái *thảo bạc* ở phía trước, vào khoảng giữa cột lòng nhì và cột lòng ba. Ở hình 3 ta có một cái *thảo bạc* ghép gượng vào một kiểu nhà trính trường cho tiện việc trình bày: mái *thảo bạc* trông phía ngoài cũng liền theo mái nhà chính, nhưng phía trong lại có thêm một cái mái giả đỡ từ nửa kèo lòng ba xuống một hàng xuyên ở cột lòng nhì, lợp một lớp “ngói âm” thôi, khiến đứng trong nhìn lên, ta có cảm tưởng như *thảo bạc* có mái riêng.

Thật ra thì cũng có nơi làm *thảo bạc* với mái riêng, như ở Huế, nhưng trông các *thảo bạc* có mái liền, đỡ bằng bộ trính Nhật Bản để khỏi cần kèo, vẫn thấy hay hay. Nhất là khi mặt trong mái làm khum khum mà đỡ bằng

hắn những tấm gỗ dài, to mà dày bản, dẻo cong và chạm hình con dơi dan cánh hay con rồng uốn khúc, để thay bộ trính Nhật Bản, thì cái *thảo bạc* có một vẻ ấm cúng hơn nữa. Nhân hình mái khum khum ấy sinh ra cái tên *vỏ cua*³, và cái *vỏ cua* thường hẹp hơn cái *thảo bạc*, hay nói một cách khác, chỉ những *thảo bạc* hẹp mới làm mái theo kiểu *vỏ cua* được.

Đôi khi cũng có nhà mà phía ngoài *thảo bạc* còn có thêm một hàng cột lòng tư để đỡ mái hiên, nhưng kiểu nhà lớn theo lối “tám kẻ rường- hóp” ở Bắc, với mỗi vì bốn kẻ, hoàn toàn không có ở Quảng Nam♥

(còn tiếp, sẽ giới thiệu ở số sau)

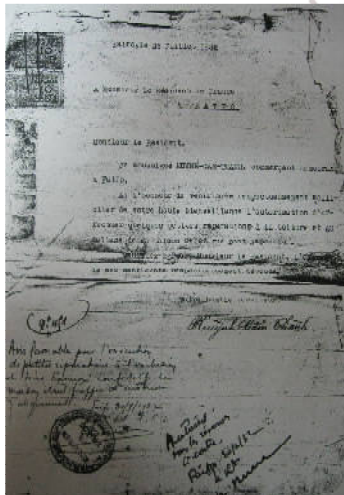
³ Cụ Châu Phi Cơ, biệt hiệu Mỹ Xuyên, một nhân sĩ ở Hội An mà tôi dịp hầu chuyện, giải thích tiếng *vỏ cua* này là gốc ở Võ cư, tức chỗ ngày xưa đề múa hát. Nhưng cái *vỏ cua*, dầu ở nhà vườn hay nhà phố, thường rất hẹp, mà ở đình chùa lại không thấy – phải chăng là chưa thấy nên tôi chưa thể tin theo thuyết của cụ được.

QUẢN LÝ XÂY DỰNG Ở HỘI AN DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC QUA MỘT VÀI VĂN BẢN

Ngô Đức Chí

Chúng ta có được khu phố cổ Hội An - di sản văn hóa thế giới như hiện nay là nhờ những yếu tố khách quan của lịch sử và những yếu tố chủ quan do con người tạo ra. Trong các yếu tố chủ quan đó, vấn đề quản lý vẫn là quan trọng hàng đầu. Trong quá trình tìm hiểu về việc quản lý phố cổ Hội An dưới thời Pháp thuộc, chúng tôi đã bắt gặp một vài trang tư liệu¹ đề cập đến vấn đề quản lý xây dựng nhà ở tại Faifo (*Hội An*):

Tài liệu thứ nhất là một đơn xin sửa chữa nhà của ông Huỳnh Cẩm Thành nhà số 185 đường Nhật Bản, văn bản có niên đại 1932, được viết bằng ngôn ngữ Pháp văn và Hán văn trên chất liệu giấy dó.



**Bản
dịch²:**

Faifo
ngày 26
tháng 7
năm 1932

Kính
gửi: Quan
Công sứ

Pháp tại Faifo

Kính gửi quan
công sứ

Tôi ký tên dưới
đây là Huỳnh Cẩm
Thành buôn bán ở
Faifo. Rất trân trọng
kính xin quan vui
lòng cho phép tôi
được sửa chữa một
đôi chỗ lặt vặt trên

mái ngói và gạch lót trong nhà tọa lạc
trên đường cầu Nhật Bản số hiệu nhà
185.

Kính mong quan nhận nơi đây
lòng kính trọng và cảm tạ của tôi.

Kẻ dưới nhỏ mọn: Huỳnh Cẩm Thành

Số 451

Đồng ý cho phép sửa chữa nhỏ
các công việc thích nghi với nhà ở sẵn
có. Faifo ngày 30 tháng 7 năm 1932.

Chủ sự công chánh ký tên và dấu

Cho phép làm theo chuẩn phép
trên đây

Công sứ ký tên

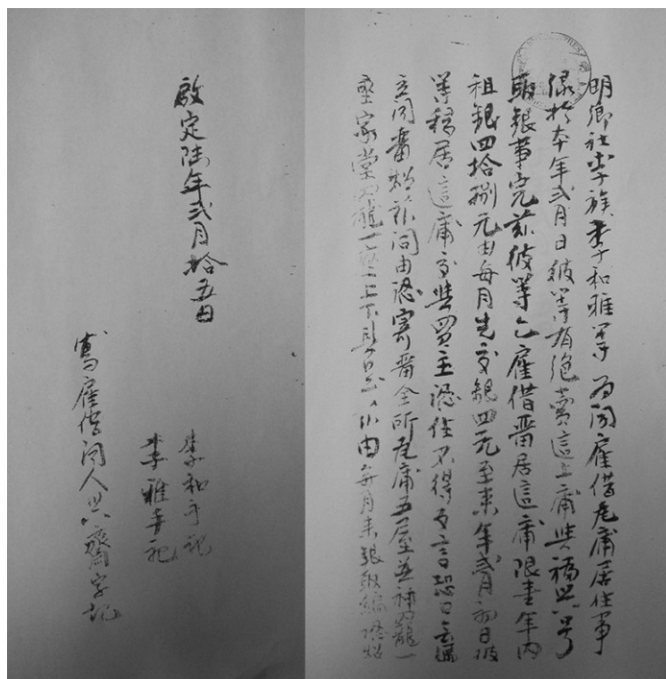
Faifo ngày 30 tháng 7 năm 1932

Tài liệu thứ hai là một văn bản
thuê nhà của ông Lý Hòa và ông Lý
Nhã, có niên đại Khải Định năm thứ 6,
được viết bằng Hán Văn

Bản dịch:

Họ Lý, Lý Hòa và Lý Nhã tại xã
Minh Hương

Nay làm tờ mượn nhà ngói cư trú,
nhân việc ngày... tháng 2 năm này
chúng tôi có bán đứt thô phố này cho
hiệu Phước Hưng đã nhận bạc đầy đủ



hiện nay là “xin phép” và “cấp phép”. Mặc dù một sửa chữa nhỏ trong nhà nhưng muốn thực hiện được cũng cần sự đồng ý, bút phê của quan công sứ Pháp, hơn nữa, việc trả lời đơn từ của nhân dân thời bấy giờ cũng được thực hiện nhanh chóng, theo văn bản trên, ngày viết đơn là 26 tháng 7 năm 1932 ngày trả lời đơn thư là 30 tháng 7 năm 1932. Việc quản lý chặt chẽ xây dựng trong khu phố cổ dưới thời Pháp thuộc góp phần cho việc gìn giữ được diện mạo di sản văn hóa khu phố cổ Hội An hiện nay.

rồi, nay chúng tôi xin thuê mượn lại để ở trong phố này, hạn trong một năm, tiền thuê là 48 đồng cứ mỗi tháng giao ra 4 đồng, đến sang năm vào ngày đầu tháng 2 thì chúng tôi phải dời đi giao phố này cho chủ mua nhận lại không được có lời trái lẽ nào, sợ nói miệng vô bằng nên lập tờ này lưu chiếu, nay tờ giao trả lại toàn sở 5 nhà phố ngói cùng khám thờ thần một cái, khám thờ ông bà một cái trên dưới đều đủ, mỗi tháng giao trả bạc nhà lấy biên lai chiếu nhận.

Ngày 15 tháng 2 năm Khải Định thứ 6

Lý Hòa, Lý Nhã thủ ký

Người viết tờ mượn nhà Hưng Trai ký tên

Qua hai văn bản này chúng ta có thể phần nào hiểu được quy định chặt chẽ về việc xây dựng, sửa chữa nhà cửa, thuê mượn nói theo ngôn ngữ

Hiện nay, những tài liệu Hán Nôm có nội dung là giấy tờ mua bán, thuê mượn đất đai, nhà cửa qua các thời kỳ đang được lưu trữ tại Trung Tâm và trong nhân dân khá phổ biến, đáng tiếc là chúng tôi chưa có điều kiện để thống kê số tư liệu này. Tuy nhiên, qua số tư liệu này chúng ta cũng có thể thấy sự biến động về việc thay tên, đổi chủ ở các ngôi nhà trong khu phố cổ qua các thời kỳ diễn ra liên tục và không ổn định và hệ quả của nó là sự biến động dân số trong khu phố cổ một cách cơ học, điều mà hiện nay cũng đang diễn ra vốn là một tất yếu♥

* Chú thích:

1. Nguồn tư liệu tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An
2. Bản dịch Nguyễn Bội Liên

Đài kỷ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam hợp với miếu Khổng Tử tạo thành một khu công trình văn hóa có quy mô kiến trúc độc đáo ở Hội An. Công trình do Tỉnh Hội cô học tinh hoa Quảng Nam khởi xướng và quyên góp xây dựng vào năm 1961 - 1962, khi đó Hội An đang là tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam.

Đài được xây dựng trên một khuôn viên đất rộng (50m x 40m) có tường bao bọc xung quanh, xoay về hướng Bắc, đối diện với tòa miếu Khổng Tử qua trục đường Trần Hưng Đạo. Lối vào duy nhất là đại môn (cửa lớn) ở mặt tiền, được tạo bởi hai trụ, trên có gắn lồng đèn hình tháp. Đèn thấp sáng con đường, soi vào lòng người đến hành hương lễ bái. Bước khỏi đại môn, là hai trụ biểu sừng sững cao 5,6m đứng ở hai phía trước đài, mang ý nghĩa là trục vũ trụ nối giữa trời và đất. Trên trụ, mỗi bên có con lân ngồi chễm chệ, tượng trưng cho sức mạnh của vũ trụ, cho trí tuệ và sự trong sáng. Trên thân hai trụ nổi bật lên bốn vế câu đối, hai vế đối đáp chữ quốc ngữ:

Dạ sắt lòng son oai võ, chi sòn cơn sấm sét,

Thẻ vàng bia đá, anh hùng còn mãi tiếng non sông.

và vế đối chữ Hán, nguyên văn:

爲世植綱常一片丹
心懸日月,

ĐÀI KỶ NIỆM DANH NHÂN CHÍ SĨ QUẢNG NAM

Nguyễn Chí Trung

與天爭運命千秋大節
共山河。

Phiên âm: *Vị thế thực cương thường, nhất phiến đơn tâm huyền nhật nguyệt; Dữ thiên tranh vận mạng thiên thu đại tiết cộng sơn hà.*

Tạm dịch: *Vì nước giữ cương thường, một tấm lòng son, đôi vàng nhật nguyệt; Với trời tranh vận mạng, nghìn thu tiết lớn, muôn thuở non sông.*

Tiếp đến là một hồ sen rộng, có lan can bốn phía, bốn bề có lối đi xây bậc cấp xuống để lấy nước tưới hoa quanh đài và hái sen vào mùa hạ. Hồ là nơi tụ nước bốn phương, còn mang ý nghĩa tụ phúc, sen tượng trưng cho sự tinh khiết, trong sạch. Một cây cầu vắt ngang qua hồ, nối đường vào đến với đài ở chính giữa hồ sen. Đầu cầu có hai cánh cửa sắt, tạo hình đôi chim phượng cách điệu mặt trời, những đám mây, tượng trưng của đất trời, khoảng không của vũ trụ, ứng phần dưới là hai quẻ Càn - Khôn (dương - âm) trong bát quái. Đôi chim phượng sải cánh giữa bầu trời, biểu trưng cho sự quần tụ hào khí văn nhân. Với ý nghĩa này, khi hai cánh cửa nhỏ ở trước đài khép lại muốn nói lên những gì ở bên trong cửa đã trở về với đất

trời theo quan niệm “sinh ký, tử quy” (sống gửi, thác về). Cũng có nghĩa là chết thì hình hài xuống đất, mai một, còn cái linh khí, tinh anh thì trở về nơi sáng rõ trong trời đất vậy. Đài xây trên các trụ theo hình kim tự tháp, dưới chân đế rộng, có nhiều bậc cấp xung quanh để bước lên, đồng thời cũng tạo cho chân đài vững chãi, kiên cố, rồi nhỏ dần lên trên cao. Toàn bộ đài đặt trên trọng trên bệ bốn chân quỳ, bệ đỡ chân quỳ là khối hình chữ nhật lớn, bốn mặt nổi lên những bức phù điêu về cảnh quan tài nguyên thiên nhiên của Quảng Nam đó là: Ngũ Hành Sơn, Hải Vân quan, mỏ than Nông Sơn, đảo chim yến Cù Lao Chàm. Cảnh quan thiên nhiên này tượng trưng cho địa linh. Từ nơi địa linh sinh hào khí, chí khí con người, bay vút lên đài cao, tượng trưng cho nhân kiệt. Cái triết lý địa linh - nhân kiệt được gắn bó thể hiện một cách logic, thâm sâu là đó. Trên cùng của bậc cấp, nơi bốn góc bệ đài có tượng khối hình bốn con rồng, mỗi con một góc, uốn lượn từ chân đài, trườn theo bậc cấp vươn cao đầu lên phía trước,

với tư thế có thể kiểm soát được cả bốn phương, tám hướng của đất trời. Với bốn con rồng, con vật linh bậc nhất trong hàng tứ linh, sừng sững, uy nghiêm dưới chân đài thì cái chất, khí của địa linh - nhân kiệt càng được vững chãi, lưu danh, sáng chói muôn đời. Trên chót vót đài cao có mái lợp ngói ống, gồm hai tầng, tượng trưng cho lưỡng nghi (âm - dương), mỗi tầng bốn mái, tượng trưng cho tứ tượng (thái dương, thái âm và thiếu dương, thiếu âm). Xoay quanh cái triết lý âm dương, tất cả muốn toát lên ý nghĩa logic, sự hài hòa của địa linh - nhân kiệt, trong nhân cách con người. Mặt trước đài, một hàng chữ Hán khắc trên đá (cẩm thạch): 廣南名人志士紀念臺 (Quảng Nam danh nhân chí sĩ kỷ niệm đài - Đài kỷ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam). Mặt bên tả và bên hữu của đài từ trên cao xuống ta đọc được hai vế đối:

Nguyên văn Hán tự:

祖國有靈出這般志士
英雄相與引乎先翊乎後,

前民已遠
睹今日崇臺
豐偈猶能論其
世思其人.

Phiên âm:

Tổ quốc hữu linh xuất
giá ban chí sĩ
anh hùng tương
dữ dẫn hồ tiên



dực hồ hậu,

Tiền dân dĩ viễn đô kim nhật
sùng đài phong kệ do năng luận kỳ
thể tư kỳ nhân.

Tạm dịch:

*Nước đã linh thiêng, sinh biết
bao chí sĩ anh hùng, sau trước đất diu
nhau tiến tới,*

*Người xưa tuy cách, nay nhìn
thấy đài cao, chữ đá thảng ngày ghi
nhớ mãi không quên.*

Dừng lại bên đài kỷ niệm cao vút,
vững chãi, tượng trưng cho trời
(*duong*), soi bóng xuống mặt hồ sen,
hồ hình vuông, tượng trưng cho đất
(*âm*), thể hiện sự hòa hợp của đất trời,
địa linh - nhân kiệt. Bốn bề thoáng
thoảng hương sen, lòng người nhẹ
lâng, cơ hồ thoát tục, khi tâm trí ta
hiểu được ý nghĩa sâu sắc của công
trình, người muôn đời không thể
không tự hào về mảnh đất địa linh của
quê hương xứ Quảng và thành kính
tưởng nhớ những nhân kiệt, các danh
nhân chí sĩ Phan Châu Trinh, Huỳnh
Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn
Duy Hiệu, Thái Phiên, Hoàng Diệu,
Trần Cao Vân, Châu Thượng Văn...
của Đất Quảng - Việt Nam♥



ĐÌNH ĐẠI CÀN TÂN HIỆP

Nguyễn Thị Thanh Lương

Đình làng là một thiết chế văn
hóa của làng xã được xây dựng để vừa
làm nơi hội họp, đón tiếp thượng cấp,
đồng thời cũng là nơi diễn ra những
hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của cư
dân địa phương. Đồng thời, đình làng
còn là nơi thờ các bậc tiền hiền, hậu
hiền là những người có công với làng
xã trong việc khai cơ lập ấp, xây dựng
và phát triển làng xã đó. Bên cạnh đó
còn thờ các vị thần được triều đình ban
sắc phong thờ tự, tế theo điển lễ quốc
gia do nhà nước phong kiến quy định
như Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị
thánh nường, thần Bạch Mã Thái
Giám, thần Thiên Y A Na, Thành
Hoàng Bồn xứ, Ngũ Hành Tiên
Nương,... Ở Hội An, hầu hết các làng
xã đều xây dựng thiết chế này để phục
vụ nhu cầu nói trên. Đặc biệt tại xứ Cù
Lao cách trở biên khơi lại có đến hai
ngôi đình với quy mô đồ sộ, đó là đình
Tiền hiền (*còn gọi là lăng Tiền hiền*)
và đình Đại Càn. Theo các tài liệu còn
lại cho biết xã Tân Hiệp xưa là xứ Cù
Lao, phường Tân Hiệp trực thuộc tổng
Thanh Châu, huyện Hòa Vang. Cư dân
định cư trên đảo chủ yếu làm nghề
đánh cá mưu sinh, bên cạnh việc làm
ăn sinh sống người ta đã tạo dựng
nhiều công trình tín ngưỡng trên mảnh
đất Cù Lao xứ, trong đó có đình Đại
Càn. Đình có vị trí tọa lạc giữa khu
dân cư thuộc thôn Bãi Làng, xã Tân
Hiệp. Hiện nay đình đã bị sụp đổ hoàn
toàn, chỉ còn lại một bức bình phong

theo dạng cuốn thư, một trụ biểu vuông, một tấm bia đá trang trí rồng mây mang phong cách hậu Lê đã bị mưa gió bào mòn, còn sót lại chưa đầy 20 chữ. Theo những chữ còn sót lại trên văn bia cho biết đình được xây dựng vào thời Lê Cảnh Hưng năm thứ 22 (1761) với quy mô to rộng nhưng do bão táp, chiến tranh đình đã bị phá hủy gần như hoàn toàn, chỉ còn lại bình phong, trụ biểu và bia đá.

Theo hồi cổ của các cụ cao tuổi trong làng và qua những dấu vết còn hiện hữu cho ta thấy, trước đây, đình có quy mô rất lớn và có thể nói đây là ngôi đình lớn nhất trên đảo Cù Lao Chàm (trừ di tích Phật giáo Chùa Hải Tạng).

Nhiều người dân trên đảo vẫn còn nhớ rõ rằng ngôi đình có quy mô rất lớn, được xây dựng theo kiểu 3 gian 2 hè (3 gian 2 chái), có tiền đường, hậu tẩm. Toàn bộ hệ khung chịu lực được làm bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Trong đình có bố trí các gian thờ lớn để thờ Đại càn Quốc gia Nam hải tứ vị và những vị thần Tả ban, Hữu ban.

Nói về lý do xây dựng ngôi đình, nhiều vị cao niên kể rằng, từ xưa ông bà đã truyền lại là cùng giống như thần Nam hải Ngọc lân, Đại Càn tứ vị thánh nương là những vị thần rất linh hiển,

các vị thường hay hiển linh cứu giúp những tàu thuyền bị nạn trên biển, có công bảo vệ sự bình an cho nhân dân nên được nhà vua phong là Thượng đẳng thần, do đó mà trong các văn tế của làng thường xưng tán là Hàm hoàng Quang Đại Phổ bác Hiển hóa Trang huy Dực bảo Trung hưng Đại Càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương thượng đẳng thần. Ngoài ra, các vị cao niên còn cho biết thêm vào



khoảng thời vua Thiệu Trị ở Tân Hiệp gặp một trận bão lớn làm hư hại rất nhiều công trình trong đó có chùa Hải Tạng và đình Đại Càn. Chùa Hải Tạng bị sụp nên phải dời về vị trí hiện nay, đình Đại Càn cũng bị hư hỏng nặng và do đình có quy mô quá lớn, nhân dân không đủ khả năng trùng tu nên dần bị đổ nát, vì thế chỉ còn sót lại một ít dấu vết như hiện nay, trong đó giá trị nhất là tấm bia đá và bức bình phong. Bia được làm bằng sa thạch, kích thước lớn, trán bia trang trí đề tài lưỡng long tranh châu, diềm bia trang trí quỳ long, văn khắc đã bị mòn hơn 90%, chỉ còn

đọc được mấy chữ : “Cù Lao xứ ... nguy nga ... tán viết ... Cảnh Hưng nhị thập nhị niên...”. Cách móng nền hậu tẩm 17m hiện còn bức bình phong kiểu cuốn thư với kích thước khá lớn dài 3,1m; rộng 0,46m, cao 2m. Mặt trước đắp hình long mã phụ hà đồ bằng mảnh sứ rất uy nguy sống động, mặt sau đắp chữ thọ theo lối triện thư, hiện nay bình phong đang là tường che nhà bếp của nhà dân.

Tuy hiện tại ngôi đình không còn tồn tại nguyên vẹn nhưng thông qua những gì còn lại phần nào đã giúp chúng hình dung về quy mô trước đây của di tích, đồng thời còn góp phần cho việc nghiên cứu đánh dấu sự có mặt, định cư sinh sống và tập tục tín ngưỡng của cư dân Cù Lao xứ vào thời kỳ trước đây cũng như hiện nay. Đặc biệt là bức bình phong của ngôi đình có thể nói là bức bình phong lớn nhất, đẹp nhất trong các di tích tôn giáo tín ngưỡng ở Cù Lao Chàm.

Để bảo tồn di tích quý giá này, vào năm 1997 Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An) đã tiến hành khảo sát, đánh giá về giá trị cũng như lập phiếu khảo sát bước đầu, lập hồ sơ cho di tích. Đến tháng 6 năm 2003, Trung tâm đề xuất UBND Thành phố và được thống nhất tiến hành xây dựng nhà bia để bảo quản bia đá, giữ lại phế tích của ngôi đình. Hiện nay, Trung tâm đang tiếp tục đo vẽ, khoanh vùng bảo vệ, đề xuất giải tỏa và từng bước hoàn thành hồ sơ khoa học cho di tích để có cơ sở xếp hạng di tích sau này♥

NGHỀ CHẾ BIẾN SỢI CAO LẦU Ở HỘI AN

Trần Thị Lệ Xuân

Với xu thế ngày càng phát triển, đặc biệt gần đây du lịch là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều địa phương trên cả nước, trong đó có Hội An. Từ đó một số món ăn dân dã, đặc trưng riêng có của từng nơi, từng miền đã trở thành đặc sản của vùng đất đó.

Trong những năm gần đây, Hội An là một trong những điểm đến của nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Du khách khi đến Hội An lại tò mò muốn thưởng thức những đặc sản Phố Hội, vì thế, một trong những đặc sản của Hội An đã không còn xa lạ với du khách, đó là món cao lầu.

Thế nhưng, đa số người thưởng thức món ăn này lại ít biết để làm ra được một món ăn đặc trưng như vậy phải qua nhiều công đoạn phức tạp, vất vả. Đặc biệt là công đoạn làm ra sợi



cao lầu, công đoạn này đòi hỏi phải tốn nhiều công sức, nhân lực, mỗi hộ sản xuất phải cần từ 5 đến 6 người làm, bên cạnh đó kỹ năng và kinh nghiệm nghề nghiệp cũng quyết định công đoạn này. Vì thế, theo thống kê sơ bộ, hiện nay trên địa bàn thành phố Hội An chỉ có 03 hộ đang sản xuất sợi cao lầu. Ước tính trung bình mỗi ngày 03 hộ sản xuất sợi cao lầu ở Hội An sản xuất khoảng gần 300kg sợi cao lầu, cung cấp cho địa bàn Hội An và Đà Nẵng.

Theo ý kiến của những chủ hộ sản xuất, nguyên liệu chính để làm sợi cao lầu là gạo và tro củi. Gạo chủ yếu dùng gạo loại một. Tro, dùng tro củi dương liễu, rau dền, mè hoặc củi núi, có khi hoà chung với nhau.

Quy trình làm sợi cao lầu trải qua nhiều khâu. Trước tiên là ngâm gạo xong đem xay thành bột, thường xay bột vào buổi trưa để đến khuya lóng

lấy nước đục còn nước trong ở trên thì bỏ, nếu bột đặc quá thì cho thêm nước lạnh, bỏ vào thau lớn, bắt lên bếp khuấy đều, gọi là giáo bột, khi bột gần đặc thì hoà tro với nước, lóng lấy nước trong ở trên đổ vào khuấy đều cho đến khi bột đặc thì dích ra vỉ tre để hấp hơi, xếp thành nhiều vỉ để vào nồi hấp khoảng 1 tiếng đồng hồ, đem ra bỏ vào máy đánh cho nhuyễn, xong đem ra

cán bằng rồi xắt thành sợi, sau cùng là đem vào hấp khoảng 1 tiếng đồng hồ nữa là chín. Trung bình nếu làm 50kg gạo thì cho ra khoảng 70 đến 80kg sợi cao lầu.

Cũng theo các hộ sản xuất cao lầu, so với trước đây thì hiện nay nhu cầu tiêu thụ sợi cao lầu nhiều hơn trước. Nhưng số hộ sản xuất sợi cao lầu thì hạn chế hơn, vì nghề này rất vất vả nên đối với một số hộ làm trước đây không có người kế nghiệp. Hơn nữa, đây là nghề rất phức tạp trong quy trình chế biến, vì thế tính gia truyền, bí quyết nghề nghiệp ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển rộng rãi của nghề. Mặc dù số hộ sản xuất ít hơn nhưng sản phẩm thì nhiều hơn trước là do hiện nay với sự phát triển của công nghệ máy móc nên

đáp ứng được nhu cầu.

Nhìn chung, với nhu cầu của sự phát triển du lịch nên hiện nay một số nghề thuộc nhóm nghề chế biến món ăn

mà chủ yếu là những món đặc sản của Hội An có sự hồi sinh, khởi sắc hơn so với trước, bởi lẽ đây là những sản phẩm du lịch thiết yếu cho sự phát triển du lịch bền vững nên nhóm nghề này được quan tâm bảo tồn và hơn nữa đây là nghề tạo nguồn thu nhập ổn định cho người tham gia thực hành nghề.





NGHỀ CÀO HÉN Ở CẨM NAM

Nguyễn Cường

Tuy nhiên, một thực tế cho thấy, do nhiều nguyên nhân, sự kế thừa ngày càng yếu dần, lực lượng thợ trẻ không mặn mà với nghề cũ của cha ông để lại. Bởi lẽ, đây là nhóm nghề thủ công truyền thống, để quyết định sự phát triển của nghề là sự tiếp nối, kế thừa kỹ năng, kinh nghiệm giữa các thế hệ thợ, nghệ nhân, đồng thời cần nhiều sức lao động nên ít thu hút lớp trẻ tham gia nổi nghiệp.

Vì thế, để khôi phục, phát huy một số nghề thủ công truyền thống của Hội An nói chung, nhóm nghề chế biến món ăn truyền thống nói riêng, đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp về đào tạo, về tăng mức thu nhập của những người làm nghề. Cần có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thế trẻ quan tâm hơn đến nghề truyền thống của địa phương. Tuyên truyền, vận động để những cá nhân liên quan gìn giữ những kinh nghiệm, kỹ thuật, phương tiện, vật liệu truyền thống nhằm đảm bảo tính nguyên gốc và quy trình thực hành, chất lượng sản phẩm của nghề. Đề nghị các cấp chính quyền có chính sách quan tâm đầu tư mở rộng quảng bá di sản văn hóa nghề và sản phẩm nghề kết hợp với phát triển du lịch và tiêu thụ sản phẩm♥

Địa hình Cẩm Nam là một bãi đất bồi, xung quanh được bao bọc bởi hạ lưu sông Thu Bồn. Địa danh *Cồn giữa xứ* gắn với Cẩm Nam là để chỉ cho đặc điểm địa hình của vùng đất nằm giữa dòng sông này.

Đến Cẩm Nam, người dân Hội An và nhiều du khách sẽ biết đến một nghề truyền thống riêng có của Cẩm Nam so với các địa phương khác ở Hội An, đó là nghề cào hén. Là một nghề dân dã nhưng nhờ đó mà ẩm thực Hội An càng trở nên phong phú hơn bởi có thêm những món ăn được chế biến từ hén. Nghề cào hén đã được hình thành lâu đời trong quá trình lao động sản xuất của người dân Cẩm Nam qua nhiều thế hệ và vẫn còn được duy trì trong đời sống cộng đồng hiện nay.

Đến nay, qua khảo cứu, chúng tôi vẫn chưa tìm thấy tư liệu nào xác định thời điểm xuất hiện của nghề cào hén ở Cẩm Nam. Những người làm nghề hiện nay cho rằng nghề này đã có từ lâu đời nhưng không biết được thời điểm xuất hiện cũng như ông tổ/tộc họ nào khai sinh ra nghề này. Ông Trần Trung Tấn ở khối Hà Trung năm nay đã 85 tuổi, mặc dù ông đã không còn làm nghề này cách đây khoảng 20 năm nhưng ông cũng đã có thâm niên hơn 50 năm làm nghề. Ông cho biết, gia đình ông đã có 4 đời làm nghề này. Những người có thâm niên trong nghề

ít nhất 30 năm như các ông: Lê Viết Cho (hiện ở Thanh Hà, từng sống ở thôn Nam Ngạn - phường Cẩm Nam trước đây), Huỳnh Viết Quồn (khối Châu Trung), Nguyễn Đê (khối Thanh Nam Tây), Huỳnh Hi (khối Hà Trung), Huỳnh Viết Kén (khối Châu Trung), Đặng Văn Tám (khối Xuyên Trung),... cũng cho biết gia đình họ có 3 đời gắn bó với nghề. Nếu tính mỗi đời có khoảng 30 năm làm nghề tiếp nối nhau thì nghề này muộn nhất đã có từ đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, do đặc thù của nghề là tính chất tự phát, quy mô gia đình và hình thức truyền dạy theo kiểu cha truyền con nối nên có lẽ thời gian xuất hiện sẽ còn sớm hơn và không thể tách khỏi quá trình tự cư lập nghiệp của cư dân Cẩm Nam trong các giai đoạn lịch sử lâu dài trước đó.

Gia phả tộc Huỳnh ở Cẩm Nam hiện nay cho biết: “dòng dõi Huỳnh môn ở tại quận Giang hạ, sinh từ đất Bắc vào đến làng này. Thời kỳ Nam tiến Bình Chiêm – triều Lê Hồng Đức, hạ thành Đồ Bàn bắt sống Trà Toàn, tổ tiên chúng ta theo phong trào ấy vào Nam di dân lập nghiệp, đến nơi đây cùng liệt quý vị tôn hiển các tộc phái. Xung là Đông phái tộc, khai lập xã hiệu lấy tên là làng Cẩm Phô. Long phi Giáp Dần niên”⁽¹⁾. Gia phả tộc Trần Trung cũng có đoạn viết: “Đầu tiên lấy hiệu là

Hoa Phô, sau đó chính thức lấy hiệu Cẩm Phô - về mặt hành chính xã quá rộng nên phải chia nhiều ấp để dễ bề kiểm soát và lấy chữ Trung làm chuẩn đề cho các ấp. Phía Đông gồm: Châu Trung, Xuyên Trung, Hà Trung, Trung Giang. Phía Bắc có Tu Lễ, Xuân Lâm, Trường Lệ. Phía Tây là ấp Chương Phô”⁽²⁾. Ngoài ra, trên tấm bia mộ tổ tộc Lê có đoạn: “...cụ từ miền Bắc vào (không rõ tỉnh) cùng thời các cụ trong tộc họ: Huỳnh, Trần, Nguyễn đến khai phá Thuận, Quảng. Các cụ khai khẩn mấy trăm mẫu đất ruộng, phía Đông, Tây có sông bao bọc trở thành một làng tuyệt đẹp”⁽³⁾. Như vậy, qua các nguồn sử liệu gia phả, văn bia nêu trên phần nào minh chứng cho quá trình lập làng ở Cẩm Phô (Cẩm Nam là một phần của địa giới Cẩm Phô lúc bấy giờ) đã diễn ra từ cuối thế kỷ XV mà các tộc Trần, Huỳnh, Lê, Nguyễn được xem là các tộc tiền hiền có công rất lớn trong quá trình này. Thời gian sau đó, các tộc Phạm Công, Đỗ Văn, Phạm Văn, ... tiếp nối định cư ở Cẩm Nam cho đến ngày nay tạo nên cộng đồng



dân cư đông đúc.

Đến vùng đất mới, những cư dân người Việt ở đây vẫn lấy nông nghiệp - một nghề cổ truyền làm căn bản trong hoạt động kinh tế của mình. Dần dần, do được cư ngụ trên địa bàn có điều kiện sông ngòi, họ đã khai thác nguồn lợi thủy sản phong phú dưới sông phục vụ cho bữa ăn hàng ngày, trong đó có hến. Nước sông Cẩm Nam do có sự giao thoa giữa hai nguồn nước ngọt từ thượng nguồn sông Thu Bồn đổ về với nước mặn ở Cửa Đại tạo nên diện tích mặt nước rộng lớn. Đây là môi trường lý tưởng để hến sinh sôi phát triển. Người ta thường quen gọi nơi đây bằng cái tên *cồn hến* để chỉ cho ý nghĩa này. Dần dần quy mô khai thác lớn hơn, sản phẩm làm ra theo đó cũng nhiều hơn. Họ bắt đầu ý thức được việc cần phải chế biến rồi đem đi bán/trao đổi rộng rãi nhằm tăng thêm thu nhập, có điều kiện giải quyết các nhu cầu của cuộc sống. Lợi ích mang lại từ hến ngày càng thấy rõ trong khi đầu tư cho nghề không lớn nên người tham gia ngày một đông.

Theo hồi cố của nhiều vị cao niên, thời điểm trước năm 1975, ở Cẩm Nam có hơn 70 gia đình ở các thôn: Trung Tín, Nam Ngạn, Xuyên Trung, Châu Trung, Hà Trung làm nghề (*mỗi gia đình có ít nhất 3-4 người tham gia nên số lượng người làm nghề là khá đông*), nhiều gia đình lấy đó làm nghề mưu sinh chính của mình⁽⁴⁾. Từ sau năm 1975, số lượng gia đình làm nghề tuy có giảm nhưng vẫn còn tương đối lớn rải khắp các địa phương này. Năm 1989, số người trong độ tuổi lao động của *nghề nông và cào hến chiếm 30%*⁽⁵⁾ tổng số người lao động ở Cẩm Nam.

Khoảng từ đầu những năm 1990, khi các thôn Trung Tín, Nam Ngạn bị sạt lở, dân cư di dời đến sinh sống ở các địa phương khác, trước đó ở thôn Xuyên Trung, nhiều gia đình đi theo phong trào kinh tế mới, một số thôn khác cũng có gia đình bỏ nghề do quá cơ cực làm cho số lượng người làm nghề giảm đi đáng kể. Năm 1997, chiếc cầu bê tông bắc qua Cẩm Nam được xây dựng mở ra hướng phát triển kinh tế mới cho người dân Cẩm Nam nói chung, trong đó có nghề làm hến. Đặc biệt sau năm 1999, thời điểm du lịch có xu hướng phát triển khi đô thị cổ Hội An được tổ chức UNESCO công nhận là di sản Văn hóa Thế giới, khách du lịch có nhu cầu thưởng thức món ăn từ hến Cẩm Nam càng nhiều, cùng với đó, hàng chục hàng quán mọc lên kinh doanh món ăn từ hến đã níu kéo nhiều gia đình tiếp tục bám nghề. Hiện nay, các khối Thanh Nam Tây, Thanh Nam Đông, Châu Trung, Hà Trung (*năm 2008 Cẩm Nam chuyển từ đơn vị hành chính xã sang phường*) còn tổng cộng 31 gia đình làm nghề, trong đó nhiều nhất là ở khối Hà Trung.

Cùng với sự biến đổi của thời gian, nghề cào hến ở Cẩm Nam trong quá trình tồn tại đã có nhiều thay đổi so với trước đây, thể hiện chủ yếu ở các mặt:

- Công cụ cào hến: Trước năm 1975, người làm hến đã *phát minh* ra chiếc cào bộ bằng tre để cào hến. Đây là một trong số các công cụ tiêu biểu của nghề đánh bắt sông nước ở Hội An. Kết hợp với công cụ này là chiếc ghe mê, một loại ghe nhỏ, gọn được đan bằng tre, có chiều dài khoảng từ 5-



theo con nước trong ngày. Việc thay đổi hình thức cào hiện nay giúp cho người dân có thể hành nghề quanh năm, chỉ trừ những ngày mưa bão, lũ lụt. Thời gian khai thác hàng ngày cũng không còn phụ thuộc nhiều vào con nước.

Theo ý kiến của nhiều người dân làm nghề, mặc dù không

6m, rộng khoảng 1m. Từ sau năm 1975, người cào hến sử dụng thêm cái nạo cùng với ghe sắn làm bằng gỗ để cào hến (*ban đầu là ghe bơi, sau chuyển sang ghe máy*). Bên cạnh hình thức cào bộ thì cào hến trên ghe máy với chiếc nạo là hình thức hành nghề chủ yếu của người dân trong những năm gần đây.

- Về địa bàn khai thác: Trước đây, sông Thu Bồn ở khu vực Hội An (*Cẩm Thanh, Cẩm Nam, Cẩm Hà*) đến đoạn ở Cầu Lâu (*Điện Bàn*) do có nhiều bãi cạn, hến sinh nhiều nên đây là địa bàn khai thác chủ yếu của người làm nghề. Hiện nay, do nguồn nước bị ô nhiễm hơn trước, địa hình bãi bồi có nhiều thay đổi làm cho hến ở các địa bàn này ít đi. Do đó bên cạnh địa bàn khai thác truyền thống, người làm nghề còn phải đi xa hơn, thậm chí đến các vùng sông Trường Giang (*chợ Bà...*) khai thác.

- Về mùa vụ và thời điểm khai thác: Dựa vào kinh nghiệm hành nghề, người cào hến trước đây thường khai thác từ tháng Giêng đến tháng 8 âm lịch. Thời điểm khai thác cũng tùy

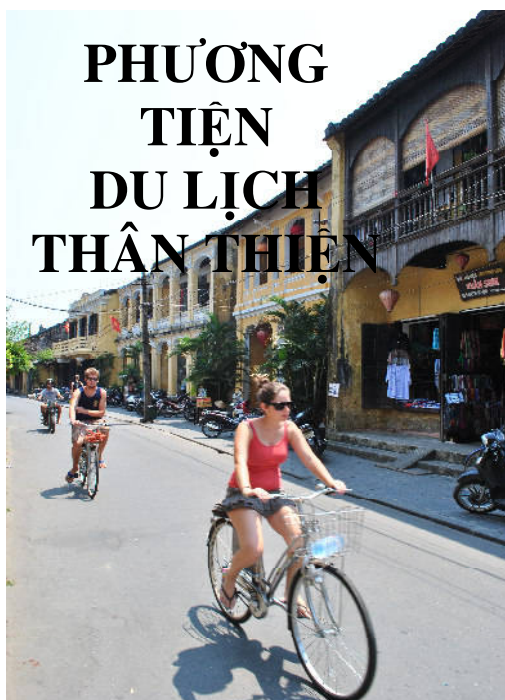
còn dồi dào như trước nhưng lượng hến hiện nay vẫn có thể đảm bảo khai thác thường xuyên. Cùng với sự phát triển của du lịch, nghề cào hến ở Cẩm Nam đang có được những điều kiện thuận lợi để duy trì, phát triển. Dẫu còn nhiều khó khăn, những người làm nghề địa phương vẫn luôn cố gắng bám nghề bởi đó không chỉ là nghề để mưu sinh mà còn là sự tâm huyết, là trách nhiệm của người hậu sinh đối với nghề cổ truyền của cha ông bao đời để lại♥

* Chú thích:

^{(1), (2)} Nguyễn Chí Trung, *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, 2005, trang 60, 61, 62.

^{(3) (5)} BCH Đảng bộ xã Cẩm Nam, *Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Cẩm Nam (1945 - 1975)*, lưu hành nội bộ, 1992, trang 8, 10.

⁽⁴⁾ *Thẻ học sinh* của một học sinh ở làng Thanh Nam - Cẩm Nam học trường Trần Quý Cáp - Hội An, thẻ cấp ngày 03/7/1968 trong đó có ghi nghề nghiệp của phụ huynh học sinh này là *làm hến*.



PHƯƠNG TIỆN DU LỊCH THÂN THIỆN

Lê Thị Ngọc Hương

Hội An từ lâu đã được biết đến là một thương cảng quốc tế nổi tiếng vào khoảng thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Ngày nay, Hội An một lần nữa được biết đến là một Di sản văn hóa của nhân loại. Cũng từ đây, thành phố Hội An có một sự chuyển mình lớn và tất nhiên loại hình Dịch vụ - Du lịch bắt đầu phát triển và trở thành ngành mũi nhọn của Thành phố. Vừa bảo tồn, gìn giữ di sản, vừa phát huy làm sao có hiệu quả trong hoạt động du lịch luôn là mối quan tâm hàng đầu không chỉ của các nhà quản lý mà còn cả người dân thành phố. Trong vài năm trở lại đây, nhiều loại hình du lịch đã và đang phát triển không chỉ trong phạm vi khu phố cổ mà hiện nay các công ty lữ hành, các trung tâm phát triển du lịch... còn nhân rộng du lịch hướng theo loại hình du lịch sinh thái. Loại

hình du lịch này mang lại hiệu quả kinh tế cao trong việc phát huy tiềm năng du lịch các địa phương khác trong thành phố tạo sự đồng đều trong du lịch, đồng thời tạo cho du khách khi đến với Hội An có nhiều trải nghiệm mới. Cũng chính từ đây nhiều loại hình du lịch phát triển đa dạng du khách có nhiều sự lựa chọn cho riêng mình như du lịch tham quan phố cổ, du lịch sông nước, du lịch biển đảo, thăm các làng quê, làng nghề truyền thống,... Có thể thấy rằng Hội An là điểm đến lý tưởng và hấp dẫn cho nhiều du khách trong và ngoài nước. Một loại hình du lịch đang mang lại hiệu quả và có tác động tích cực đó là loại hình du lịch bằng phương tiện xe đạp. Hiệu quả bởi nếu xét về mặt quy mô, thành phố Hội An có bán kính di chuyển theo các hướng không quá 10km, đặc biệt từ đường ven biển đến trung tâm phố cổ nổi bãi tắm An bàng, Cửa Đại tạo thành hình tam giác, mỗi cạnh cũng chỉ hơn 5km, bên cạnh đó Khu phố cổ Hội An đã và đang thực hiện chương trình “*Khu phố không tiếng động cơ*” vào các ngày trong tuần nên phương tiện xe đạp là phương tiện lý tưởng cho việc di chuyển. Nắm bắt được các điều kiện, nhu cầu của khách du lịch, các công ty du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, các tour du lịch đã đầu tư và đẩy mạnh du lịch bằng xe đạp vừa tiện lợi, lại vừa góp phần bảo vệ môi trường giảm thiểu khí thải từ các phương tiện có động cơ. Tham quan bằng phương tiện xe đạp du khách có thể rong rui ngược xuôi trải nghiệm một phố cổ bên bờ sông Bạch Đằng hay một Cẩm Thanh làng quê sinh thái đặc thù, một Trà Quế với làng rau mang thương hiệu địa phương nổi

tiếng hay với một làng gốm Thanh Hà, làng mộc Kim Bồng và thú vị hơn khi được tắm mình trong làng nước trong xanh, mát lạnh của bãi biển Cửa Đại, An Bàng,... càng làm cho chuyến tham quan thêm nhiều ý nghĩa, ghi dấu những kỷ niệm đẹp về một Hội An hiền hòa, mến khách.

Với mục tiêu hướng đến một thành phố xanh - sạch - đẹp thì nhiều phong trào, hoạt động đang được tích cực hưởng ứng như hạn chế sử dụng túi nilông, đi xe đạp đến nơi làm việc hoặc liên hệ các công việc với các cơ quan khác trong bán kính gần. Đồng thời, với mong muốn của không chỉ các cơ quan ban ngành đoàn thể mà ngay cả trong nhân dân chúng ta luôn hướng đến một thành phố Hội An Sinh thái - Văn hóa - Du lịch nên việc sử dụng phương tiện bằng xe đạp là một lựa chọn tối ưu nhất mang lại nhiều động thái tích cực cho thiên nhiên, con người. Được biết, trong vài năm trở lại đây thành phố Hội An được xem là một trong những thành phố đầu tiên tại Việt Nam hưởng ứng tích cực chương trình “ngày không khói xe” và trở thành thành viên chính thức đầu tiên tại Việt Nam của Chương trình Tuần lễ giao thông Châu Âu (*European Mobility Week*) do Ủy ban Châu Âu khởi xướng. Đây là một phong trào không những mang tầm ảnh hưởng rất lớn trong nước mà cả ngoài nước, hoạt động này sẽ tác động tích cực, sâu rộng đến du khách khi đến Hội An.

Với loại hình du lịch bằng xe đạp, hi vọng rằng trong thời gian không xa xe đạp sẽ trở thành phương tiện đặc trưng cho du lịch Hội An tạo hiệu quả tích cực cho một môi trường trong

lành, du lịch bền vững,... góp phần trong mục tiêu mà Thành phố đang hướng đến đó là thành phố Sinh Thái - Văn hóa - Du lịch♥

NĂNG LỰC HÀNH NGHỀ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG TU BỒ DI TÍCH

Phạm Việt Tâm

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn việc tu bổ các di tích ở nước ta từ trước đến nay vẫn do các đơn vị xây dựng cơ bản đảm nhiệm. Những người thực hiện công tác tu bổ di tích chỉ là những kỹ sư, kiến trúc sư và công nhân chưa hiểu sâu về bảo tồn, tôn tạo di tích. Có nhiều người do không đủ kiến thức và sự hiểu biết đã làm mất đi giá trị, thậm chí làm mới di tích mà bản thân họ cũng không ý thức được điều đó. Một minh chứng mới đây, đó là những sai phạm trong việc trùng tu nhà Tổ, gác Khánh ở chùa Trăm Gian (xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội)... Nguyên nhân của những sai phạm trên chủ yếu do lực lượng tu bổ chưa đủ khả năng, kinh nghiệm, thậm chí hoàn toàn không có khả năng mà vẫn được giao nhiệm vụ bảo tồn, trùng tu di tích.

Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để hoạt động tu bổ di tích được thực hiện một cách bài bản, khoa học và tuân thủ được các quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Ngày 28/12/2012, Bộ

Văn hóa, thể thao và du lịch ban hành Thông tư số 18/2012/BVHTTDL về việc Quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, thông tư có hiệu lực ngày 01/7/2013, trong đó có quy định rõ về năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tu bổ di tích.

Đối với Hội An trong năm 2013 có khoảng 220 di tích tu bổ (*trong đó 206 di tích tư nhân được cấp phép*), với số lượng di tích tu bổ như vậy nếu chúng ta không quản lý tốt, không có đội ngũ chuyên nghiệp sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình nên một vấn đề đặt ra cần quan tâm đó là năng lực hành nghề trong hoạt động tu bổ di tích. Theo Thông tư điều kiện cần trong hoạt động tu bổ di tích là những tổ chức, cá nhân tham gia công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có chứng nhận hành nghề và chứng chỉ hành nghề.

Chứng nhận hành nghề cấp cho tổ chức có đủ điều kiện năng lực tương ứng với các hoạt động về lập quy

hoạch di tích, lập dự án báo cáo kỹ thuật tu bổ di tích, giám sát tu bổ di tích và thi công tu bổ di tích... Còn chứng chỉ hành nghề được cấp cho các cá nhân tham gia các hoạt động này. Một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ hành nghề là cá nhân đó qua lớp bồi dưỡng kiến thức bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích ... Cục Di sản Văn hóa là cơ quan tham mưu cho Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch cấp chứng chỉ này.

Đến thời điểm 31/10/2013 tại Hội An hầu hết các tổ chức, cá nhân chưa có chứng nhận hành nghề và chứng chỉ hành nghề, xét về mặt chuyên môn rất ít cá nhân có kinh nghiệm trong hoạt động tu bổ di tích nên trong thời tới việc lựa chọn nhà thầu hết sức khó khăn.

Vì vậy, để các tổ chức, cá nhân nắm rõ các quy định, trình tự và thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề, chứng chỉ hành nghề theo Thông tư 18/2012/BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin tổng hợp một số nội dung dưới đây:

1. Điều kiện cá nhân và tổ chức được cấp giấy chứng nhận hành nghề, chứng chỉ hành nghề (từ Điều 5 đến Điều 13 của Thông tư 18):

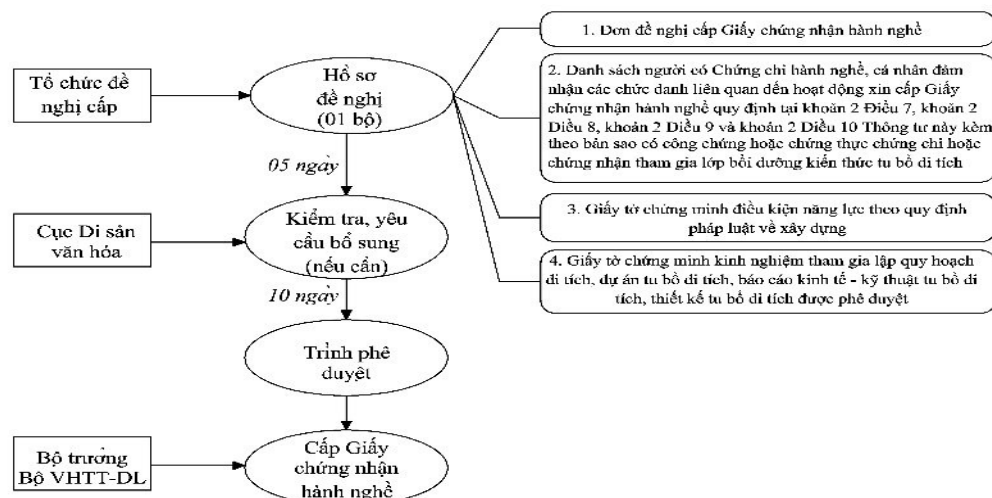


TT	Nội dung cấp	Điều kiện
A Điều kiện năng lực đối với cá nhân		
1	Hành nghề lập quy hoạch di tích	- Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư - Qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích - Đã tham gia tư vấn lập ít nhất 03 quy hoạch di tích hoặc 05 dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt
2	Hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích	- Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc - Qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích - Đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích ít nhất 03 di tích đã được phê duyệt
3	Hành nghề thi công tu bổ di tích	- Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc - Qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích - Đã tham gia thi công ít nhất 03 công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao
4	Hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích	- Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình - Qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích - Đã giám sát thi công ít nhất 03 công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao
B Điều kiện năng lực đối với tổ chức		
1	Hành nghề lập quy hoạch di tích	- Có hoạt động tổ chức thiết kế theo Luật Xây dựng - Có ít nhất 02 người có Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch di tích (<i>trong đó có người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch</i>) - Đã tham gia tư vấn lập ít nhất 01 quy hoạch di tích hoặc ít nhất 02 dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích được phê duyệt

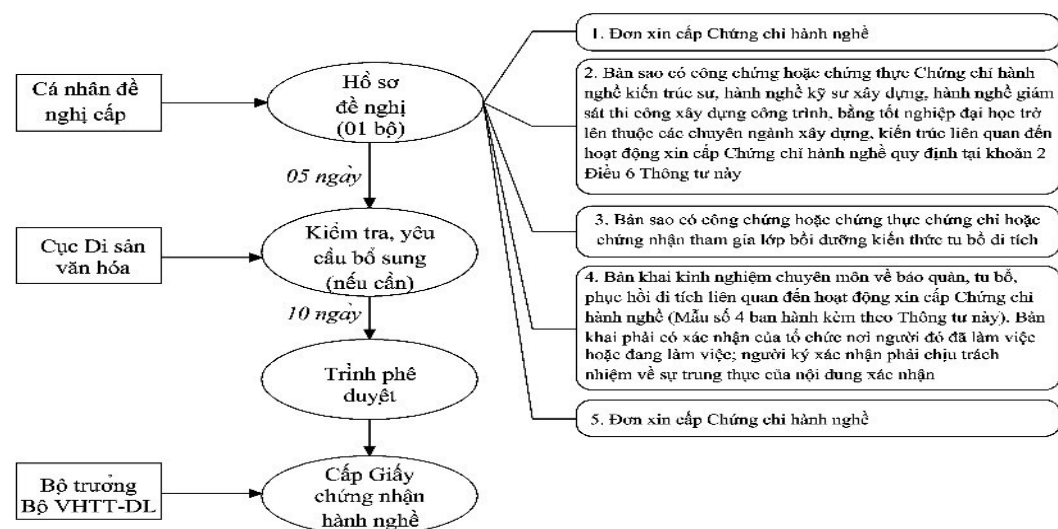
TT	Nội dung cấp	Điều kiện
2	Hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích	- Có hoạt động tổ chức thiết kế theo Luật Xây dựng - Có ít nhất 03 người có Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích - Đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt
3	Hành nghề thi công tu bổ di tích	- Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng khi thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng - Có ít nhất 03 người có Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích theo quy định tại điều 13 Thông tư này - Có đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích
4	Hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích	- Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng - Có ít nhất 02 người có Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích
5	Chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế	- Có đủ điều kiện năng lực của chủ nhiệm lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án theo quy định pháp luật về xây dựng - Có Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích
6	Chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích	- Có đủ điều kiện năng lực của chỉ huy trưởng công trường theo quy định pháp luật về xây dựng; - Có Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

Ghi chú: Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xem trong Thông tư số 12/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề (điều 14).



3. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề (điều 14)



Tóm lại, việc cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực tu bổ di tích chỉ là một khâu đào tạo đội ngũ có tính lâu dài. Hoạt động tu bổ di tích là cả một bài toán lớn cần nhiều giải pháp, thời gian thực hiện. Còn nhiều vấn đề quan trọng như cần tăng cường công tác quản lý tại địa

phương; thường xuyên kiểm tra giám sát để hoạt động tu bổ được thực hiện đúng pháp luật... Thực tế, yêu cầu về chứng chỉ hành nghề mới chỉ là một điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ để hoạt động này có thể đạt chất lượng như mong muốn♥

TIN TRÚC SỰ KIẾN



Tổ chức lớp bồi dưỡng nghề nghiệp tu bổ di tích tại Hội An

Nữ Phương

Được sự thống nhất của UBND Thành phố, để nâng cao nghiệp vụ tu bổ di tích cho các kỹ sư, kiến trúc sư và các nhà quản lý đang hoạt động trong công tác quản lý, tu bổ di tích, vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Viện Bảo tồn Di tích tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trong hai đợt, đợt 1 (02/7/2013 - 09/7/2013), đợt 2 (12/8/2013 - 20/8/2013). Tại khóa học, các học viên đã được tiếp cận, hiểu biết thêm nhiều kiến thức, kinh nghiệm trong công tác tu bổ di tích. Hoàn thành khóa học, các học viên đều được cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ tu bổ di tích. Với những kiến thức được tập huấn, sẽ rất hữu ích cho các học viên trong công tác bảo tồn, tu bổ di tích ở Hội An♥

Khai trương điểm tham quan nhà thờ tộc Nguyễn Tường

Lệ Xuân

Xét thấy di tích nhà thờ tộc Nguyễn Tường là một trong những di tích có giá trị về mặt văn hoá, lịch sử, kiến trúc, vừa qua UBND thành phố Hội An đã có chủ trương thống nhất đưa điểm di tích này vào ô vế tham quan của Thành phố. Vào ngày



12/7/2013, Trung tâm Văn hoá, Thể thao Hội An cùng với gia tộc Nguyễn Tường đã tổ chức khai trương điểm tham quan. Buổi lễ khai trương diễn ra trong không khí hân hoan, trang trọng, với sự tham gia của đông đảo đại biểu khách mời, du khách.

Cùng với giá trị đặc biệt về kiến trúc - nghệ thuật, nhà thờ tộc Nguyễn Tường còn là một di tích gắn với tộc Nguyễn Tường ở Hội An, một gia tộc có nhiều người đỗ đạt Tiến sĩ, Phó bảng và giữ những chức vụ quan trọng trong triều đình nhà Nguyễn. Đặc biệt di tích còn liên quan đến hoạt động của nhóm Tự lực Văn đoàn giai đoạn 1930 - 1945 với các tên tuổi như Thạch Lam, Nhất Linh, Hoàng Đạo. Với việc đưa di tích nhà thờ tộc Nguyễn Tường vào tuyến tham quan góp phần làm phong phú loại hình nhà thờ tộc trong tuyến tham quan, đồng thời phát huy giá trị của khu di sản♥

Bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ di tích đình Xuân Mỹ

Trung Hương

Vào ngày 16/7/2013, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội



An phối hợp cùng với các cơ quan ban ngành trên địa bàn thành phố và đơn vị thi công là Công ty TNHH xây dựng Kim An tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng di tích Đình Xuân Mỹ - Khối Nam Diêu - Phường Thanh Hà. Công trình tu bổ được phê duyệt với tổng kinh phí là 1.752.798.000đ từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa năm 2012. Công trình hoàn thành góp phần duy trì tốt hơn hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng địa phương và phục vụ tốt hơn cho hoạt động tham quan, du lịch tại làng gốm Thanh Hà - Hội An♥

HTV7 thực hiện phóng sự phim về Hội An

Lệ Xuân

Vào ngày 18/7/2013, đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh (HTV7) đã thực hiện phóng sự phim về Hội An. Phóng viên của Đài đã phối hợp với cán bộ của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An thực hiện một số cảnh quay về di tích ở Hội An như di tích nhà thờ tộc Nguyễn Tường - phường Cẩm Phô, di tích đình đá An Bàng - phường Cẩm An. Đây là phóng sự nằm trong chương trình “*Năng*

động du lịch Việt” của đài HTV7. Phóng sự này nhằm giới thiệu giá trị di tích và công tác bảo tồn di sản văn hóa của Hội An đến với bạn bè khắp nơi♥

Làm việc với đoàn cán bộ Khu di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long

Thu Thủy

Chiều ngày 18/7/2013, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi làm việc với đoàn cán bộ khu Di sản Văn hóa Thế giới Hoàng Thành Thăng Long do ông Nguyễn Việt Anh - Phó Giám đốc Trung tâm làm trưởng đoàn. Tại buổi làm việc hai bên đã trao đổi những vấn đề liên quan đến sự khó khăn trong công tác quản lý, phát huy di sản. Đồng thời, đoàn mong muốn Hội An chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác quảng bá nhằm tăng sức thu hút đối với du khách và mô hình quản lý di sản của Hội An,... để tham khảo và đưa ra những định hướng trong công tác quản lý di sản Hoàng Thành Thăng Long♥

Nghiệm thu đưa vào sử dụng những công trình được hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích tư nhân – tập thể

Thân Danh

Vào ngày 19/7/2013, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp cùng các cơ quan có liên quan và UBND các phường Minh An,

Sơn Phong, Cẩm Nam tiến hành nghiệm thu, đưa vào sử dụng 04 công trình tu bổ di tích. Đây là những di tích tư nhân được hỗ trợ kinh phí tu bổ từ nguồn ngân sách Thành phố, trong đó nhà số 2/10 Lê Lợi và 32 Lê Lợi được hỗ trợ 40% hệ mái ngói âm dương, nhà số 69/7 Phan Bội Châu được hỗ trợ 60% hệ mái ngói âm dương, nhà thờ tộc Lê Viết - Cẩm Nam được hỗ trợ 50% tổng kinh phí tu bổ. Với việc tu bổ, sửa chữa kịp thời này nhằm hạn chế sự hư hại, xuống cấp của di tích, góp phần bảo tồn, phát huy tốt khu di sản♥

Làm việc với đoàn Ủy ban Văn hóa, Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc Hội

Thanh Lương

Ngày 22/7/2013, đoàn Ủy ban Văn hoá Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội do đồng chí Lê Như Tiến, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoá Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc Hội làm trưởng đoàn, cùng với đại diện Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, lãnh đạo Sở Văn hoá Thể thao Du lịch tỉnh Quảng Nam đã đến làm việc tại thành phố Hội An để giám sát tình hình thực hiện Luật Di sản Văn hoá tại địa phương. Tiếp đón và làm việc với Đoàn có đồng chí Nguyễn Sự - Bí thư Thành ủy và đồng chí Nguyễn Văn Dũng - Phó Chủ tịch UBND thành phố cùng lãnh đạo một số cơ quan có liên quan. Lãnh đạo thành phố Hội An đã báo cáo tình hình thực hiện Luật Di sản

văn hoá tại địa phương, thực trạng công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá Hội An, trong đó chú trọng phản ánh những bất cập trong hệ thống pháp luật liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá cũng như những vấn đề nảy sinh từ thực tế,... Qua trao đổi, Đoàn đã nắm bắt được thực tế đặc thù của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và thống nhất ghi nhận ý kiến của thành phố Hội An để kiến nghị với Quốc Hội xem xét, tạo điều kiện để bảo tồn, phát huy có hiệu quả các giá trị của di sản văn hoá♥

**Hỗ trợ và tạm ứng kinh phí để
tu bổ khẩn cấp các di tích thuộc sở hữu tư
nhân - tập thể có nguy cơ sụp đổ**

Nữ Phương

Nhằm hỗ trợ kinh phí để đầu tư tu bổ, sửa chữa chống xuống cấp các di tích thuộc sở hữu tư nhân - tập thể có nguy cơ sụp đổ, vào ngày 26/7/2013, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 2297/QĐ-UBND về hỗ trợ và tạm ứng kinh phí cho UBND thành phố Hội An để tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ tại phố cổ Hội An với tổng số tiền 1.902.723.000đ. Trong đó, cấp cho UBND thành phố 337.147.000đ từ nguồn kinh phí tu bổ di tích của ngân sách tỉnh năm 2012 chuyển sang năm 2013 và cấp tạm ứng 1.565.576.000đ từ ngân sách Tỉnh để thực hiện cơ chế vay vốn. Nguồn kinh phí trên được sử dụng để trùng tu chống xuống cấp các

di tích sở hữu tư nhân: 96 Bạch Đằng, 10 Nguyễn Thái Học và 136 Trần Phú. Đây là sự hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi của chính quyền các cấp cho người dân tiến hành tu bổ nhà ở - di tích đang có nguy cơ sụp đổ, trong đó có những di tích không đủ khả năng đầu tư kinh phí tu bổ ngay cả nhận được hỗ trợ từ 40 - 75% kinh phí của nhà nước đối với từng loại di tích♥

Đoàn thanh niên xã Cẩm Thanh tham quan phòng truyền thống cách mạng Hội An

Huyền Vy

Nhân kỷ niệm 67 năm ngày thương binh, liệt sĩ (27/07/1947 - 27/07/2013), Đoàn Thanh niên xã Cẩm Thanh tổ chức cho 50 đoàn viên thanh niên là học sinh trong xã tham quan phòng Truyền thống Cách mạng Hội An - tại số 10B Trần Hưng Đạo - Hội An. Tại đây các đoàn viên thanh niên đã được nghe cán bộ thuyết minh về các giai đoạn lịch sử cách mạng của quê hương Hội An. Qua đó, giúp cho các đoàn viên thanh niên hiểu rõ hơn về truyền thống đấu tranh cách mạng và sự hy sinh của các chiến sĩ để có được độc lập tự do như hôm nay♥



Lễ vía Quan Thánh Đế Quân

Ngọc Hương



Vào ngày 31/7/2013 (nhằm ngày 24/6 âm lịch), tại Quan Công miếu, số 24 - Trần Phú - Hội An đã diễn ra lễ vía Quan Thánh Đế Quân. Tham dự buổi lễ có đại diện của một số cơ quan ban ngành Thành phố, một số chủ di tích trong Khu phố cổ và đông đảo bà con từ khắp nơi về dâng hương để tưởng nhớ ngày vía của Ông, đồng thời cầu mong an lành, hạnh phúc,... Đây là lễ hội lớn được duy trì tổ chức hàng năm, là một nét văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng cư dân địa phương được bảo tồn và phát huy tốt trong thời gian qua♥

Hội thảo Tiếp cận của châu Á về thích ứng biến đổi khí hậu và thiên tai

Thu Hương

Nhằm trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ quan điểm giữa các nước Châu Á trong lĩnh vực hợp tác phát triển, trong đó tập trung vào ứng phó biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai, vào ngày 02 tháng 8 năm 2013 tại Hội An, Viện Chiến lược, Chính sách tài

nguyên và môi trường phối hợp với Quỹ Châu Á và Viện phát triển Hàn Quốc tổ chức hội thảo “*Tiếp cận của Châu Á về thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai*”. Theo chương trình, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá được mời trình bày tham luận với chủ đề “*Quản lý thảm họa rủi ro đối với khu di sản Hội An*”. Đây là dịp để Hội An chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm của các chuyên gia quốc tế và trong nước về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và quản lý thảm họa rủi ro để áp dụng vào thực tế Khu phố cổ Hội An♥

Khởi công xây dựng Thánh thất Cao Đài họ đạo Hội An – Quảng Nam

Lệ Xuân



Vào ngày 10/8/2013, nhằm ngày 04/7 âm lịch, tại Thánh Thất Cao Đài thuộc họ đạo Hội An - Quảng Nam, tọa lạc tại số 88 đường Hùng Vương - phường Cẩm Phô - thành phố Hội An diễn ra lễ đặt viên gạch đầu tiên xây dựng Thánh Thất mới. Theo thiết kế, toà thánh thất mới được xây dựng với chiều dài 36m, chiều ngang 18m6, chiều cao 18m5, dự kiến xây dựng

trong 04 năm. Tham dự lễ khởi công xây dựng có đại diện lãnh đạo UBND Thành phố và một số cơ quan/ban ngành trên địa bàn Hội An, cùng đồng đạo tín đồ, chức sắc và quan khách trong và ngoài thành phố Hội An. Sau khi được xây dựng, Thánh thất Cao đài họ đạo Hội An sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu về nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các tín đồ♥

Chuyến công tác tại Hội An của Tổng Giám đốc điều hành tổ chức Our place world heritage

Thanh Lương

Theo sự giới thiệu của Văn phòng UNESCO tại Hà Nội và được sự thống nhất chủ trương của UBND thành phố Hội An, ngày 14/8/2013, Ông Geoff Steven, Tổng Giám đốc Điều hành Tổ chức OUR PLACE WORLD HERITAGE, một đối tác chính thức của Trung tâm Di sản Thế giới UNESCO trong việc xây dựng hồ sơ Di sản Thế giới và tổ chức triển lãm ảnh về các khu Di sản Thế giới đã đến Khu Di sản Thế giới Hội An. Mục đích chuyến công tác tại Việt Nam lần này của Geoff Steven, một nhiếp ảnh gia nổi tiếng thế giới, là để khảo sát, chụp những bức ảnh đẹp và chất lượng cao tại các khu di sản thế giới của Việt Nam qua nhiều góc độ để phục vụ cho các hoạt động quảng bá về đẹp và giá trị các Di sản Thế giới của UNESCO. Trong 03 ngày làm việc tại Hội An, ông Geoff Steven đã thực hiện chụp

ảnh tại Hội An với các chủ đề: những khoảnh khắc của khu phố cổ Hội An, cảnh bình minh và hoàng hôn tại Hội An, cảnh phố cổ Hội An về đêm, cảnh quan và cuộc sống đời thường tại các làng quê Cẩm Thanh, làng gốm Thanh Hà, làng mộc Kim Bồng và làng rau Trà Quế. Toàn bộ các tác phẩm ảnh chất lượng cao được chụp tại Hội An đã được chuyển giao lại một bản cho địa phương để bổ sung vào tài liệu hồ sơ Di sản Thế giới Hội An và sử dụng cho các hoạt động quảng bá sau này♥

Quay phim tư liệu với chủ đề Huyền thoại ghe bầu

Lệ Xuân

Vào ngày 16/8/2013, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam thực hiện quay phim tài liệu tại Bảo tàng Gốm sứ mật dịch Hội An - số 80 đường Trần Phú, với chủ đề “*Huyền thoại ghe bầu*”. Tại đây, Anh hùng lực lượng vũ trang Nguyễn Văn Xế - người được gọi là “*Anh hùng thủy quân lái thuyền gổ*” đứng bên cạnh mô



hình ghe bầu xứ Quảng kể lại quá trình vận chuyển vũ khí, quân trang bằng ghe bầu, lên đênh trên biển dài ngày cho các em học sinh, đoàn viên thanh niên trên địa bàn Thành phố Hội An biết được những chiến công, gian khổ của quân và dân ta trong công cuộc kháng chiến giành độc lập cho dân tộc. Qua đó, giúp các em hiểu được một phần nào đó về lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Hội An.

Đây là phim tư liệu để tham dự liên hoan phim toàn quân năm 2013 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam, sẽ được diễn ra vào khoảng trung tuần tháng 9/2013♥

Nghiên cứu sinh đại học Chiba - Nhật Bản nghiên cứu về Hội An

P.LT – TT – ĐN

Được sự cho phép của UBND thành phố Hội An, vừa qua Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An đã tiếp nhận nghiên cứu sinh Moe Okuda, đến từ trường đại học ChiBa - Nhật Bản thông qua sự giới thiệu của giáo sư Yuichi Fukukawa. Trong đợt làm việc tại Hội An lần này (từ ngày 17/8/2013 đến 06/9/2013), Moe Okuda đã khảo sát tại khu vực chợ Hội An và tình hình kinh doanh trên các trục đường chính của khu phố cổ như: Trần Phú, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Lợi. Ngoài ra, Moe Okuda cũng sẽ tìm hiểu về vị trí và sự

phân bố các khách sạn trên địa bàn thành phố để phục vụ cho việc nghiên cứu và viết luận văn thạc sĩ của cô♥

Đón nhận bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh

Lệ Xuân

Di tích Văn Thánh miếu, tọa lạc tại số 32 đường Hùng Vương, thuộc khối Tu Lễ - phường Cẩm Phô đã được UBND tỉnh Quảng Nam ra quyết định xếp hạng là di tích cấp Tỉnh vào năm 2011. Vào ngày 18/8/2013, UBND phường Cẩm Phô cùng Ban Quản lý Di tích Văn chỉ Cẩm Phô đã tổ chức lễ đón nhận bằng xếp hạng di tích cấp Tỉnh cho di tích kiến trúc nghệ thuật này.

Mở đầu buổi lễ là hoạt động rước bằng xếp hạng di tích từ UBND phường Cẩm Phô về Văn chỉ Cẩm Phô, với sự tham gia của khoảng 70 người gồm lãnh đạo, cán bộ UBND phường Cẩm Phô, Ban Quản lý Di tích Văn chỉ Cẩm Phô, cùng đông đảo người dân địa phương. Sau đó, đại diện lãnh đạo UBND phường Cẩm Phô, ông Ngô Tòa - Chủ tịch UBND



phường Cẩm Phô đã trao bằng cho Ban Quản lý di tích Văn chỉ Cẩm Phô. Đây là một sự kiện ghi nhận và tôn vinh truyền thống hiếu học, bề dày lịch sử văn hóa của phường Cẩm Phô qua đó nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý di sản văn hóa ở Văn chỉ Cẩm Phô và các di tích lịch sử, văn hóa khác trên địa bàn phường nói chung♥

Khảo sát về nghề dệt lụa, văn hóa trang phục Hội An và vùng lân cận

Hoàng Vinh

Trong các ngày 20 và 21/8/2013, 04 Giáo sư của Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa đã làm việc với Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và khảo sát về nghề dệt ở Hội An, nghề dệt lụa ở làng Mã Châu huyện Duy Xuyên, đồng thời tìm hiểu về văn hóa trang phục truyền thống Hội An. Chương trình nghiên cứu của các giáo sư Nhật Bản được thực hiện nằm trong khuôn khổ dự án Nghiên cứu so sánh, bảo tồn nông thôn truyền thống Việt Nam. Từ kết quả khảo sát, các giáo sư Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa đã đề xuất Hội An, Duy Xuyên nói riêng cũng như tỉnh Quảng Nam nói chung cần phục hồi giống dâu tằm truyền thống, thuần chủng của Quảng Nam. Các Giáo sư cũng kiến nghị, tỉnh Quảng Nam cần quan tâm nghiên cứu để làm rõ giá trị đặc trưng của lụa tơ tằm Quảng Nam trong qui trình sản xuất, trong chất lượng sản phẩm để tăng lợi thế cạnh tranh. Về vấn đề

trang phục truyền thống, ẩm thực ở Hội An đang có nhiều cơ sở tư liệu cũng như thực tế để nghiên cứu và việc hình thành một đề tài nghiên cứu thực trạng sử dụng trang phục truyền thống, văn hóa ẩm thực ở Hội An là rất khả thi. Thông tin này mở ra thêm một hướng nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực của văn hóa phi vật thể ở Hội An♥

Trung bày ảnh Giao lưu, hợp tác Hội An - Nhật Bản

Thị Tuấn

Chào mừng kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (1973-2013), đồng thời hưởng ứng hoạt động Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ XI - 2013 diễn ra từ ngày 23 - 25/8/2013, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An được UBND thành phố Hội An giao chủ trì thực hiện trưng bày ảnh “Giao lưu, hợp tác Hội An - Nhật Bản một chặng đường”. Để thực hiện hoạt động này, Trung tâm đã triển khai sưu tầm, tập hợp 26 ảnh tiêu biểu ghi dấu các kỳ giao lưu giữa Hội An và Nhật Bản trong thời gian qua và trưng bày tại đường Nguyễn Thị Minh Khai. Đây là hoạt động nhằm giới thiệu cho du khách, bạn bè khắp nơi hiểu được một phần nào về mối quan hệ, giao lưu hợp tác của Hội An và Nhật Bản trong lịch sử♥

Hội thi trình diễn nghệ thuật Gấp lá dừa truyền thống Hội An

Ngọc Hương



Nằm trong chuỗi các hoạt động Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ XI - 2013 diễn ra từ ngày 23 - 25/8/2013, cùng với hoạt động trưng bày ảnh “Giao lưu, hợp tác Hội An - Nhật Bản một chặng đường”, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức hội thi trình diễn nghệ thuật “Gấp lá dừa truyền thống Hội An” dành cho các em thiếu nhi. Tham dự hoạt động này có các cơ quan ban ngành, cùng đông đảo du khách trong và ngoài nước, đặc biệt với sự tham gia của các em học sinh của 09 trường Trung học Cơ sở trên địa bàn Thành phố. Kết quả chung cuộc của hội thi này, giải nhất thuộc về trường THCS Nguyễn Duy Hiệu, giải nhì Trường THCS Huỳnh Thị Lựu, giải ba trường THCS Nguyễn Khuyến và giải khuyến khích thuộc về trường THCS Nguyễn Du. Đây là lần đầu tiên thành phố Hội An tổ chức hoạt động này nhưng đã thu hút được sự quan tâm hưởng ứng của các em thiếu nhi trên toàn địa bàn thành phố, tạo ấn tượng đẹp trong lòng nhiều người khi đến tham quan Hội An trong những ngày giao lưu văn hoá Hội An - Nhật Bản lần thứ XI♥

Bàn giao mặt bằng tu bổ di tích nhà số 40 Bạch Đằng - Hội An

Thân Danh

Vào ngày 26/8/2013, Ban Quản lý Dự án bảo tồn, tu bổ cấp thiết các di tích có nguy cơ sụp đổ trong khu phố cổ Hội An thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp cùng các cơ quan ban ngành liên quan trên địa bàn Thành phố tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích nhà số 40B - Bạch Đằng. Công trình tu bổ di tích này có tổng kinh phí được phê duyệt là 688.458.000đ từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa. Đây là một trong những công trình thuộc Dự án đầu tư bảo tồn, tu bổ cấp thiết các di tích có nguy cơ sụp đổ trong khu Phố cổ Hội An. Việc tiến hành tu bổ di tích sẽ góp phần quan trọng trong việc gìn giữ những giá trị kiến trúc truyền thống của tiền nhân để lại cũng như thỏa mãn nhu cầu về không gian sinh hoạt của người dân♥

**Gặp mặt cán bộ trại tạm giam
Công an Quảng Nam - Đà Nẵng**

Nguyễn Cường

Nhân kỉ niệm 68 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, sáng ngày 01/9/2013, tại số 109 Nguyễn Trường Tộ - Hội An, Ban liên lạc đơn vị trại tạm giam công an Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức buổi gặp mặt cán bộ chiến sĩ từng công tác tại đơn vị qua các thời kỳ, nhằm ôn lại truyền thống



của đơn vị, tạo điều kiện để cán bộ chiến sĩ trao đổi tâm tư nguyện vọng cũng như hỗ trợ nhau trong cuộc sống hiện nay.

Từ sau năm 1975, đơn vị trại tạm giam công an tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, giam giữ, quản lý, phân loại tội danh các đối tượng của chế độ cũ ngụy quyền Sài Gòn từ các huyện, thị trong tỉnh. Nhiều trại tạm giam đã được thiết lập trong tỉnh, trong đó nhà lao Hội An (*nhà lao Xóm Mới*) là một trong những trại tạm giam lớn. Trong chương trình buổi gặp mặt, nhiều cán bộ chiến sĩ từng công tác tại trại tạm giam ở nhà lao Hội An đã đến thăm lại cơ quan cũ và đã có nhiều ý kiến tâm huyết cho việc tu bổ di tích nhà lao đang triển khai hiện nay♥

**Tiếp và làm việc với GS.KiKuchi Seiichi
Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa - Nhật Bản**

Hoàng Huân

Ngày 05/9/2013, Đại diện Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An, Ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm có buổi làm việc

với đoàn trường Đại học Nữ Chiêu Hoà - Nhật Bản, do Gs.Kikuchi Seiichi làm trưởng đoàn. Tại buổi làm việc hai bên đã trao đổi với nhau về xử lý hiện vật khảo cổ đang được cất giữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An. Ngoài ra, còn bàn một số thông tin liên quan như nâng cấp bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch tại nhà số 80 Trần Phú và một số thông tin để chuẩn bị cho các cuộc hội thảo năm 2014 tại thành phố Hội An nhân kỷ niệm 15 năm ngày Đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản Văn hoá thế giới♥

**Nghiệm thu đề tài
Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An**

Ngọc Hương



Ngày 11/9/2013, tại Văn phòng Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp Thành phố đã tiến hành nghiệm thu đề tài “Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An”. Hội đồng nghiệm thu gồm 7 thành viên, do ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hội An làm chủ tịch

Hội đồng. Tham dự buổi nghiệm thu còn có đại diện các cơ quan trong ngành văn hoá.

Sau khi nghe chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả thực hiện đề tài, Hội đồng nghiệm thu nhận xét, kết luận và đánh giá cao giá trị khoa học, sản phẩm đạt được cũng như ý nghĩa thực tiễn của đề tài. Sản phẩm của đề tài góp phần quan trọng trong công tác nghiên cứu, phát huy địa danh ở Hội An♥

**Kiểm tra và phân loại mộc bản
tại chùa Phước Lâm - Hội An**

Phước Tịnh

Nhằm hỗ trợ chùa Phước Lâm bảo quản những mộc bản có giá trị, vào ngày 13/9/2013, tại chùa Phước Lâm - Hội An, các cán bộ phòng Quản lý Di tích thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành bàn giao tủ đựng mộc bản cho chùa Phước Lâm. Đồng thời, tiến hành kiểm tra, phân loại hơn 100 bản gỗ, gồm nhiều kích cỡ khác nhau, được khắc bằng chữ Hán và chữ Nôm,



có niên đại hàng trăm năm. Căn cứ vào nội dung có thể xác định đây là những bộ kinh của Phật giáo đại thừa gồm Niệm Phật Vãng Sanh, Kinh Pháp Hoa, Kinh Kim Cang... Bên cạnh đó còn có các bản khắc bài kệ, chú trong tang lễ, độ điệp. Ngoài việc lưu truyền những tư tưởng, giáo lý của đạo Phật, các mộc bản tại chùa Phước Lâm còn là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc tinh xảo thể hiện tài năng, trí tuệ của những người thợ khắc gỗ xưa. Việc thống kê, phân loại nguồn tư liệu quý giá này sẽ góp phần bảo tồn lâu dài, tạo điều kiện nghiên cứu sâu hơn về lịch sử phát triển của Phật giáo và kỹ thuật chạm khắc ở Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung♥

Hội thi múa Lân, Thiên Cầu năm 2013

Nguyễn Cường



Ngày 17/9/2013 (nhằm ngày 13/8 ÂL), tại Quảng trường Sông Hoài, thành phố Hội An diễn ra hội thi múa Lân, Thiên Cầu mừng Trung Thu Quý Tỵ 2013. Hội thi do Trung tâm Văn hóa Thể thao và Phòng Giáo dục & Đào tạo Hội An phối hợp tổ chức.

Tham gia hội thi có 8 đội Lân, Thiên Cầu đến từ 8 trường trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố gồm: trường Nguyễn Du, Phan Bội Châu, Nguyễn Duy Hiệu, Huỳnh Thị Lựu, Kim Đồng, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Bình Khiêm, Chu Văn An. Với sự chuẩn bị công phu, các đội tham gia đem đến hội thi nhiều màn thể hiện ấn tượng, làm tăng thêm không khí vui tươi, rộn ràng của mùa trung thu năm nay. Kết quả hội thi, giải nhất thuộc về trường Nguyễn Du, giải nhì trường Huỳnh Thị Lựu, các trường Phan Bội Châu và Nguyễn Duy Hiệu đồng giải ba, các đội còn lại đạt giải khuyến khích♥

Tham gia các hoạt động kỷ niệm ngày di sản Huế được UNESCO tôn vinh

Thanh Lương

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá Thế giới (1993-2013), 10 năm Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Việt Nam được UNESCO vinh danh là Di sản Văn hoá Phi vật thể Đại diện của Nhân loại (2003-2013), sáng ngày 22/9/2013, lễ kỷ niệm chính thức các di sản Huế được UNESCO công nhận đã được diễn ra trọng thể tại Trung tâm Văn hoá Thông tin thành phố Huế. Ngoài các đại biểu từ Trung ương đến địa phương, ban quản lý các khu di sản thế giới của Việt Nam, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội

An cùng các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị cũng đã đến tham dự lễ.

Đề chào mừng sự kiện nói trên, một loạt các hoạt động được tổ chức như: Trưng bày sưu tầm đồ sứ thời Nguyễn của nhà sưu tập Đoàn Phước Thuận, Trần Đắc Lực (*Phú Yên*) tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế; Trưng bày châu bản triều Nguyễn và trưng bày hình ảnh các di sản thế giới của Việt Nam tại khu vực trường lang Tử Cấm Thành; Hội nghị “*Bảo tồn và phát triển bền vững di sản thế giới ở Việt Nam - nhìn lại chặng đường gần 20 năm qua và hướng đến tương lai của di sản Huế*” tại khách sạn Hương Giang♥

Làm việc với Đoàn Thanh tra phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn Thành phố

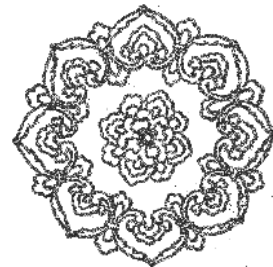
Tú Anh

Vào lúc 8h00 ngày 27/9/2013, Đoàn Thanh tra phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của thành phố Hội An đã làm việc với Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An về công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2013. Trong đó, nội dung làm việc là kiểm tra công tác chuẩn bị chằng chống các di tích trong và ngoài Khu phố cổ trước mùa mưa bão năm 2013. Đây là hoạt động mang tính thường xuyên nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại do bão lũ gây ra đối với quần thể di tích trên địa bàn thành phố Hội An♥

Công tác phòng chống bão lụt năm 2013 của Trung tâm QLBT Di sản văn hóa Hội An

Tú Anh

Nhằm hạn chế đến mức tối đa những thiệt hại do thiên tai gây ra, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã lập kế hoạch và đề ra những giải pháp cụ thể triển khai công tác phòng chống lụt bão trong năm 2013. Trong Khu phố cổ, Trung tâm đã lên kế hoạch và trực tiếp chống đỡ cho 08 di tích và đề nghị chủ di tích có biện pháp chống đỡ, gia cố, dậm mái; 11 di tích. Đồng thời, Trung tâm đã đề xuất di dời cục bộ tại 17 di tích và có 03 di tích phải di dời người đi nơi khác để đảm bảo an toàn cho người dân khi mưa bão đến. Nhìn chung, công tác chống đỡ di tích năm nay có những bước chủ động hơn góp phần ứng phó kịp thời với nguy cơ bão lụt♥



BÀN CÁI BIỂU



VĂN BẢN PHÁP QUY

Trích Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL, quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Quản lý Di tích

Vào ngày 28/12/2012, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL về quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Trong số này, Ban Biên tập xin được trích giới thiệu chương I và II của Thông tư này để chúng ta cùng tham khảo.

CHƯƠNG I: Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về điều kiện năng lực và điều kiện hành nghề của tổ chức, cá nhân tham gia lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch di tích), dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là dự án tu bổ di tích), báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích), thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là thiết kế tu bổ di tích) và thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là thi công tu bổ di tích); nội dung hồ sơ thiết kế tu bổ di tích, thẩm quyền thẩm

định hồ sơ thiết kế tu bổ di tích; thi công tu bổ di tích.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài khi tiến hành lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích; thẩm định hồ sơ thiết kế tu bổ di tích; thi công tu bổ di tích trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hạ giải di tích là hoạt động tháo rời cấu kiện tạo thành kiến trúc của một di tích nhằm mục đích tu bổ di tích hoặc di chuyển cấu kiện đến một nơi khác để lắp dựng lại mà vẫn giữ gìn tối đa sự nguyên vẹn các cấu kiện đó.

2. Gia cố, gia cường di tích là biện pháp làm tăng sự bền vững và ổn định của di tích hoặc các bộ phận của di tích.

3. Phục chế di tích là hoạt động tạo ra sản phẩm mới theo nguyên mẫu về chất liệu, hình thức và kỹ thuật để thay thế thành phần bị hư hỏng, bị mất của di tích.

4. Tôn tạo di tích là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.

5. Tu sửa cấp thiết di tích là hoạt động chống đỡ, gia cố, gia cường tạm thời hoặc sửa chữa nhỏ để kịp thời

ngăn chặn di tích khỏi bị sập đổ, hủy hoại.

Điều 3. Nguyên tắc trong hoạt động thiết kế tu bổ di tích

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thiết kế tu bổ di tích được lập trên cơ sở kết quả khảo sát, tư liệu liên quan trực tiếp, gián tiếp đến di tích và phải tuân thủ nội dung dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt.

3. Ưu tiên sử dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ truyền thống đã được sử dụng trong di tích. Trong trường hợp giải pháp kỹ thuật, công nghệ truyền thống không đáp ứng yêu cầu về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thì được áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại phù hợp, đã kiểm nghiệm trong thực tế và không làm ảnh hưởng đến đặc điểm, giá trị của di tích.

4. Thiết kế tu bổ di tích được tiếp tục thực hiện trong quá trình thi công tu bổ di tích nhằm kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với những phát sinh, phát hiện mới về di tích.

5. Ưu tiên bảo quản, gia cố, gia cường di tích trước khi áp dụng phương án tu bổ, phục hồi di tích.

6. Thường xuyên tham vấn ý kiến nhân chứng lịch sử, chuyên gia, nghệ nhân trong suốt quá trình thiết kế tu bổ di tích.

Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động thi công tu bổ di tích

1. Tuân thủ thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt, quy định về quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình thi công tu bổ di tích.

2. Ưu tiên sử dụng phương pháp thi công truyền thống, chú trọng bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích, bảo vệ cấu kiện trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích.

3. Khi có những phát sinh, phát hiện mới về di tích khác với thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn giám sát phải kịp thời thông báo với chủ đầu tư dự án tu bổ di tích. Trong trường hợp điều chỉnh thiết kế tu bổ di tích, chủ đầu tư dự án tu bổ di tích phải xem xét điều chỉnh thời gian thi công tu bổ di tích để đảm bảo chất lượng công trình.

4. Hoạt động thi công tu bổ di tích được thực hiện dưới sự giám sát của cộng đồng dân cư nơi có di tích và tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về di sản văn hóa.

5. Thường xuyên tham vấn ý kiến nhân chứng lịch sử, chuyên gia, nghệ nhân trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích.

6. Ghi nhận đầy đủ trong Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công mọi hoạt động thi công tu bổ di tích đã thực hiện tại công trường.

7. Bảo đảm an toàn cho di tích và khách tham quan.

Chương II: Điều kiện năng lực và điều kiện hành nghề của tổ chức, cá nhân tham gia lập quy hoạch di

tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích và thi công tu bổ di tích

Điều 5. Điều kiện năng lực và điều kiện hành nghề khi tham gia lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích và thi công tu bổ di tích.

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tham gia lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích và thi công tu bổ di tích có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định tại Điều 6 Thông tư này được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận hành nghề) đối với tổ chức và được cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) đối với cá nhân trong hoạt động sau:

- a) Lập quy hoạch di tích;
- b) Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích;
- c) Thi công tu bổ di tích;
- d) Giám sát thi công tu bổ di tích.

2. Cá nhân chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch di tích; chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án tu bổ di tích; chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích phải có đủ điều kiện

năng lực theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.

Điều 6. Giấy chứng nhận hành nghề và Chứng chỉ hành nghề

1. Giấy chứng nhận hành nghề cấp cho tổ chức có đủ điều kiện năng lực tương ứng với hoạt động xin đăng ký hành nghề quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

2. Chứng chỉ hành nghề cấp cho cá nhân có đủ điều kiện năng lực tương ứng với hoạt động xin đăng ký hành nghề theo quy định sau:

a) Hành nghề lập quy hoạch di tích được cấp cho người đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích) do viện nghiên cứu, trường đại học có chức năng đào tạo chuyên ngành xây dựng, kiến trúc hoặc liên quan đến hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích tổ chức; đã tham gia tư vấn lập ít nhất 03 (ba) quy hoạch di tích hoặc 05 (năm) dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt;

b) Hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích được cấp cho người có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích; đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích ít nhất 03 (ba) di tích đã được phê duyệt;

c) Hành nghề thi công tu bổ di tích được cấp cho người có chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích; đã tham gia thi công ít nhất 03 (ba) công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao;

d) Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích được cấp cho người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình; đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích; đã giám sát thi công ít nhất 03 (ba) công trình di tích được nghiệm thu và bàn giao.

3. Cá nhân là công chức đang làm công việc quản lý hành chính nhà nước thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề.

Điều 7. Điều kiện năng lực của tổ chức lập quy hoạch di tích

1. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

2. Có ít nhất 02 (hai) người có Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch di tích theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

3. Đã tham gia tư vấn lập ít nhất 01 (một) quy hoạch di tích hoặc ít nhất 02 (hai) dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích được phê duyệt.

Điều 8. Điều kiện năng lực của tổ chức lập dự án tu bổ di tích, báo cáo

kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích

1. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế hoặc tổ chức tư vấn khi làm tư vấn quản lý dự án theo quy định pháp luật về xây dựng;

2. Có ít nhất 03 (ba) người có Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án tu bổ di tích theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

3. Đã tham gia tư vấn lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt.

Điều 9. Điều kiện năng lực của tổ chức thi công tu bổ di tích

1. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng khi thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;

2. Có ít nhất 03 (ba) người có Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích, trong đó có người đủ điều kiện năng lực chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

3. Có đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 10. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích

1. Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;

2. Có ít nhất 02 (hai) người có Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

Điều 11. Điều kiện năng lực của chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch di tích

1. Có đủ điều kiện năng lực của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

2. Có Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch di tích.

Điều 12. Điều kiện năng lực của chủ nhiệm lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án tu bổ di tích

1. Có đủ điều kiện năng lực của chủ nhiệm lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế hoặc giám đốc tư vấn quản lý dự án theo quy định pháp luật về xây dựng;

2. Có Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

Điều 13. Điều kiện năng lực của chỉ huy trưởng công trường thi công tu bổ di tích

1. Có đủ điều kiện năng lực của chỉ huy trưởng công trường theo quy định pháp luật về xây dựng;

2. Có Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa).

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Danh sách người có Chứng chỉ hành nghề, cá nhân đảm nhận các chức danh liên quan đến hoạt động xin cấp Giấy chứng nhận hành nghề quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9 và khoản 2 Điều 10 Thông tư này kèm theo bản sao có công chứng hoặc chứng thực chứng chỉ hoặc chứng nhận tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích;

c) Giấy tờ chứng minh điều kiện năng lực theo quy định pháp luật về xây dựng;

d) Giấy tờ chứng minh kinh nghiệm tham gia lập quy hoạch di tích, dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích được phê duyệt.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

hợp lệ, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này); trường hợp không cấp phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

4. Giấy chứng nhận hành nghề có hiệu lực trong thời hạn 05 (năm) năm.

5. Việc thu và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận hành nghề.

Điều 15. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề

1. Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa).

Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bao gồm:

a) Đơn xin cấp Chứng chỉ hành nghề (Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao có công chứng hoặc chứng thực Chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, hành nghề kỹ sư xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động xin cấp Chứng chỉ hành nghề quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

c) Bản sao có công chứng hoặc chứng thực chứng chỉ hoặc chứng nhận tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức tu bổ di tích;

d) Bản khai kinh nghiệm chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích liên quan đến hoạt động xin cấp

Chứng chỉ hành nghề (Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này). Bản khai phải có xác nhận của tổ chức nơi người đó đã làm việc hoặc đang làm việc; người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận;

đ) 02 (hai) ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề (Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp không cấp phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

4. Chứng chỉ hành nghề có hiệu lực trong thời hạn 05 (năm) năm.

5. Việc thu và sử dụng lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm cấp Chứng chỉ hành nghề.

Điều 16. Cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề và Chứng chỉ hành nghề

1. Giấy chứng nhận hành nghề và Chứng chỉ hành nghề được cấp lại trong các trường hợp sau:

- a) Hết hạn sử dụng;
- b) Bị mất hoặc bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ) không sử dụng được;
- c) Bị lỗi do in ấn hoặc nhầm lẫn;
- d) Bổ sung nội dung hành nghề.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề và Chứng chỉ hành nghề được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề và Chứng chỉ hành nghề nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa).

Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề và Chứng chỉ hành nghề bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề (Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (đối với trường hợp Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng, bị lỗi hoặc bổ sung nội dung hành nghề);

- 02 (hai) ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp lại (đối với trường hợp xin cấp lại Chứng chỉ hành nghề);

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề đã cấp hoặc cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề bị mất thì phải gửi kèm theo hồ sơ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 hoặc tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư này.

b) Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng, bị lỗi, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ

sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề. Trường hợp không cấp phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Đối với các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề thì thời hạn cấp lại như cấp mới.

c) Việc thu và sử dụng lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề.

Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề bị lỗi thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp miễn phí theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

3. Nội dung và thời hạn của Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề cấp lại được ghi như sau:

a) Đối với trường hợp bị mất hoặc bị hỏng, bị lỗi, ghi theo đúng nội dung và thời hạn của Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề cũ;

b) Đối với trường hợp xin cấp bổ sung nội dung hành nghề, ghi bổ sung nội dung hành nghề theo thời hạn của Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề cũ;

c) Đối với trường hợp hết hạn thì nội dung và thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận hành nghề, Chứng chỉ hành nghề được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới♥

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

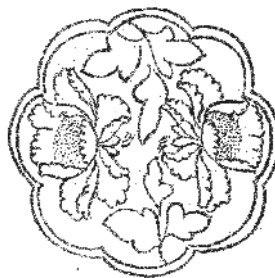
ĐÔI NÉT VỀ NGHỆ THUẬT VẼ TRÊN GỖ KAKIEMON CỦA NHẬT BẢN

Di tích

Nghệ gốm truyền thống Nhật Bản là một nghệ lâu đời và nổi tiếng không chỉ trong khu vực mà còn trên thế giới. Trong số các loại gốm nổi tiếng như Hizen, ... có một loại hình gốm rất đặc trưng và được nhiều người yêu thích đó là gốm vẽ có tên là Kakiemon. Lần đầu tiên gốm vẽ được sản xuất là cách đây 370 năm của dòng họ Kakiemon đời thứ 1 (1596 - 1666) sống tại Arita, tỉnh Saga. Kể từ đó, nghệ thuật vẽ trên gốm được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cho con cháu trong dòng họ và bắt đầu nổi tiếng trên thế giới. Người thợ chính của nghệ hiện nay là thế hệ Kakiemon đời thứ 13.

Lưu truyền rằng, vào một ngày nọ, Kakiemon đời thứ 1 có ý tưởng thể hiện màu đỏ đậm của quả hồng mà ông rất thích trên một mẫu gốm nghệ thuật của gia đình. Sau nhiều nỗ lực vẽ màu của quả hồng trên các bình gốm do gia đình sản xuất, cuối cùng ông đã sáng tạo ra kỹ thuật của riêng mình và đã thành công trong sáng tác trên rất nhiều kiệt tác. Ông rất hài lòng với sự thành công này nên đã đổi tên mình từ Kisoemon thành Kakiemon. Kaki có nghĩa là quả hồng.

Nét đặc biệt của gốm Kakiemon được thể hiện qua 3 đặc điểm về thiết kế, hoa văn và màu sắc. Về thiết kế, có 3 loại hình: thứ nhất là mẫu kế thừa gốm Trung Hoa trong thời nhà Minh (1368 - 1644), thứ hai là mẫu đơn giản nhưng đầy sáng tạo của Nhật Bản và thứ ba là mẫu có ảnh hưởng, giao lưu với Hà Lan - Châu Âu. Hầu hết các thiết kế mang phong cách Nhật Bản đều vẽ về hoa như hoa mận và hoa cúc, cây thích, cây thông, chim và muông thú, trong số đó có các tuyệt tác theo bộ gồm 2 hoặc nhiều đồ vật khác nhau kết hợp lại như bộ gốm có chủ đề “*hoa có ba lá và nai*”, “*cây dẻ và chim cú*”. Về hoa văn, thì sau khi vẽ các đường nét cơ bản bằng màu đen, các nghệ nhân bắt đầu tô màu và trang trí các họa tiết hoa lá, con vật trên gốm. Về màu sắc, thì ý tưởng đa sắc luôn được thể hiện, trong đó màu chủ đạo của dòng gốm này là đỏ, xanh, vàng, xanh, tím và đen. Đặc biệt, dòng gốm này được hoàng gia Nhật Bản rất ưa chuộng với các sản phẩm gốm dân dụng và trang trí gốm men xanh được tô vẽ màu đỏ đặc trưng của quả hồng Nhật Bản♥



HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN

Thông tin về tình hình di tích trên địa bàn thành phố Hội An quý III, IV-2013

Quản lý Di tích

1 - Di tích ở phường Cẩm Phô:

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 15/23 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt. Các di tích còn lại như:

- Văn Thánh miếu Cẩm Phô: cổng tam quan bị sập, cột hiên bị mối mọt.

- Mộ tổ tộc Trần Trung: bình phong bị nứt; lư hương bị gãy 2 tai hai bên, đồ án trang trí ở bờ tường phía sau cùng của ngôi mộ bị gãy.

- Miếu Ngũ Hành: đòn tay bị mối mọt, bờ nóc bị nứt;

- Mộ ông Trần Ngọc Giao: bờ tường bị bể;

- Lăng Ông Ngọc: con giống mái bên phải bị gãy, tường, ngói bị nứt, bể một số nơi;

- Đình Cẩm Phô: bên trong di tích có một thùng gỗ đựng vật dụng bị hư hại, gỗ bị mục.

- Đình ấp Tu Lễ: tấm pano phía trên cửa chính bị hư hỏng và rơi xuống.

- Khổng Tử miếu: Khuôn bông của cầu bán nguyệt bị bể gãy nhiều; khuôn bông trang trí trong chánh điện bị gãy; gương bể. Một số ngói bể.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 17/23 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. Các di tích khác chưa tốt, cỏ mọc nhiều (Văn Thánh miếu Cẩm Phô, mộ tổ Tộc Trần Trung, mộ ông Trần Ngọc Giao, miếu Thần Nông, đình ấp Tu Lễ, Khổng Tử Miếu). Riêng Mộ tổ tộc Trần Trung có nuôi gà trong khuôn viên mộ gây mất vệ sinh.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** 18/23 di tích không có tình trạng lấn chiếm. Các di tích còn lại như mộ ông Trần Ngọc Giao, mộ tổ tộc Trần Trung, miếu Ngũ Hành, miếu Thần Nông và Văn Thánh Miếu Cẩm Phô bị một số hộ xung quanh phơi áo quần, đặt vật dụng, che chắn, để xe máy gây mất cảnh quan di tích.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Lăng ông Ngọc: đề nghị sớm tu bổ di tích.

- Đình Cẩm Phô: đề nghị Trung tâm có phương án tu bổ lại thùng gỗ bị hư hại.

- Đình ấp Tu Lễ: đề nghị Trung tâm gia cố, sửa chữa lại cửa bị hư.

- Đình Xuân Lâm: đề nghị trồng thêm cây xanh trong sân đình.

- Tộc Nguyễn Tường: đề nghị tu bổ lại giếng nước (giếng xóm Đình).

- Ý kiến của người dân khu vực Khổng Tử Miếu: cần đưa những hoạt động liên quan đến việc học trên địa bàn Thành phố về tổ chức tại di tích này.

2 - Di tích ở phường Cẩm An

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 4/7 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt và 1/7 di tích là phế tích (*Đình đá An Bàng*). Các di tích còn lại như:

- Lăng Bà: hai trụ phía trước bị rạn nứt, ngôi bệ gây đột nhiều nơi trong lăng.

- Lăng Thành Hoàng: Gia tô vòm cửa bị nứt, một số ngôi âm dương bị bể.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 3/7 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. Các di tích khác chưa tốt, rác và cỏ nhiều (*Lăng Ông, Lăng Bà, Đình đá An Bàng, Lăng Thành Hoàng*), bên trong lăng Ông để nhiều vật dụng (*trống, cây sào*) gây nhếch nhác.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** không.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Lăng Ông: Đề xuất UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí để xây dựng một ngôi nhà để chiêng, trống.

- Người dân quanh đình đá An Bàng đề nghị sớm tu bổ di tích để người dân có nơi cúng tế.

- Lăng Ngũ Hành: đề nghị xây cổng để bảo vệ lăng.

- Lăng Thành Hoàng: đề nghị quét vôi lại trong lăng và sửa chữa hệ thống điện.

3 - Di tích ở phường Cửa Đại

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 1/2 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt và 1/2 di tích (*Lăng Tiêu Diện*): hệ vì kèo bị mối mọt nhiều nơi, tường bị bong tróc, mái bị xuống cấp gây đột nhiều nơi.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 2/2 di tích có tình trạng vệ sinh tốt.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Lăng Tiêu Diện: đề nghị tu bổ di tích gấp.

4 - Di tích ở phường Cẩm Châu

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 24/30 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 2 di tích chỉ là dấu tích (*rừng Thanh Tây và lô cốt 12*). 4/30 di tích còn lại như:

- Đình Thanh Tây: bị vỡ 8 tấm tôn ở mái trước đình do bão.

- Đình An Mỹ: mưa thấm đột ở khu dĩ, mối mọt xâm hại.

- Miếu Ông địa (*Trường Lệ*): xuống cấp nặng trong đợt mưa bão.

- Đình Sơn Phô: một số ngôi âm dương mái đại đình bị vỡ, một cánh cửa ở tam quan bị gãy bản lề do bão.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 30/30 di tích có tình trạng vệ sinh tốt.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** 28/30 di tích không có tình trạng lấn chiếm. 2 di tích miếu Ông Địa (*Trường Lệ*) và nhà thờ tộc Nguyễn Đình nằm trong diện quy hoạch.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Miếu Ông Địa (*Thanh Tây*), miếu Ông Địa (*Trường Lệ*): xin tu bổ lại.

- Đình An Mỹ: xin kinh phí chống mưa đột ở khu dĩ.

5 - Di tích ở xã Cẩm Kim

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 16/28 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 5 di tích chỉ là dấu vết (*Đình Năm Căn, Gò Mỏ, Bến đò Bà Ngân, Vườn bà Thủ Khóa, Bến Chùa*). 7/28 di tích còn lại như:

- Bia di tích vùng Thượng Phước bị nứt.

- Miếu Trung Gian: nhà phụ bị sập mái tôn do bão.

- Miếu Ba Giò (*miếu Trung Châu*): 3 con giống bị gãy do bão.

- Giếng trong vườn bà Thủ Khóa bị nứt.

- Miếu Hà Tân: ngói âm dương bị vỡ, tường ẩm mốc.

- Nhà ông Huỳnh Cường: mỗi một xâm hại ở chái phía Đông.

- Giếng tứ tộc: thành giếng bị vỡ một phần do bão.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 23/28 di tích có tình trạng vệ sinh tốt hoặc tương đối tốt (*trừ 5 vết tích*).

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

Miếu Hà Tân: xin kinh phí tu bổ lại miếu (*đã nằm trong danh mục tu bổ năm 2015*).

6 - Di tích ở xã Cẩm Thanh

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 11/23 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 7/23 di tích chỉ là địa danh hoặc thắng cảnh (*khu Đông Thuận Tình, khu đồn thôn 1, thôn Thanh Đông, làng yến Thanh Châu, bến đò bà Chân, miếu Âm Linh,*

khu Thuận Tình). 5/23 di tích còn lại như:

- Mộ Thử Phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn: Bia gắn di tích chữ đã bị mờ, các trụ và hậu tấm bị bong tróc lớp vôi để lộ lớp gạch

- Vườn Xã Tiếp: Tường bao quanh bia di tích bị nứt, sân nền bị nứt nhiều nơi.

- Khu mộ tộc Hồ: chưa có tường rào bảo vệ.

- Miếu ông Tiến: Khuôn bông phía Đông bị bể (*lâu*); Đổ cửa sát cột bị mục do mối mọt; Hai bệ đá chân trụ bị vỡ (*có thể do bị lún*)

- Miếu ông Điều: đột vài chỗ, bàn thờ phía trước bình phong bị sút cạnh.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 10/23 di tích có tình trạng vệ sinh tốt (*trừ 7 địa danh, thắng cảnh*). 06 di tích có tình trạng vệ sinh còn nhếch nhác, cỏ dại mọc nhiều (*Mộ Thử Phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn, khu mộ tộc Hồ, lăng Ông, miếu ông Tiến, miếu ông Điều, mộ ông Trần Chương Cơ*).

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không có di tích nào bị lấn chiếm.

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Người bảo vệ Lăng Bà: xin lắp bộ cửa chính và bộ cửa hông nhà phía Tây, xin vôi sơn hàng năm để quét lại di tích và kẻ lại chữ ở các câu liễn, đối.

- Mộ Thử Phi vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn: xin tôn tạo lại di tích.

- Mộ ông Thủy tổ tộc Lê: xin làm bờ rào và đường vào di tích, trùng tu lại mộ.

- Lãng Ông: xin cho đổ đất sân phía trước lăng.

- Miếu ông Tiến xin cây xanh để trồng trong khuôn viên di tích, xin bịt 2 khuôn bông phía trước, xin bắt điện vào di tích.

- Đình Thanh Nhát: bà con xin phục hồi lại di tích.

- Lãng Trà Quân xin láng nền sân.

7 - Di tích ở phường Sơn Phong

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 3/10 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt (trong đó Nhà lao Hội An đang thi công tu bổ), ngoài ra chưa xác định được mộ Lê Nhụ Nhân (ý kiến của cán bộ khảo sát); 7/10 di tích còn lại như:

- Nhà thờ tộc Châu: Đền tay bị mục nhiều nơi, trụ cửa phía ngoài và trụ cột bị mối mọt, hai bên mái nhà Đông nhà Tây bị dột.

- Nhà thờ tộc Lê: Mái ngói bị dột nhiều nơi, đà sần cửa phía Bắc bị mối mọt, sân nền ẩm.

- Mộ ông Chu Kỳ Sơn: xuống cấp nặng

- Mộ vợ chồng đô đốc họ Nguyễn: Bia nhỏ ghi chú di tích chữ bị mờ

- Miếu xóm An Hòa: Câu đối đắp nổi mặt tiền phía Đông bị bong tróc, khung bao cửa chính phía Đông và tường bàn thờ phía Tây bị nứt.

- Nhà thờ tộc Nguyễn: Tường bao quanh bị ẩm mốc

- Đình Sơn Phong: Bức hoành của chúa Nguyễn Phúc Chu sơn bị bong tróc, 2 tường phía trong hậu tẩm và bàn thờ phía Tây Đông bị bong tróc lớp vôi, tường phía Đông bị nứt

* **Về tình trạng vệ sinh:** 9/11 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 02 di tích còn lại: mộ Chu Kỳ Sơn vệ sinh nhếch nhác; Mộ vợ chồng đô đốc họ Nguyễn: cỏ mọc nhiều.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** không

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Nhà thờ tộc Lê: mong muốn được tu bổ lại, tuy nhiên vì nhiều lý do (gia đình) nên chưa tu bổ được.

- Đình Sơn Phong xin quét vôi hậu tẩm, sơn lại bức hoành và tủ thờ phía trước hiên.

8 - Di tích ở phường Cẩm Nam

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 7/15 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt; 1 di tích không còn (Đền Cẩm Phô Nam đã bị sạt lở xuống sông) và 7/15 di tích còn lại như:

- Lãng Vy Mỹ: mái dột nước, tường nứt vài nơi, mái sau bờ chảy phía tây nứt gãy, móng có hiện tượng sụt lún.

- Nhà thờ tộc Đình: tường nứt vài nơi.

- Đình Xuyên Châu Trung: sau bão số 11, các đầu đao ở mái bị gãy; có hiện tượng mối lên ăn.

- Chùa Cẩm Giác: Tường mặt tiền bên phải tượng Hộ Pháp có đường nứt lớn, nứt máng xối, dột nước, tường trái trong chính điện nứt.

- Nhà thờ tộc Trần Đắc: tường trước nứt, mái sau hư hỏng dột nước, am thờ giữa nứt vỡ.

- Nhà ông Phan Văn Huân: tường mục, lở nhiều nơi, có nguy cơ sụp đổ.

- Lăng Năm Sở - lăng Ông: miếu âm hồn bị cành cây gãy làm vỡ một số ngói (do ảnh hưởng bão số 11).

* **Về tình trạng vệ sinh:** 10/14 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 04 di tích còn lại: Lăng Vỹ Mỹ, chùa Cẩm Giác, nhà thờ tộc Trần Đắc và nhà thờ tộc Nguyễn Văn vệ sinh chưa sạch sẽ.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** không

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Đình Xuyên Châu Trung xin xây tường rào cao để bảo vệ di tích.

- Lăng Vỹ Mỹ, chùa Cẩm Giác, nhà ông Phan Văn Huân: xin được tu bổ.

9 - Di tích ở xã Cẩm Hà

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 7/15 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt hoặc tương đối tốt; 2/15 là dấu tích (Di chỉ Đồng Nà và chiến thắng Cửa Suối); 6/15 di tích còn lại như sau:

- Bia di tích chiến thắng Bàu Ốc, chiến thắng Cồn Thanh và vườn nhà ông Thiệt: bong tróc sơn hoàn toàn.

- Chùa Vạn Đức: miếu Ngũ Hành (cũ) xuống cấp nghiêm trọng, miếu Ngũ Hành (mới): gãy con giống mái sau, phía Bắc (ảnh hưởng bão số 11).

- Mộ ông Nguyễn Diên: Nền sân có 3 vị trí bị sụt lún diện tích khoảng từ 0,5 đến 0,7m²/vị trí; Bồn hoa bên trái bình phong bị nứt, vỡ dọc; màu vôi ở các hạng mục dần mất màu.

- Mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu: gạch lát nền sân nhiều viên bị nứt vỡ (khoảng 60 viên).

* **Về tình trạng vệ sinh:** 14/15 di tích có tình trạng vệ sinh tốt, chỉ có mộ ông Nguyễn Diên: cỏ dại mọc nhiều trong khuôn viên di tích.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** không có tình trạng lấn chiếm nhưng 05 di tích cần khoanh vùng bảo vệ (chiến thắng Bàu Ốc, Cồn Thanh, Cửa Suối, miếu ấp Đồng Nà và di tích Đồng Nà)

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu: xin hỗ trợ kinh phí điện tưới cây xanh trong khuôn viên hàng tháng.

- Miếu ấp Đồng Nà: xin hỗ trợ kinh phí tu bổ.

- Miếu Ngũ Hành Trà Quế: xin hỗ trợ kinh phí xây dựng hàng rào xung quanh bảo vệ di tích.

10 - Di tích ở Phường Tân An

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 6/11 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt hoặc



tương đối tốt; 5/11 di tích còn lại như sau:

- Đình ấp Xuân Mỹ: 04 viên ngói âm dương bị tróc, một số viên bị vỡ ở mái trước (*ảnh hưởng bão số 11*).

- Đình Thanh Minh: khoảng 10 viên ngói âm dương (*mái trước*) bị tróc (*ảnh hưởng bão số 11*).

- Nhà thờ tộc Đinh (*chùa ông Tạng - Thiên Đức Tự*): một đoạn tường rào (*gần cổng vào*) khoảng 0,5m x 0,5m bị gãy đổ (*ảnh hưởng bão số 11*). Nhà Đông: hai kèo hiên và một số rui bị mối xâm hại (*đã chống mối*).

- Vạn Thiện Đồng Quy (*trước chùa Phước Lâm*): Hàng rào xung quanh chỉ còn lại ở phía Đông Nam và bình phong (*bình phong bị bong da tường một số nơi*).

- Miếu Âm Hồn: đang xuống cấp nặng, hệ đỡ mái đã bị mối xâm hại, mục, có nguy cơ sụp mái.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 10/11 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 1/11 di tích vệ sinh chưa tốt, để đồ đạc tại di tích (*chùa ông Tạng - Thiên Đức Tự*).

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Đình Ấp Xuân Mỹ: xin hỗ trợ kinh phí tiền điện thấp sáng hàng tháng.

- Miếu Âm Hồn: đề nghị sớm triển khai tu bổ.

11 - Di tích ở phường Thanh Hà

* **Về tình trạng kỹ thuật:** 34/52 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt hoặc tương đối tốt; 18/52 di tích còn lại như sau:

- Mộ bà Huỳnh Tịnh Yên, Mộ vợ chồng ông Hồng Lô Tự Khanh Họ Tăng (*Tăng Nghi, Dũ Dũ Trang*), Mộ vợ chồng ông Tăng Diễm Dật, Mộ vợ chồng ông Đinh Tự Hiên, Mộ ông Đinh Thanh Hương, Mộ ông Bát phẩm Lê Thuần Giản & bà Phạm Đôn Thiện, Mộ bà Lê Thiện Ký, Mộ bà Lê dâu họ Trần, Mộ bà họ Mạnh, Mộ bà họ Đinh, Mộ bà họ Trần dâu họ Đinh: xuống cấp, tường nứt, chữ ở câu đối bị bong tróc.

- Mộ ông Đô đốc thời Tây Sơn (*họ Nguyễn Đức*): phần tường bao được phát hiện chưa được đầu tư tu bổ.

- Đình ấp An Bang: mưa dột 03 chỗ ở hậu tẩm.

- Đình Thanh Hà: hệ mái xuống cấp, hệ con giống bị gãy, hệ cột bị mối ăn, hệ cột xây của tường Bắc bị nứt.

- Nhà thờ tộc Võ Văn, Miếu Giáp Đông, Miếu Trung Lương: tường ẩm.

- Nhà thờ tộc Nguyễn Văn (*phái Ba*): hệ vì kèo xuống cấp, nghiêng.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 49/52 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 3/52 di tích vệ sinh chưa tốt: Nam Diêu tổ miếu, miếu Giáp Đông, xung quanh di tích Khu miếu Lùm Bà Yàng cỏ mọc nhiều.

* **Về tình trạng lấn chiếm:** Không

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Nhà thờ tộc Võ Văn, miếu Trung Lương, nhà thờ tộc Nguyễn Văn (*phái Ba*) đề nghị sớm được tu bổ di tích.

- Mộ ông Đô đốc thời Tây Sơn (*họ Nguyễn Đức*) xin hỗ trợ kinh phí tu bổ.

- Đình Thanh Hà: xin bắt điện, tiếp tục chống mối.

12 - Các di tích tín ngưỡng ở phường Minh An:

* *Về tình trạng kỹ thuật*: 04/34 di tích có tình trạng kỹ thuật còn tốt hoặc tương đối tốt; 30/34 di tích còn lại như sau:

- Hội quán Hải Nam: mái của cổng ra sân sau bị mục cầu kiện gỗ.

- Quan Công Miếu: chính điện bị dột một vài chỗ khi mưa lớn; một số văn bia bị hỏng nặng.

- Nhà thờ tộc Hoàng: nhiều hạng mục, cầu kiện gỗ bị hư hại, mối mọt, xuống cấp nặng.

- Hội quán Phúc Kiến: (*ảnh hưởng do bão số 11*) một vài cây trong khuôn viên bị gãy, ngã đổ (*không ảnh hưởng đến di tích*); diềm mái trước nhà Đông bị tụt một vài nơi; chính điện: bị thấm dột nặng; cửa hông phía Tây chính điện bị gãy.

- Hội quán Ngũ Bang: (*ảnh hưởng do bão số 11*) mái phượng đình bị nứt nặng; nhà Đông, nhà Tây bị xóc ngói một vài nơi; cửa sổ phía Tây chính điện bị bung, gãy.

- Miếu Âm Hồn: nhà Đông, Tây xuống cấp nặng; miếu chính, hoành phi bị mối nặng; mái sau chính điện bị hư vài nơi do bị cành cây quét (*ảnh hưởng do bão số 11*).

- Nhà thờ tộc Lý: xói nhà trước bị hỏng dẫn đến nước chảy vào nhà khi trời mưa.

- Minh Hương tụy tiên đường, Nhà thờ tộc Phạm (96 Trần Phú), Nhà thờ tộc Thái (90 Bạch Đằng), nhà thờ

tộc Vương, Nhà thờ tộc Trương (69/1 Phan Chu Trinh), Nhà thờ tộc Huỳnh (86 Lê Lợi): mái bị dột một vài nơi, một số chỗ tường bị nứt.

- Hội quán Quảng Triệu: đuôi mái của hạng mục nhà thờ tổ tiên ở hai bên bị mục.

- Chùa Cầu: mái bị tụt ngói vài nơi, các cầu kiện gỗ có dấu hiệu mục, trụ cầu bị nứt, quả Phật thủ trang trí ở phía đông bị vỡ một phần.

- Miếu Hy Hòa: trính nhà sau bị mối mọt nhiều.

- Văn chỉ Minh Hương: bị dột một vài nơi ở nóc chính điện và các vị trí khác. Các bệ thờ, hệ thống thờ tự xuống cấp nặng.

- Nhà thờ tộc Tăng Diêu, tộc Lâm, Nhà thờ tộc Lê Doãn, Nhà thờ tộc Đặng (69/5b Phan Chu Trinh), Tam quan chùa Bà Mụ: xuống cấp nặng.

- Nhà thờ tộc Trương (54/4 Phan Chu Trinh): Bờ nóc bị nứt gãy, mái ngói bị hỏng ở vị trí gần nóc dẫn đến dột, đầu hồi bị nứt; Ảnh hưởng bão số 11: bị dột nặng ở giữa nhà, đầu hồi, bờ nóc bị nứt, chi tiết trang trí giữa bờ nóc bị hư hỏng (*bay trái châu*).

- Mộ tổ tộc Huỳnh: tường rào bị hỏng, nhiều cây cối mọc trong nền mộ; nhà bia, mâm mộ và bình phong có dấu hiệu xuống cấp.

- Tín Nghĩa Từ: chính điện ngói bị tụt vài nơi, nhà Đông và Tây phía sau hỏng nặng, sân gạch phía trước hư nhiều nơi.

- Hội An tiên tự: chính điện bị mối vài nơi; nhà Đông bị mối mọt nặng và nứt tường nặng. Ảnh hưởng

do bão số 11: mái sau chính điện bị cây quét, hư hại nặng.

- Nhà thờ tộc Phan: một vài cây trính, đòn tay bị mối mọt xâm hại nặng. Trụ cổng nứt do bão

- Nhà thờ tộc Nguyễn: một số cấu kiện gỗ bị hỏng (*đòn tay, rui, cột*); ngói bị tụt ở vài vị trí.

- Nhà thờ tộc Trần (*21 Lê Lợi*): một số cấu kiện gỗ của từ đường và nhà phụ bị hỏng như kèo, cột, đòn tay; tường bị nứt vài nơi, ngói ở nhà phụ bị nứt vỡ vài chỗ.

- Đình ông Voi: mái chính điện bị hư hỏng nặng; một vài nơi tường hậu tẩm bị nứt; khám thờ ở tầng hai hậu tẩm bị hỏng một vài nơi.

- Mộ Khổng Thiên Như: bia mộ bị hư hỏng nặng.

* **Về tình trạng vệ sinh:** 22/34 di tích có tình trạng vệ sinh tốt. 12/34 di tích vệ sinh chưa đảm bảo: Hội quán Hải Nam, nhà thờ tộc Hoàng, nhà thờ tộc Tăng Diệu, nhà thờ tộc Đặng, Tam quan chùa Bà Mụ, mộ tổ tộc Huỳnh, Tín Nghĩa Từ, mộ Khổng Thiên Như; đồ vật dụng bên trong di tích còn bừa bộn (*miếu Âm Hồn, nhà thờ tộc Lê Doãn, Hội An tiên tự, nhà thờ tộc Phan*).

* **Về tình trạng lấn chiếm:** 28/34 di tích không có tình trạng lấn chiếm; 06/34 di tích bị lấn chiếm: một số di tích có khuôn viên bị lấn chiếm từ xưa (*miếu Âm Hồn, Tam quan chùa Bà Mụ, mộ tổ tộc Huỳnh, đình ông Voi*); mộ Khổng Thiên Như (*chùa Pháp Bảo làm mái che tạm sát phía sau mộ*); miếu Hy Hòa (*trưng bày tại di tích quê*

nhà làm mất mỹ quan, tính tôn nghiêm di tích).

* **Đề xuất của người bảo vệ di tích:**

- Minh Hương tự tiên đường: đề nghị nhà nước quan tâm dặm dọi những vị trí bị đột.

- Miếu Âm Hồn: đề nghị Nhà nước cần tu bổ gấp di tích; di dời các hộ dân trong khuôn viên di tích; cấm các hộ dân phơi phóng quần áo và đồ phương tiện đi lại làm mất mỹ quan.

- Nhà thờ tộc Lý: đề nghị nhà nước giúp đỡ tu sửa xối.

- Nhà thờ tộc Thái (*126 Nguyễn Thái Học và 90 Bạch Đằng*): đề nghị nhà nước quan tâm giúp xử lý mỗi hàng năm; Nhà nước quan tâm điều tiết xả nước thủy điện để giảm thiểu ngập lũ làm hư hại di tích.

- Văn chỉ Minh Hương: đề nghị nhà nước quan tâm tu bổ lại các bệ thờ và khám thờ.

- Nhà thờ tộc Tăng Diệu, Nhà thờ tộc Lê Doãn, Nhà thờ tộc Đặng, Nhà thờ tộc Nguyễn: đề nghị nhà nước hỗ trợ tu bổ di tích và sớm triển khai thực hiện.

- Nhà thờ tộc Trương (*54/4 Phan Châu Trinh*): đề nghị nhà nước kiểm tra và hướng dẫn sửa chữa.

- Mộ tổ tộc Huỳnh: đề nghị nhà nước quan tâm tạo điều kiện đường vào mộ.

- Tín Nghĩa Từ: đề nghị nhà nước nhanh chóng tu bổ di tích.

- Hội An tiên tự: đề nghị nhà nước quan tâm xử lý mối và tu bổ nhà Đông.

- Nhà thờ tộc Phan: đề nghị nhà nước hỗ trợ tu bổ các cấu kiện gỗ bị hỏng. Quan tâm giúp đỡ chống mối.

- Đình ông Voi: đề nghị nhà nước quan tâm tu bổ chính điện gấp.

13 - Di tích ở xã Tân Hiệp

Do điều kiện thời tiết, cán bộ khảo sát Phòng Quản lý Di tích chưa thể khảo sát được các di tích trên địa bàn này. Tuy nhiên qua thông tin từ xã, một số di tích bị ảnh hưởng bởi bão số 11 gồm:

- Miếu Ngũ Hành Bãi Hương: Sóng knockout chân tảng đá nơi di tích tọa lạc tạo nguy cơ sụp đổ cho di tích sau này; Một số con giống bị hư hại nặng thêm; Mái che tạm bằng tôn phía trước miếu bị tốc, hỏng nặng.

- Miếu tổ nghề Yến: Một phần mái sau của ngôi miếu bị tốc ngói gây đột nặng.

- Miếu Cô - Bãi Làng: Kiến trúc chính không bị hư hỏng; Mái che tạm phía trước bị hỏng nặng.

- Lăng Ông Ngư: Bị thấm đột vào nơi nhưng không hư hỏng về kiến trúc.

- Lăng Tiên Hiền: Tường, hoa văn trang trí bàn thờ bị bong tróc nặng.

- Lăng Bà - Bãi Làng: Bị tốc tôn mái che trước sân.

- Lăng Bà Bạch: Xuống cấp nặng hại thêm.

- Nhà ông Trần Cẩn: Xuống cấp thêm nghiêm trọng có nguy cơ sụp.

- Chùa Hải Tạng: Ngã đổ cây cổ thụ trong khuôn viên nhưng không đe dọa di tích; Một vài tấm tôn lợp mái nhà đông bị tốc

Ý kiến của phòng Quản lý Di tích:

- Đề nghị UBND các địa phương có di tích chỉ đạo các tổ quản lý di tích và nhân dân địa phương dọn dẹp vệ sinh, giữ gìn cảnh quan di tích, giải quyết việc lấn chiếm di tích.

- Các chủ di tích và cộng đồng dân cư chủ động phòng chống mối mọt, gia cố các vị trí hư hỏng nhẹ để ngăn ngừa sự xuống cấp tiếp theo.

- Các tổ quản lý di tích, chủ các di tích tăng cường quản lý không để mất mát tài sản, hiện vật, xâm hại di tích, nếu có thì kịp thời báo cáo với UBND sở tại để xử lý.

- Trong thời gian đến, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An sẽ triển khai tu bổ các di tích đã được thống nhất danh mục và thời gian khi được phân bổ kinh phí. Đối với các di tích khác, Trung tâm sẽ tiến hành khảo sát đưa vào kế hoạch tu bổ các di tích xuống cấp nặng trong thời gian đến để xin chủ trương thống nhất của UBND Thành phố♥



HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN QUÝ III/2013

***Văn bản, chủ trương, chính sách mới**

- Ngày 25/6/2013, UBND thành phố Hội An ra Thông báo số 273/TB-UBND về nội dung kết luận tại hội nghị triển khai và phát động “*Năm xây dựng Nếp sống văn minh - Mỹ quan đô thị - 2013*”.

- Ngày 19/7/2013, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 2222/QĐ-UBND về Đề án thi tuyển chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Nam;

*** Kết quả hoạt động chuyên môn**

1. Công tác nghiên cứu khoa học:

Nghiệm thu 02 đề tài NCKH: “*Văn hóa Hội An*” và “*Sưu tầm khảo sát địa danh dân gian*”; Triển khai thực hiện chương trình kiểm kê nhận diện Văn hoá phi vật thể nghề truyền thống ở Hội An (*Hoàn thành 9/12 phiếu kiểm kê, 12/12 bộ ảnh, quay phim 11/12 nghề*); Viết 10 bài nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, kiến trúc Hội An; Thực hiện 25 tư liệu về các sự kiện văn hóa - xã hội, chụp 850 ảnh và 265 video về hoạt động văn hoá - xã hội trên địa bàn Thành phố nhân các sự kiện, các ngày lễ lớn.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích:

Theo dõi và tăng cường mối quan hệ hợp tác với lực lượng bảo vệ di tích trong và ngoài khu phố cổ; Tổ chức khảo sát, kiểm tra tình hình quản lý di tích vùng ven hàng quý; Hoàn thành việc lập danh mục các di tích đề nghị chống đỡ năm 2013 (*8 di tích*); Xây dựng 4 hồ sơ sơ bộ gửi Trung tâm Quản lý Di tích & Danh thắng tỉnh Quảng Nam về việc công nhận di tích cấp Tỉnh (*Mộ chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu, khu di tích Đài kỷ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam và Không Tử miếu, nhà thờ tộc Đinh và nhà thờ tộc Nguyễn Văn*); Xây dựng kế hoạch dựng bia cấm mộc cho 10 di tích và 4/10 nội dung bia di tích; Chú trọng công tác cấp phép tu bổ di tích, tích cực giám sát xây dựng, sửa chữa di tích/nhà ở của nhân dân đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm tra, chấn chỉnh trật tự kinh doanh trong khu phố cổ; Tính đến 30/8/2013, đơn vị tiếp nhận 210 lượt hồ sơ sửa chữa di tích trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Thành phố. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét, đơn vị đã tham mưu cấp phép 197 trường hợp, trong đó Khu vực I là 61 HS, Khu vực IIA là 61 HS và Khu vực IIB là 17 HS; Thụ lý giải quyết và trả lời trực tiếp cho công dân 188 văn bản liên quan đến công tác quản lý, tu bổ di tích trong và ngoài khu phố cổ.

Tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm như nhà lao Hội An, bảo tàng Hội An, dự án tu bổ khẩn cấp (*52 di tích*); Tiếp tục thực hiện các chương trình đầu tư tu bổ di tích từ các nguồn: Chương trình mục tiêu, ngân sách thành phố, đề án cho

vay vốn tu bổ di tích khẩn cấp; Tích cực thực hiện nghiệm thu, quyết toán công trình đã hoàn thành. Tính đến thời điểm 30/8/2013 đã có 07 công trình được phê duyệt quyết toán, 10 công trình đang lập quyết toán, 10 công trình đưa vào nghiệm thu.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị:

Chủ trì tổ chức thành công các hoạt động trong chuỗi “*Giao lưu Văn hóa Việt-Nhật*”: Trưng bày 50 ảnh về tình hữu nghị giữa Nhật Bản và Việt Nam, Trò chơi dân gian “*Gấp lá dừa truyền thống Hội An*” với tổng số 90 học sinh/9 trường THCS tham gia; Biên tập nội dung chuyên mục phát thanh Bảo tồn di sản hàng tuần (*đã được 33 số với 32 bài và 68 tin, 33 nhân vật sự kiện*); Cập nhật và phát huy hiệu quả Website (*đã đăng mới 60 bài viết, 34 tin*), phát hành bản tin chuyên môn quý III của đơn vị; Triển khai thực hiện phương án nâng cấp các bảo tàng chuyên đề do Cơ quan quản lý; Thường xuyên cập nhật, bổ sung tư liệu tại Văn phòng tư vấn thông tin di sản, trong 9 tháng đầu năm Văn phòng đã bổ sung được 140 bài báo, bài viết về Hội An, nhiều tài liệu của đơn vị và đã phục vụ cho 74 lượt khách có nhu cầu tìm hiểu thông tin về Hội An (*trong đó có 68 lượt khách Việt Nam, 7 lượt khách quốc tế*); Thường xuyên đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và đón tiếp khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý. Trong 9 tháng đầu năm, các điểm đã đón tiếp tổng cộng 647.000 lượt khách đến tham quan (*Quốc tế 531.700 lượt, Việt Nam 115.800 lượt*).

4. Công tác đối ngoại:

Xây dựng 02 hồ sơ xin tài trợ từ các tổ chức nước ngoài: “*Không gian công cộng tại khu vực bảo tàng*” thuộc quỹ Hoàng tử Clausse - Hà Lan, Chương trình “*Hỗ trợ phát huy di sản*” của tổ chức Austraining về việc xin hỗ trợ tình nguyện viên Úc (dự kiến tiếp nhận trong tháng 10); Dịch tóm tắt nội dung Website (5 trang); Hoàn thành thủ tục tiếp nhận và lắp đặt 28 đèn năng lượng mặt trời do hãng hàng không Asiana tài trợ; Đón tiếp và làm việc với 14 đoàn nước ngoài đến liên hệ công tác tại đơn vị (*06 Nhật Bản, 01 Ấn Độ, 01 Pháp, 01 Lào, 01 Bảo tàng 3 nước Đông Dương, 01 Canada, 01 Úc, 01 ĐH Thammasat-Thái Lan, ông Geoff Steven-TGD Tổ chức Our Place World Heritage*) và 05 đoàn Việt Nam (*Sơn Tây - Hà Nội, Đoàn giám sát Quốc hội VHGD thanh niên và nhi đồng, Bảo tàng Việt Nam, BQLDT Hoàng thành Thăng Long, Viện chiến lược chính sách tài nguyên và môi trường*); Thông báo chương trình đào tạo nâng cao năng lực về quản lý rủi ro tại Nhật; Thực hiện các thủ tục xuất/nhập cảnh cho 02 cán bộ (*Nguyễn Trần Cẩm Giang đi Nhật, Võ Đăng Phong đi Campuchia*).

5. Công tác tổ chức, cán bộ:

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức – cán bộ của đơn vị; Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết nâng cao năng lực, trình độ chính trị và chuyên môn cho cán bộ, đảng viên tại đơn vị, đến nay, có 02 đ/c tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, 02 cán bộ học cao học, 06 cán bộ tham gia học đại học; Chỉ đạo các Phòng

xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên; Điều chuyển công tác cho 03 cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị.

6. Công tác Hành chính - Tài vụ:

Trong quý III/2013, cơ quan đã ban hành tổng cộng 287 văn bản các loại, tiếp tục duy trì xử lý sao gửi văn bản qua mạng, góp phần tiết kiệm thời gian, kinh phí photocopy và nâng cao khả năng ứng dụng CNTT vào nghiệp vụ hành chính. Công tác tài chính – tài vụ được chú trọng chỉ đạo. Kinh phí hoạt động của cơ quan được đảm bảo. Trong 9 tháng đầu năm, đơn vị đã thu được 3,698 tỷ đồng (đạt 78% kế hoạch năm) và đã thực hiện chi 3,369 tỷ đồng (đạt 79% kế hoạch năm).

Trong quý III, các phòng chuyên môn đã hết sức cố gắng, nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ. Tuy nhiên vẫn còn một số công việc chưa thực sự giải quyết triệt để, do gặp nhiều khó khăn về thời gian và lượng công việc tương đối lớn. Qua kết quả bỏ phiếu bình chọn đơn vị dẫn đầu thi đua hàng tháng, vị thứ thi đua của các Phòng trong quý III theo thứ tự như sau: 1/ Phòng Tu bổ di tích; 2/ Phòng Quản lý di tích; 3/ Phòng Bảo tàng; 4/ Phòng Hành chính - Tài vụ; 5/ Phòng Lưu trữ - Thông tin và Đối ngoại; 6/ Phòng Quản lý Tu bổ Khu phố cổ.

*** Công tác Đảng – Đoàn thể**

- **Đảng bộ:** Thường xuyên thực hiện tốt công tác quán triệt các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy và các quy chế của đơn vị cho toàn đảng viên và quần chúng. Các ban xây của Đảng bộ như Ủy Ban kiểm tra, Ban tuyên huấn cơ sở đã triển khai thực hiện một số hoạt động trong kế hoạch, chương trình công tác năm 2013, giúp Đảng ủy nâng cao vai trò lãnh đạo mọi mặt tại đơn vị. Hoạt động của các Chi bộ trực thuộc tiếp tục được duy trì tốt, nội dung sinh hoạt chi bộ định kỳ luôn được đổi mới. Trong sinh hoạt chi bộ, chú trọng việc quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, Thông báo, Hướng dẫn của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tài liệu về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... đến từng đảng viên và nhắc nhở đảng viên thực hiện tốt Chỉ thị 14 của Thành ủy về giới thiệu đảng viên đương chức về sinh hoạt tại địa phương. Tham mưu cho đơn vị triển khai 02 chương trình lớn: Học tập nâng cao năng lực quản lý di sản. Căn cứ vào nhiệm vụ chuyên môn của từng cá nhân, đơn vị đã định hướng để mỗi cá nhân đăng ký xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho bản thân. Đến nay, 100% cán bộ đảng viên, quần chúng nắm bắt và đăng ký nội dung thực hiện. Từng hoạt động đều phân công cán bộ theo dõi làm cơ sở đánh giá hiệu quả cuối năm; Triển khai phòng trào “Xanh - sạch - đẹp” với 04 hoạt động: “Chi bộ không khói thuốc”, “Đi xe đạp để bảo vệ môi trường”, “Văn phòng xanh” và “Cafe sáng - khởi động ngày mới”. Mục đích, ý nghĩa và nội dung thực hiện các hoạt động này đã được thông báo đến từng chi bộ, phòng chuyên môn phổ biến cho cán bộ đảng viên, quần chúng nắm bắt và đăng ký nội dung thực hiện. Từng hoạt động đều phân công cán bộ theo dõi làm cơ sở đánh giá hiệu quả cuối năm.

Hiện nay, Đảng bộ đã có sự phát triển mạnh về số lượng với tổng số 34 đảng viên. Về công tác phát triển đảng, tiếp tục thực hiện thẩm tra lý lịch cho 03 quần chúng, hoàn thành 01 hồ sơ đề nghị kết nạp Đảng và công nhận 02 đảng viên chính thức.

- Công đoàn: Tham gia tốt các hoạt động công đoàn cho LĐLĐ Thành phố tổ chức; Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình hoạt động công đoàn của đơn vị; Tham gia giao lưu thi đấu bóng chuyền và đá bóng giữa các khối công đoàn trên Thành phố nhân kỷ niệm ngày Văn hóa Thông tin (28/8).

- Chi đoàn: Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho gia đình bé Kim Mân (*phường Cửa Đại*) 600.000đ/quý; Huy động đoàn viên góp vốn hàng tháng, phối hợp cùng tổ nữ công cơ quan thực hiện phong trào “Nuôi heo đất”; Giới thiệu 02 đoàn viên ưu tú tham gia lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng; Duy trì thường xuyên sinh hoạt chi đoàn hàng tháng, hoạt động chơi bóng chuyền tại cơ quan nhằm nâng cao sức khỏe thể chất, đời sống văn hoá tinh thần trong đoàn viên. Tham gia đóng phim “*Người cộng sự*”; Tham gia giải bóng đá Đoàn khối chính quyền tổ chức (*giải 4 toàn đoàn*); Tham gia lễ thấp nền tri ân, hoạt động kỷ niệm 66 năm ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7); Tham gia kê bia mộ Nhật tại phường Cẩm Châu, Tân An phục vụ cho các hoạt động tham quan trong chương trình “*Giao lưu văn hóa Việt Nhật*”; Chủ trì thực hiện thành công trò chơi “*Gấp lá dừa truyền thống Hội An*” trong chương trình “*Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ XI - 2013*”.

- Ban Thanh tra Nhân dân: Luôn tăng cường công tác giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, phát huy cơ chế dân chủ trong đơn vị. Thường xuyên tiến hành theo dõi tình hình thực hiện công tác tiếp công dân, công tác phòng chống tham nhũng của cơ quan. Thường xuyên phối hợp với cơ quan, BCH Công đoàn kiểm tra, nhắc nhở thực hiện tốt việc trực, vệ sinh tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý và triển khai công tác PCCC, PCLB năm 2013.

DỰ KIẾN CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG QUÝ IV

A. Phòng Quản lý Di tích: Làm tư liệu sự kiện văn hoá - xã hội trên địa bàn thành phố nhân các sự kiện, các ngày lễ lớn. Triển khai công tác khảo sát, kiểm tra công tác quản lý các di tích vùng ven, di tích trong khu phố cổ; Tiếp tục thực hiện đề án giáo dục trong học đường; Theo dõi khảo sát, viết báo cáo lập hồ sơ tu bổ các công trình năm 2013, dự kiến tu bổ năm 2014; Làm trích lục bản đồ di tích, dựng bia cắm mốc cho các di tích; Phát huy hiệu quả Website bảo tồn di sản tại đơn vị; Tổ chức gặp mặt các chủ di tích vùng ven cuối năm.

B. Phòng Quản lý Tu bổ khu phố cổ: Tiếp tục tập trung khảo sát, tham mưu cấp phép xây dựng, sửa chữa cải tạo, tu bổ di tích/nhà ở trong khu phố cổ

đảm bảo đúng các quy định hiện hành và nguyên tắc tu bổ di tích; Phối hợp kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng, sửa chữa cải tạo, tu bổ di tích/nhà ở đang thi công và trật tự kinh doanh trong khu phố cổ; Tham mưu giải quyết, trả lời đơn thư của các tổ chức/công dân và phiếu chuyển UBND Thành phố; Tăng cường chỉ đạo nâng cấp hồ sơ lưu trữ di tích trong khu phố cổ; Đẩy nhanh thực hiện phiếu điều tra di tích trong khu phố cổ phục vụ đề tài nghiên cứu “*Biến dạng di tích trong khu phố cổ – Thực trạng và giải pháp*”.

C. Phòng Tu bổ di tích: Tham mưu xây dựng và trình UBND Tỉnh phê duyệt danh mục ưu tiên các dự án thành phần thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị DSVH Hội An; Tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2 của dự án tu bổ, tôn tạo Nhà lao Hội An; Tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm như Dự án Tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ trong khu phố cổ Hội An (*dự án 52 di tích*), dự án PCCC trong khu phố cổ, nhà 14 Nguyễn Thái Học, dự án Tam quan Chùa Bà Mụ; Tiếp tục thực hiện các chương trình đầu tư tu bổ di tích từ các nguồn: Chương trình mục tiêu, ngân sách thành phố, đề án cho vay vốn tu bổ di tích khẩn cấp; Tiếp tục triển khai công tác hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích thường xuyên.

D. Phòng Lưu trữ, Thông tin & Đối ngoại: Tiếp tục thực hiện phương án nâng cấp lưu trữ; Tiếp tục dịch nội dung Website và nhập dữ liệu phần mềm quản lý di sản; Tư vấn và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu; Đón tiếp, làm việc với các đoàn khách Việt Nam và quốc tế đến liên hệ công tác tại đơn vị; Tăng cường quan hệ với các đối tác để tranh thủ các nguồn tài trợ một số dự án đầu tư tu bổ, bảo tồn di tích. Triển khai các thủ tục tiếp theo để tiếp nhận tình nguyện viên Úc.

E. Phòng Bảo tàng: Tiếp tục triển khai các hoạt động theo kế hoạch, trong đó chú trọng hoàn thiện đề án nâng cấp trưng bày Bảo tàng Văn hoá Sa Huỳnh, Bảo tàng nghề y, triển khai phương án nâng cấp trưng bày, bảo quản và sưu tầm, bổ sung hiện vật các bảo tàng; Thực hiện tốt công tác đón tiếp khách tham quan tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý và phân đấu đạt chỉ tiêu ô vé đề ra; Theo dõi hoạt động “*Đêm phố cổ*”, cổ động trực quan tại các điểm bảo tàng, di tích; Thực hiện triển lãm, trưng bày chuyên đề, tham gia các hoạt động phong trào do cơ quan, các đoàn thể phát động.

F. Phòng Hành chính - Tài vụ: Tham mưu thực hiện tốt công tác hành chính – tổng hợp và lưu trữ hồ sơ; Tham mưu xây dựng đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ trình UBND Thành phố phê duyệt; Thực hiện quyết toán các kinh phí tồn đọng; Tham mưu, theo dõi thực hiện phương án tiết kiệm chung cơ quan; Tập hợp chứng từ và chi các khoản chi hoạt động.

*** Công tác Đảng - Đoàn thể**

- **Đảng bộ:** Tiếp tục chú trọng triển khai các hoạt động trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ; Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các Chi bộ triển khai hoạt động theo kế hoạch; Thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ chính trị nội bộ; Tăng cường chỉ đạo và kiểm tra thực hiện quy chế hoạt động của Đảng ủy; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ban xây dựng Đảng; Duy trì sinh hoạt Đảng bộ, Chi bộ theo thời gian quy định, trong đó thường xuyên lồng ghép nội dung tuyên truyền về “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*” theo Chỉ thị 03 và các phong trào khác của cơ quan; Tiếp tục thực hiện các thủ tục đề nghị kết nạp đảng viên mới.

- **Công đoàn:** Tăng cường phát hành ấn phẩm công đoàn; Tiếp tục vận động chương trình tiết kiệm “*Nuôi heo đất*” cho toàn thể CBCNV; Đôn đốc thực hiện tốt phong trào thi đua của đơn vị và tổ chức “*Hội thi Cán bộ VC-LĐ sáng tạo năm 2013*”.

- **Chi đoàn:** Tiếp tục đỡ đầu gia đình nạn nhân chất độc da cam tại phường Cửa Đại; Tổ chức giới thiệu “*Tài liệu tiếng Anh về DSVH Hội An*” trong tuổi trẻ học đường; Triển khai “*Trò chơi gấp lá dừa truyền thống Hội An*”; Duy trì thường xuyên phong trào thể thao bóng chuyền, cầu lông tại cơ quan; Tham gia đầy đủ các hoạt động do Thành đoàn và đoàn cấp trên phát động.

- **Ban Thanh tra Nhân dân:** Xây dựng và thực hiện tốt quy chế hoạt động của Ban TTND; Luôn tăng cường công tác giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, phát huy quy chế dân chủ trong đơn vị; Thường xuyên tiến hành theo dõi tình hình thực hiện công tác tiếp công dân, công tác phòng chống tham nhũng của cơ quan; Thường xuyên phối hợp với cơ quan, BCH Công đoàn kiểm tra, chấn chỉnh việc trực và trưng bày ấn phẩm, hàng hoá tại các điểm bảo tàng, di tích do cơ quan quản lý♥

